

40
INDO-CHINOIS

2

Surage: 1000

NHẬT NHẠM

TRÌNH NHƯ TÀU

HUNG YÊN

ĐỊA CHỈ

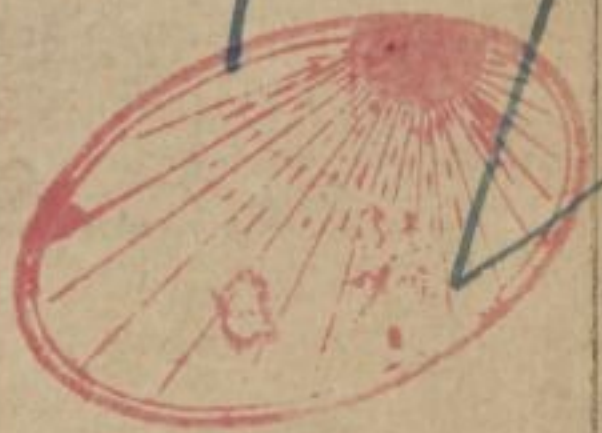
DEPT. DES
INDOCHINE
N° 20162



géographie de
la province de
Hông-yên.

Certifié conforme
à Hung-yên, le 5/10/34
L'auteur

[Signature]



IN TẠI NHÀ IN NGO TỰ HÀ

SOẠN GIẢ GIỮ BAN QUYỀN

1934

In lần thứ nhất.

NHẬT - NHAM TÙNG - THU

Dự cáo

TRỊNH - GIA CHÍNH - PHẢ

(Đã được nhà Học-Chính cho dùng trong các học-đường)

Thuật gia - thế 12 đời Chúa Trịnh, từ lúc thịnh cho đến lúc suy, gồm đủ mọi việc chính-trị, văn - chương, ngoại - giao, nội - chiến, quốc - thế, nhân - tài, văn văn . . . , về đời vua Lê, chúa Trịnh: tóm lại là hết thấy những điều quan - hệ đến lịch - sử nước Nam trong khoảng 249 năm, từ thế - kỷ thứ XVI đến thế - kỷ thứ XVIII 1539 - 1787 đều có trong quyển sách này. Có nhiều họa-tượng, in lần thứ hai, dày 125 trang giá 0\$40.

ĐÃ XUẤT-BẢN

VI - TIÊN

Là một bộ Trường-thiên tiểu-thuyết rất có ích, dày 42 trang, bìa có vẽ, giá bán 0\$25

GƯƠNG LUÂN - LÝ

Đặt theo lối song-thất lục bát

VIỆT - SỬ THUYẾT - ƯỚC

Chép hành-trạng các đời Đế-Vương và lịch-sử, huân - lao các vị danh-thần, liệt-nữ, anh-hùng, văn văn . . .

HOA XƯA ONG CŨ

(hài-kịch chia làm ba hồi diễn lần thứ nhất ở Hưng thành).

LĨNH - NAM DANH - NHÂN THỰC LỤC

Gồm đủ các truyện hay, sự-tích lạ của nước nhà.

SẮP XUẤT - BẢN

BIÊN - TẬP - GIẢ : Trịnh - như - Tấu

T ự a

**Bất xuất hộ đình tam, ngũ bộ,
Thu tận giang-sơn vạn lý tình.**

Nghĩa là : Không ra khỏi cửa năm, ba bước, mà biết hết tình muôn dặm giang - sơn. — Ấy là câu thơ trong sách Tình-Lý, có thể dùng để tả chân sự ích - lợi của sách địa-dư

Nói riêng nước Việt ta, địa-dư thuộc về toàn-hạt Đông-dương, hay riêng từng xứ Bắc, Trung, Nam-kỳ, đều có cả, duy địa-dư hàng tỉnh chưa có mấy bộ xuất-hiện, bởi vì người có đủ tư-cách, đủ kiên-thức và đủ tài-liệu làm sách địa-dư không phải là nhiều, mà người có thể làm, chịu lưu-tâm khảo-cứu, lại là phần hiếm. Cho nên mỗi tỉnh chưa có địa-dư riêng, là một cái đại-khuyết-diêm, mà chưa có người bổ-cứu.

Nếu tỉnh nào cũng có bộ địa-dư riêng, hợp lại thành địa-dư toàn-quốc, thì chẳng cũng mười phần tường-tận, hoàn-hảo lắm ru?

Phái chính-trị, muốn biết tình - thế, phái kinh-tê muốn biết sản-vật và sự mậu-dịch, phái khảo-cứu muốn biết lịch-sử và di-tích, nếu không nhờ có địa-dư hàng tỉnh thì bằng-cứ và dẫu? — Cho nên cái công giúp đỡ về sự tiên-hóa của sách địa-dư không phải là nhỏ vậy!

Tỉnh Hưng-yên xưa nay đã có quyển sách địa-dư nào chưa? Chưa thực có. Vì dù có, thì cũng đơn-giản về tình sự-tích mà thôi, chứ chưa có bộ sách hoàn-toàn nào xuất-thê.

Ông Trịnh-như-Tàu hiện tòng-sự tại toà Sứ Hưng-yên, là một người học-văn uyên-bác, thường lưu-tâm khảo-cứu. Ông có chí làm sách địa-dư Hưng-yên, cho nên những giờ công-hạ, ông đều dùng vào sự viết sách, và những ngày được nghỉ, ông thường đi du-lich mọi nơi, đã mấy năm, mới lập thành bản thảo, thật là có công với tỉnh Hưng-yên và có công với địa-dư-học nhiều lắm.

Bản thảo chia làm sáu mục, mục nào cũng phân-minh tường-tận, và những câu-dôi, văn-bia, thi-tập, đều phiên-dịch lưu-loát, thật là một bộ sách rất có giá-trị, khiến cho người tỉnh Hưng-yên và người du-lich tỉnh Hưng-yên được biết rõ tình-thế và lịch-sử tỉnh Hưng-yên, là một phần nhờ cái công khảo-cứu của ông Trịnh-như-Tàu vậy.

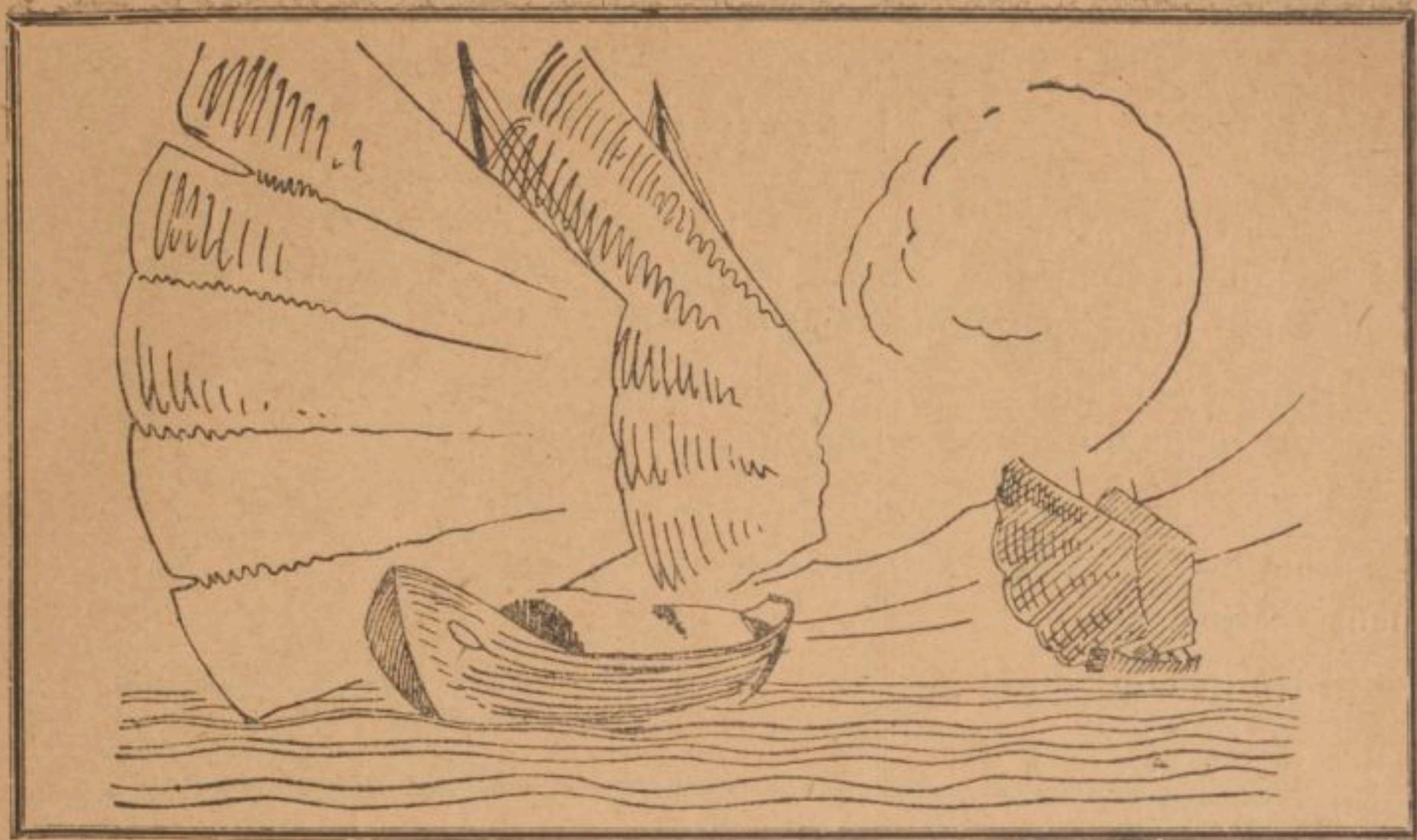
Ước ao: tỉnh nào cũng có người du-hoạn như ông Trịnh-như-Tàu cũng có người đủ tư-cách, kiên-thức, và tài-liệu mà lưu-tâm làm sách như ông Trịnh-như-Tàu thì sự tiên-bộ của địa-dư-học nước nhà có thể đoán mà biết được. . . .

Đầu thu năm Quý-dậu
Phượng-Sơn NGUYỄN-THIỆN-CHÍNH
Kính tựa

H^o Indoch.

2





I

HUNG-YÊN HÌNH-THẺ

Địa - danh duyên - cách



Về đời nhà Hán, tỉnh Hưng - yên thuộc huyện Chu-diên, quận Giao - chỉ. Đến đời nhà Tống, huyện - lý Chu - diên lập tại Hưng - yên. Về đời nhà Đường, gọi là *Diên - châu* (năm 618 đến năm 627) hợp với huyện Cao - lang và Đinh - lang.

Thời - kỳ Thập - nhị - sứ - quân, gọi là *Đằng - châu* (939 đến năm 965). — Đến nhà tiền - Lê, đổi là phủ *Thái - bình* (980 đến 1009). — Lại đổi là *Khoái - lộ* (thế - kỷ thứ 13), đời nhà Trần. — Đến đời nhà Minh bên Tàu (thế - kỷ thứ 15), gọi là *Khoái - châu*.

Về đời hậu - Lê, niên - hiệu Thuận - thiên (1428 - 1433) thuộc Nam - đạo, — niên - hiệu Quang - thuận (1460 - 1469), thuộc Chàng - thiên Thừa - tuyên, — niên - hiệu Hồng - đức (1470 - 1497), thuộc Sơn - nam Thừa - tuyên. — Đến đời nhà Mạc, thuộc tỉnh Hải - dương.

Niên - hiệu Quang - hưng (1578 - 1599), gọi là *Sơn - nam*.

Năm 1741, cải ra *Sơn - nam thượng*. Lại đổi là *Sơn - nam - chấn*, năm 1822.

Mãi đến năm 1831 đời vua Minh - mệnh, mới nhất định gọi là *Hưng - yên*.

Xã Nhân - dục ở tỉnh - lý xưa vẫn là sở - tại huyện Kim - động. — Về đời nhà Ngô (thế - kỷ thứ 10), Sứ - quân **Phạm - bạch - Hồ** đóng quân ở đây.

Vị-trí và diện-tích

Tỉnh Hưng-yên ở giữa miền trung-châu Bắc-kỳ, ba phía liền sông, lại có nhiều sông đào, nhiều đường bộ giao-thông, rất tiện-lợi cho việc canh-nông và thương-mại.

Hưng-yên Bắc giáp Bắc-ninh, Đông giáp Hải-dương (có sông Đào và sông Cửu-yên phân địa-giới).

Phía Nam cách sông Luộc là tỉnh Thái-bình

Phía Tây, có sông Nhị-hà: một bên là Hưng-yên, một bên là Hà-nam và Hà-đông.

Diện-tích đo được 82.200 mẫu tây (Hectares) hay 228.334 mẫu ta:

PHỦ, HUYỆN	DIỆN-TÍCH (Mẫu tây)	PHỦ, HUYỆN	DIỆN-TÍCH (Mẫu tây)
Văn-lâm	7.570 Ha	Khoái-châu	13.030 Ha
Mỹ-hào	7.860 Ha	Ân-thị	13.230 Ha
Yên-mỹ	8.950 Ha	Tiên-lữ	10.170 Ha
Kim-động	11.810 Ha	Phù-cừ	9.580 Ha
		Tổng-cộng.	82.200 Hectares

Khí-hậu

Suốt bốn tháng đầu năm, chỉ những mưa phùn, không-khi ẩm-thấp, đồ-đạc quần-áo meo mốc, các côn-trùng mà nhất là ruồi-muỗi càng sản-xuất ra nhiều. Hết thời-kỳ mưa phùn cho đến cuối năm, khí-hậu điều-hòa, không nóng lắm mà cũng không rét nhiều. Khí-tiết mát mẻ, vì Hưng-yên ở giữa miền trung-châu, chung quanh có sông bao bọc.

Theo thời-tiết, một năm chia ra làm ba mùa:

a) Mùa hanh : 1 tháng 11 tây năm trước đến 15 tháng giêng tây năm sau;

b) Mùa mưa phùn: 15 tháng giêng tây đến 1 tháng 5 tây;

c) Mùa mưa to: tháng 5 đến tháng 11 tây. Thường hay có giông-tổ hoặc bão.

Một năm lại có hai mùa nước:

1°) Mùa nước lũ: tháng 6 đến tháng 11 tây;

2°) Mùa nước nhỏ: tháng 11 đến tháng 6 tây.

Nhiều khi gặp kỳ đại-hạn, nắng thiêu đồng-mạ, hư-lợi vườn rau. hoặc gặp mưa nhiều, cây cối thối nát, mùa màng rất là tai-hại.

Mấy năm gần đây, thiên tai rất ít.

Địa - thế và sông ngòi

Hưng-yên ở giữa trung-châu Bắc-kỳ, ruộng đất nhiều, không có rừng núi, chỉ có một ngọn đồi ở địa-phận xã Đào-đặng thuộc huyện Tiên-lữ, thường gọi *Đầu-son*. (1)

Giữa tỉnh lý có hồ *Bán-Nguyệt*.

Truyền tụng thơ rằng :

« Bán-Nguyệt hồ-tiền nguyên thị hải,
« Nhật bình Đầu-ngoại cánh vô sơn ».

DỊCH :

*Ngoài ngọn Đầu ra không có núi,
Trước hồ Nguyệt nọ vốn là khơi.*

Tỉnh ở xa bể, nhưng lắm sông ngòi. Quanh tỉnh thì ba phía liền sông. Giữa tỉnh, nhiều sông đào ngang dọc :

- a) Phía Tây, có sông Nhị-hà ;
- b) Phía Nam, có sông Luộc ;
- c) Giữa tỉnh có sông Hoàn-ái và sông Cửu-yên cùng nhiều sông đào khác nữa.

Các sông lạch ấy chia tỉnh ra làm ba khu :

A — Khu thứ nhất

Khu thứ nhất có ba huyện : Mỹ-hào, Văn-lâm và Yên-mỹ hợp thành đồn Bản-yên-nhân.

Không kể vùng gần Kê-sắt (Hải-dương) thì ruộng đất khu này cao hơn tất cả hai khu kia. Có những sông này chảy qua :

1° — Một con sông đào phát-nguyên từ sông Cầm-giang (Hải-dương) chia làm hai chi-lưu :

- a) Một chi-lưu về phía Bắc, bắt đầu từ xã Cận-duyệt ;
- b) Một chi-lưu ở phía Nam chảy vào sông Hoàn-ái về địa-phận xã Sài-trang.

2° — Sông Nghĩa-trụ.

B — Khu thứ nhì

Khu thứ nhì, đất ruộng phi-nhiều hơn cả, có phủ Khoái-châu, huyện Kim động và phủ Ân-thị.

Sông Quảng-lãng và sông Kim-ngưu chảy qua khu này :

1° — Hai chi - lưu phát-nguyên từ sông Hoàn-ái hợp thành sông Quảng-lãng. Sông Quảng-lãng chảy ra sông Cửu-yên.

(1) Tục truyền : xưa vua Hùng-vương lấy đồi này làm chỗ ao quán, nên gọi là Đầu-son (núi Đầu).

2o — Các sông đảo phía Tây khu thứ nhì hợp lại thành sông Kim-ngưu.

C — Khu thứ ba

Khu thứ ba ở phía Nam tỉnh là khu thấp nhất, nhiều ruộng đất hơn cả. Gặp mùa mưa to, ruộng, đất ở chỗ thấp quá, thường bị ngập lụt, mùa màng thối nát. Khu này có huyện Tiên-lữ và huyện Phù-cừ.

Phía Bắc, có sông Cửu-yên làm giới-hạn và giáp khu thứ nhì.

Phía Đông, giáp tỉnh Hải-dương, có sông Cửu-yên làm địa-giới.

Phía Nam, cách sông Luộc là tỉnh Thái-bình.

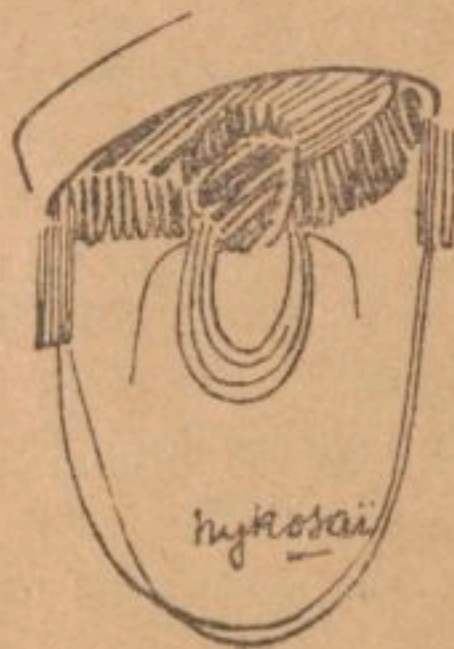
Sông Nhị-hà và sông Luộc là hai con sông to nhất trong các sông tỉnh Hưng-yên. Sức nước rất mạnh, đã gây nên nhiều cảnh-tượng tang-thương trên bờ sông.

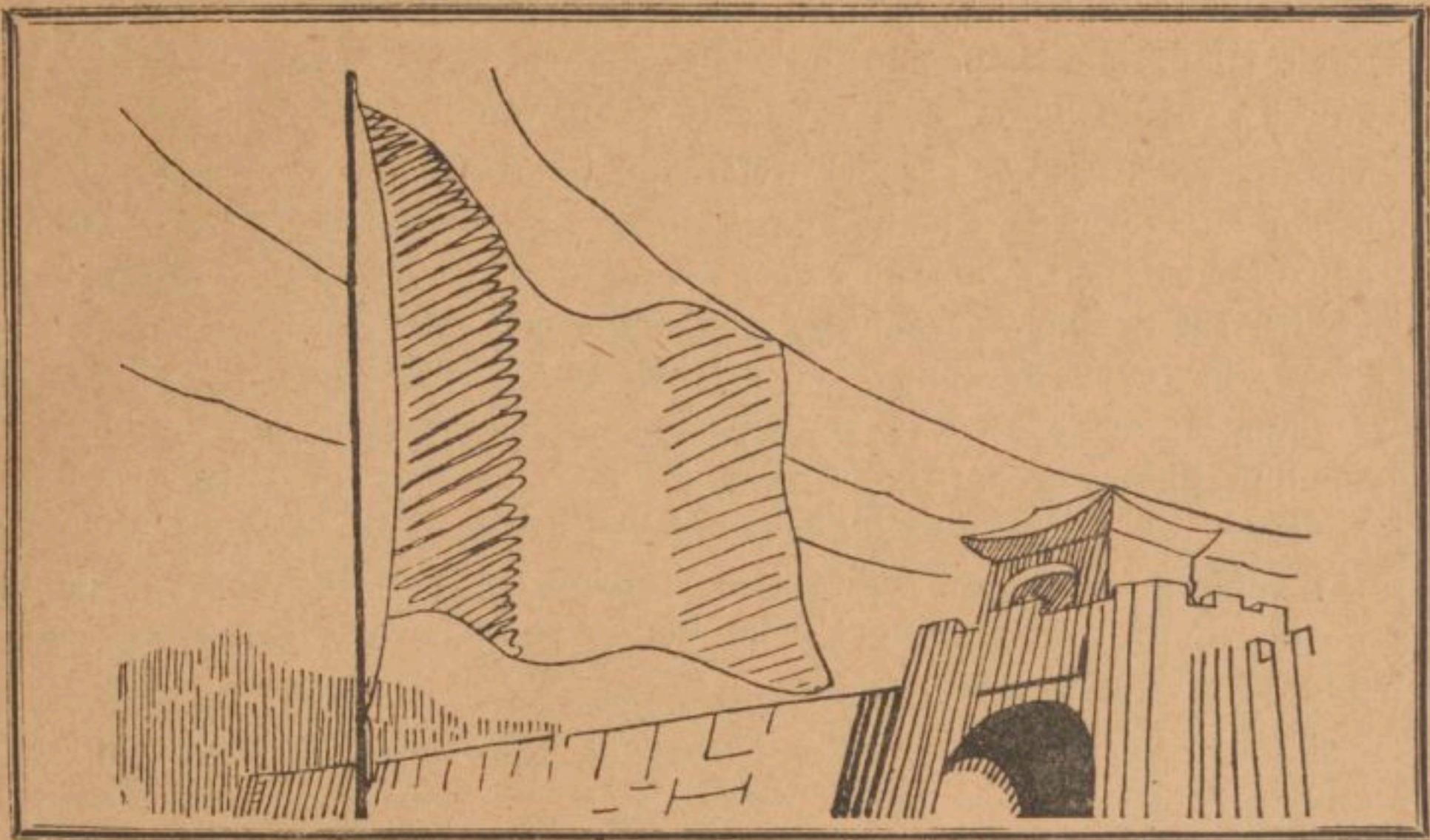
Hai con sông cái ấy có nhiều khúc-khuỷu. Một bên bờ bích-lập, đất bị lở luôn luôn. Còn bên kia, bao giờ cũng có đất phù-xa ở miền trên trôi xuống đọng lại. Có nhiều làng địa-thế mỗi năm một rộng thêm ra, trong khi các xã khác bị giòng nước làm cho đất, ruộng lở trôi. Các công-việc lở, bồi của giòng nước làm ra trong vòng 50 năm, 100 năm. Rồi có một ngày luồng nước gặp chỗ đất thực dần, không thể làm mòn lở được. Bấy giờ nước lại thay giòng khác, làm cho đất phù-xa mới bồi phải vỡ lở, để bồi-đắp lại cho các nơi trước kia bị sạt-hại.

Nhưng chưa đến thời-kỳ ấy, nhiều xã vì địa-thế một ngày một hẹp, đã dần dần phải lui nhà cửa, đình, chùa, miếu-mạo vào trong, sau cùng không đủ chỗ cư-chú nên phải thiên-di.

Những xã bị cái thủy-họa ấy thường hay ở phía dưới các khúc-khuỷu sông Nhị-hà hay sông Luộc, là chỗ nước soáy, đập vào bờ thực mạnh, làm cho đất phải sạt lở, rồi quần đem đi.

Nước sông Nhị-hà và sông Luộc thường bị nước thủy-chiều ngoài bể cản lại, nên lòng sông ứ-chệ, rất hại cho hai bên bờ sông. — Muốn đề-phòng cho mùa màng và dân cư khỏi tổn-hại về thủy-tai, nên Chính-phủ đã thi-hành việc trị-thủy. Đê sông Nhị-hà và sông Luộc thuộc địa-phận Hưng-yên đã đắp xong, rất chắc chắn, dân-gian không còn lo đến cái hại ngập lụt nữa.





II

BINH PHÁP HẠ HƯNG-THÀNH VÀ BÌNH GIẶC BÃI SẬY ⁽¹⁾



Ngày 26 novembre 1873, Trung-tá Thủy-binh Balmy d'Avricourt và Thiếu-úy Thủy-quân De Trentinian hạ được Hưng-thành.

Chiến-thuyền đỗ ngay trước tỉnh. Trung-tá thủy-quân sai một viên Thông-ngôn cùng vài người lính vào thành mời quan Tuần-phủ ra bến. Quan Tuần-phủ trông thấy lính, liền truyền mở cửa thành, họp tất cả các quan tỉnh, rồi cùng nhau ra chiến-thuyền, hứa xin trung-thành với Chính-phủ Pháp.

Ông D'Avricourt và ông De Trentinian truyền nhổ neo sang Phủ-lý. Tỉnh Hà-nam cũng hạ được ngay, không gặp sự gì khó khăn cả.

Từ đó, rất hòa-bình cho mãi đến ngày 5 janvier 1874 là ngày ký hòa-trước Philastre. Hòa-trước ấy ký mười ngày sau khi đánh thành Hanoi; ông Francis Garnier và ông Balmy D'Avricourt bị tử-trận. Vì vậy ai cũng

(1) Trích dịch quyền Notice của ông De Miribel và quyền Notice sur la Garde Indigène du Tonkin.

tướng nhằm lá binh Pháp núng thế. Các tỉnh nước Pháp đã hạ được mà sau lại trả lại Nam-triều, đều nổi lên chống-cự với người Pháp. Vua Tự-đức ký chỉ-dụ buộc bộ-hạ ông Garnier vào tội phản-quốc.

Tháng mars 1883, ông Henri Rivière xuống lấy thành Nam-định. Quan Tuần-phủ Hưng-yên theo lệnh quan Tổng-đốc Nam-định là Võ-trọng-Binh, sai đắp một cái đập qua sông Luộc, bên dưới Cửa Luộc. Phải dùng hai chiếc xích sắt thực chắc và nhiều cọc tre. Dân-phu mất bao công của mới đắp xong đập. Ai cũng chắc cái đập ấy có thể ngăn được chiến-thuyền qua lại. Nhưng chỉ vài viên tạc-đạn đủ phá vỡ ngay đập ấy, chiến-thuyền qua ngay nơi đó xuống đánh tỉnh Nam-định. Mới trong vòng vài phút, chỉ có mấy phát súng đại-bác mà thành Nam bị phá tan-tành.

Hạ xong thành Nam-định, chiến-thuyền trở về. Đến chỗ cái đập, tàu đỗ lại, mười người lính lên bộ theo đường bộ tới Hưng-yên. Còn chiến-thuyền về đậu ở bến tỉnh.

Các quan An-nam được tin báo thành Nam-định đã thất-thủ và binh Pháp đã tới, bèn bỏ thành chạy.

Dân trong tỉnh chắc sẽ không có cuộc binh-đao, nên ai nấy cứ yên ổn, không lo ngại điều gì. Ngày hôm sau các kỳ-hào trong tỉnh vào thành chào Trung-tá. Được vài hôm, các quan An-nam trở lại xin hàng, đều được giữ chức cũ và ở dinh-thự như trước.

Các quan An-nam theo lệnh quan binh Pháp mộ ngay được một đội lính rất đông. Năm 1884, đội lính này có dự vào việc hạ thành Bắc-ninh.

Từ năm 1883 đến năm 1886, tỉnh Hưng-yên thuộc quyền quan binh cai-trị. Phía Nam, có đồn Cai-nệnh và Duyên-hà (Nay thuộc tỉnh Thái-bình), đồn Ứng-lôi và Phù-cừ (trên bờ sông Luộc), có các đạo binh bản-xứ đóng. —Phía Bắc, binh Pháp đóng các đồn Kim-động, Khoái-châu, Phó-nham, Bình-phú, Ân-thị, Lực-điền. Trong các đạo binh này, phần nhiều có người Phi-châu.

Trong thời-kỳ ấy, chỉ có mấy đồn phía Nam phải dùng binh-lực để giẹp yên vài bọn phản-ngịch. Đồn Ứng-lôi bất-thình-linh bị cướp; song nhờ sáng-kiến và nghị-lực của viên đội Delaforge, nên đồn này được vô-sự. Về dịp này, viên Delaforge được thăng Thiếu-úy.

Các đồn phía Bắc công việc khó nhọc hơn cả.

Từ năm 1871 đến năm 1883, đê Văn-giang năm nào cũng vỡ, nước tràn vào, phá hại mùa màng và để lại một giải đất hoang âm thấp, có sậy mọc, tục gọi là Bãi-sậy.

Thủy-tai làm dân-gian bị khốc-hại, hết đường sinh-kế. Muốn sang các tỉnh lân-bang tìm kiếm công việc, nhưng đương thời-kỳ loạn-lạc, khó kiếm được ăn. Trong khi cùng-quần, họ được người giúp-đỡ thì theo ngay. Họ họp đảng với một người kỳ-hào ở xã Thọ-bình tên là Đồng-Quế. Đồng-Quế lấy cớ chống nhau với binh Pháp, đem quân đi tàn-phá các xã lân-cận. Khi quan-quản đến, Đồng-Quế cùng các đảng-viên lại chôn vào Bãi-sậy là nơi binh Pháp không biết lối vào.

Các viên đồn không am-hiểu đường-lối và các xã sợ thù-hằn không ai dám chỉ-dẫn, nên quân giặc càng ngày càng đông mà binh Pháp không sao giệp được.

Binh-gia bèn cho một toán hùng-binh từ Hải-dương lên đánh quân nghịch. — có quan Đại-tá Donnier đốc-xuất. Cuộc chiến-sự ấy cũng vô-hiệu. Dân-sự càng thêm khổ-sở, nên nhiều trộm cướp nổi lên.

Sau quan binh Pháp giao cho quan Hoàng-cao-Khải, thời ấy Ân-sát Hưng-yên, cầm quân đi đánh Đồng-Quế.

Quan Hoàng-cao-Khải đem theo gia-nhân và có lính tây hộ-vệ, vào Bãi-sây giệp giặc. Sây mọc cao hơn ba thước tây, quan-quân phải lần đường, cứ quanh-quần trên các hầm của Đồng-Quế. Chung quanh lửa cháy mà cũng không trông thấy quân nghịch, quan-quân phải vừa đánh vừa lui về phủ Khoái-châu.

Tháng Janvier 1886, Hưng-yên thuộc quyền quan văn cai-trị. Quan Chánh Công-sứ có một đạo khố-xanh thay cho lính tây và lính khố-đỏ:

Ngày 5 juillet 1885, trong Triều-đình Huế, vua Hàm-nghi bị phế.

Giặc-dã nổi lên như ong. Dân-gian vì cuộc binh đao phải nghèo khổ, phần nhiều theo các văn-thân nổi loạn

Tỉnh Hưng-yên, có hai tướng giặc rất lợi-hại: Đồng-Quế và Tân-Thuật. --- Sau Đồng-Quế mất năm 1885, còn mình Tân-Thuật.

Tân-Thuật hay Nguyễn-thiện-Thuật sinh năm 1831 ở làng Xuân-dục, tổng Bạch-sam, huyện Mỹ-hào (Hưng-yên).

Người có tư-chất thông-minh đĩnh-ngộ. Lúc trẻ tuổi, đã cấp lều chiếu đi thi, đỗ đầu Tú-tài.

Các quan tỉnh Hải-dương thấy Nguyễn-thiện-Thuật là người lanh-lợi, bèn sai đem quân vào phủ Kinh-môn tiêu giặc Tiên-Viên. Tiên-Viên là bộ-hạ cũ của ông Francis Garnier, vì sợ tội với Nam-triều, nên làm giặc để tránh khỏi tử-hình (theo như chỉ-dụ vua Tự-đức ký sau hòa-trớc Philastre).

Nguyễn-thiện-Thuật được bổ chức Bang-tá, cầm quân giệp giặc. Giặc đã bình, lúc về được thưởng Quân-công.

Năm 1871, Nguyễn-thiện-Thuật thi Hương ở Nam-định đỗ thủ-khoa, được bổ ngay Tri-phủ Từ-sơn, tỉnh Bắc-ninh và ở đấy ba năm.

Sau được thăng Tân-tương-quân-vụ giúp Nguyên-sứ Hoàng-kế-Viêm bình giặc Khách trên sông Hắc-giang, trở lên đến Sơn-la. Xong việc tiêu-giặc. Nguyễn-thiện-Thuật được phong làm Chánh-sứ mười-sáu châu thuộc tỉnh Sơn-tây và Hưng-hóa. Vua Tự-đức truyền Chánh-sứ mới khai khẩn thực nhiều ruộng, đất giữa hai tỉnh Hòa-bình và Sơn-la, để làm công-diền của Nam-triều.

Ngày 9 août 1883, Đại-tá Brionval hạ được thành Hải-dương. Tân-Thuật được tạm bổ Tổng-đốc Hải-dương, coi cả Hải-dương, Hải-phòng và Quảng-yên và sung Phó-nguyên-sứ đạo binh Đông-Bắc để chống lại binh Pháp.

Tán - Thuật họp quân lại và mộ thêm lính Khách ở Đông - triều; ngày 12 novembre 1883, đánh thành Hải - dương. Thành Hải - dương bị một phen nguy-ngập.

Tán - Thuật được tin quân Khách đóng ở miền Bắc để chống nhau với nước Pháp, vội vàng lên ngay Lạng - sơn để mừng chào và hợp tác với tướng Tàu. Nhưng chẳng bao lâu thành Lạng sơn thất-thủ, Tán - Thuật phải chồn sang Long-châu.

Đến khi vua Hàm - nghi bị phế, Tán - Thuật về Hải - dương, hợp-tác với quan Phó Nguyên-sứy đạo binh Đông-Bắc và một người cử-nhân tên là Nguyễn - Đức ở làng Thái-lạc, huyện Văn-lâm, tỉnh Hưng-yên, cùng nhau nổi binh ở miền Bắc-ninh, Hải-dương và Hưng-yên.

Tán - Thuật có hai em Lãn - Giang và Hai - Kế là những tay kiện-tướng giúp sức.

Trên kia đã nói tỉnh Hưng - yên thuộc quyền quan văn cai-trị thay cho quan binh, và lính khố - xanh thế chân cho lính tây dần dần trở về Pháp. Trước kia tuy đồn to, nhiều lính, nhưng ở xa nhau. Nay lập nhiều đồn nhỏ để dễ tuần-tiêu các làng.

Như vậy Tán - Thuật hay tùy - tướng họp quân nơi nào, các đồn biết ngay và đem quân họp lại đuổi đánh. Tán - Thuật phải chia quân ăn - nấp các nơi để chống - cự, nhưng bị nhiều trận thua to.

Em Tán - Thuật là Lãn - Giang tử-trận ở xã Yên-nhân. Viên đội Philippe cùng 15 người lính khố - đỏ ở Kê-sắt đi lại, vừa ra khỏi làng Yên-nhân thì gặp quân Lãn - Giang đóng ở chùa, đổ ra đánh. Viên đội Philippe vì ít người, yếu thế, phải nấp sau các mộ Khách cao vài thước tây, để chống lại với địch-quân, cho đến khi các viên quản khố - xanh Soler và Samaran nghe tiếng súng đem binh lại cứu-viện.

Chính trong trận này Lãn - Giang tử-trận.

Được tin em chết ở trận-địa, Tán - Thuật lấy làm căm giận, tự đốc quân đi đánh. Quan đồn Mỹ-hào là Ney, quan Thương-tá Hải-dương và 24 người lính cùng tử-trận ở xã Liêu-trung.

Trận này là trận hăng-hái nhất trong thời-kỳ biến-động.

Được tin Chính-phủ Pháp sắp đem toàn-lực ra dẹp giặc, Tán - Thuật thân đi tìm Đốc-Tịch thời ấy đương đánh nhau với binh Pháp ở cù-lao Hai-sông. Đốc-Tịch bị vây. Tán - Thuật thấy thế núng, bèn khuyên Đốc-Tịch bỏ khi-giới chồn qua vòng vây, về giúp mình.

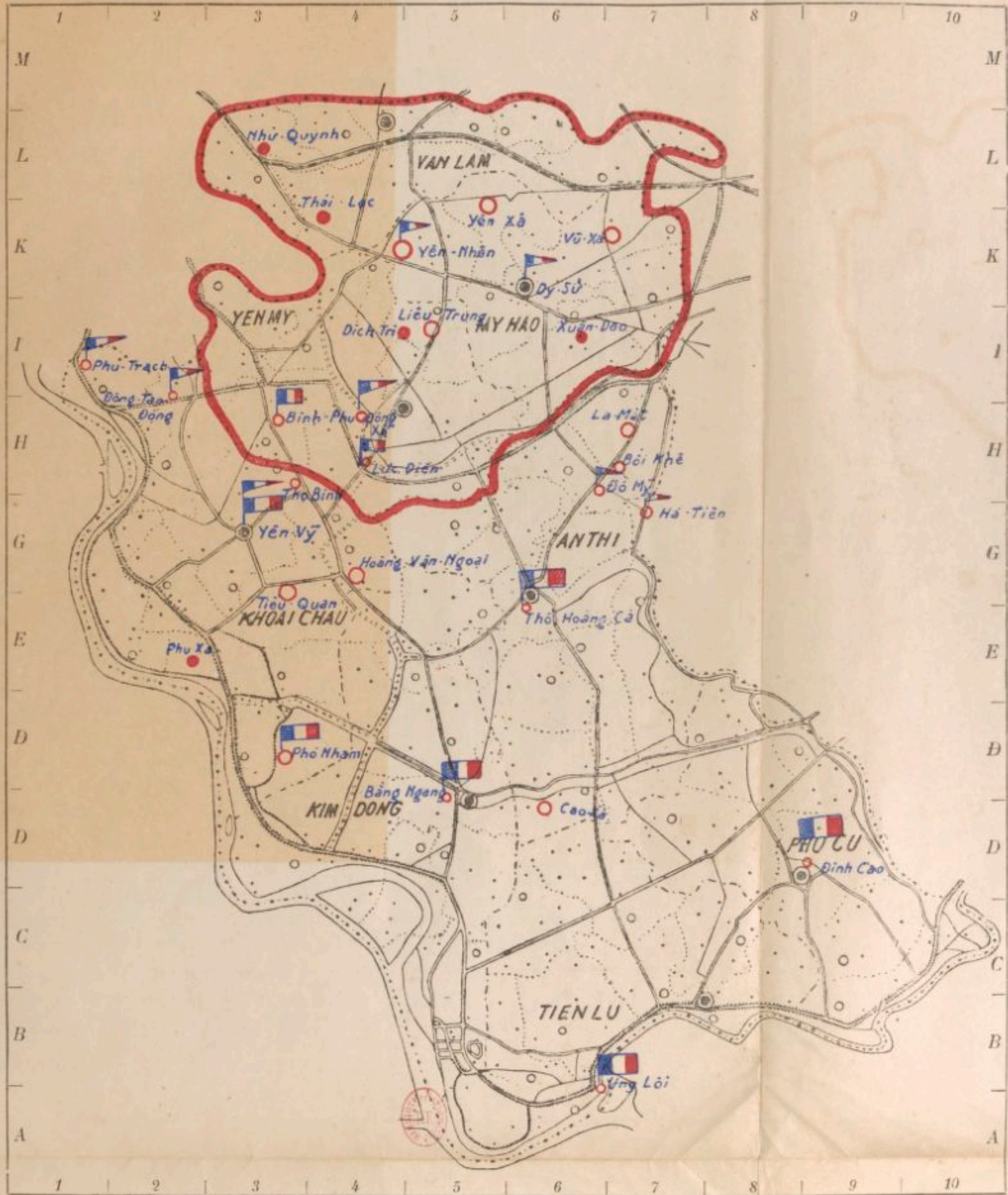
Tán - Thuật đánh trận Đông-nhu giết viên quản khố-xanh Leglée. Trong trận này, viên quản khố-xanh Aubert bị trọng-thương.






Được ít lâu, có trận Vũ-xá. Bèn Tán - Thuật chết mất hai tay kiện-tướng là Lãn-Hạ và Lãn-Chiều. Binh Pháp cũng thiệt mất 11 người.

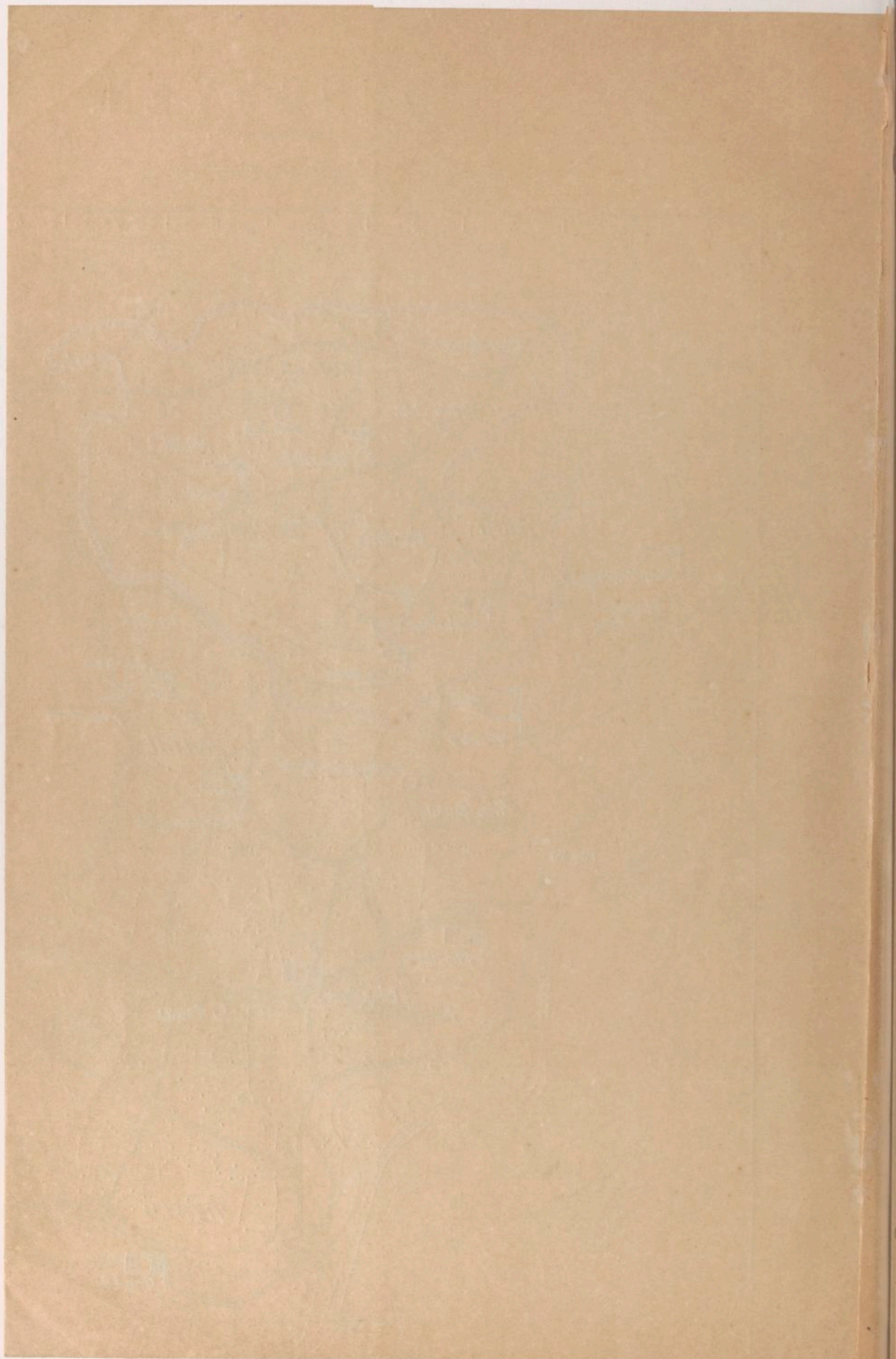
Tháng mars 1889, viên quản khố-xanh Soler đem 30 người lính đi dò-thăm vùng Bãi-sậy, gặp quân giặc có 300 khẩu súng. Bèn viên Soler giữ được trật - tự, nên quân giặc không làm gì được, phải lui.

HUNG - YEN

1
200 000 0 1 2 3 4 5 Km.



-  Đồn quan binh (1883 - 1886)
-  Đồn Khố-xanh (1886 đến 1891 và 1905)
-  Trường chiến-dấu
-  Linh-tinh
-  Địa-giới đạo Bản-yên-nhân



Ngày 27 mars 1889, quan Bồ Bắc-ninh đem quân-dân và có 100 lính khố-xanh hộ-vệ, sang đánh quân Tân-Thuật ở làng Phó-long và Đầu-thao.

Đánh nhau từ tám giờ sáng đến bảy giờ chiều, quân giặc thua, chạy chốn.

Quan Bồ mất một viên phó-quân và một quân-dân.

Ngày 30 mars 1889, quan Bồ Bắc-ninh đánh quân Tân-Thuật, Đốc-Sùng và Quản-Dày ở xã Thúy-lâm. Từ 10 giờ sáng đến 9 giờ chiều, quân giặc chết mất 50 người, bỏ chốn cả. - Bên Chính-phủ, 12 người bị thương.

Ngày 6 avril 1889, năm-mươi người đàn-bà mang rau ra chợ ngồi bán ngay trước cửa đồn Bình-phủ. Trong đồn có một người cai và một ít lính.

Một lúc sau, một người đàn-bà đến gần chỗ lính gác, bóng đùa rồi lấy súng. Trong khi ấy, cả bọn đàn-bà (tức là giặc giả-dạng) tay cầm súng-lục xông vào đồn, cướp súng.

Người cai không hề rối-tri, họp lính lại và truyền bắn. Quân giặc chết mất 4 người, bỏ lại hai khẩu súng lục.

Ngày 23 avril 1889, đồn Đông-mai và đồn Bàn-yên-nhân hợp sức đánh làng Mễ-dao. Viên quản khố-xanh Nicolas đem 35 người lính đến trước, vào trong làng đuổi giặc.

Lúc viên quản khố-xanh Normand cùng 75 người lính tới nơi, hai bên ập lại đánh đuổi quân giặc. Bên địch-quân chết mất 34 người. Bên Chính-phủ không thiệt-hại gì.

Ngày 24 juillet 1889, viên quản khố-xanh Escot cùng một bọn lính, vừa đến làng Hoàng-vân thì bị quân Đội-Sung đổ ra đánh. Viên Escot bị giết.

Quan Phó-sứ Morel và các viên quản khố-xanh Samaran, Soler và Aubert đuổi và phá tan quân giặc ở bến Cầu-hậu.

Tháng aoút 1889, ba toán giặc có Hai-Kế, (em Tân-Thuật) và Đề-Bán đốc-xuất, tất cả có 100 người và 60 khẩu súng đến làng Tân-trạch (Hải-dương) gặp lính đồn Bàn-yên-nhân và Mỹ-hào (Hưng-yên) đổ ra đánh úp. Quân giặc bỏ lại 6 khẩu súng, chạy tản-mát.

Ngày 24 mai 1890, quân Đề-Bán, có 300 người và 150 khẩu súng, gặp toán lính của viên quản khố-xanh Chaigneau, gần xã Quang-xá (Hưng-yên).

Quân giặc phần nhiều mặc giả lính khố-xanh và lính khố-đỏ, lúc trở thuyền chạy qua sông thiệt-hại rất nhiều.

Ngày 18 octobre 1890, Tân-Thuật khởi-chiến ở xã La-mát, bị tổn mất 18 người. Viên quản khố-xanh Montillon bị trọng-thương.

Gặp lúc vua Hàm-nghi an-tri sang châu Phi, Tân-Thuật biết sức mình không thể địch nổi được binh Pháp, bên khuyên em là Hai-Kế chạy chốn, còn mình theo lối Đông-triều chạy sang Tàu.

Tán-Thuật để lại các Tướng-tá sau này :

- 1°) Đề-đốc Sùng, xã Dịch-tri, huyện Yên-mỹ ;
- 2°) Đề-đốc Bàn, xã Bối-khê, phủ Ân-thì ;
- 3°) Đề-đốc Tinh, xã Yên-vĩ, phủ Khoái-châu ;
- 4°) Đề-đốc Cọp, xã Yên-xá, huyện Kim-động ;
- 5°) Lãnh-binh Điều, xã Phú-xa, phủ Khoái-châu ;
- 6°) Tuần Vân, xã Như-quỳnh, huyện Văn-lâm ;
- 7°) Đề-đốc Mỹ, xã Xuân-cầu, huyện Văn-giang.

Bảy viên tướng có tất cả hơn 600 khẩu súng. Lúc bấy giờ không phải cùng nhau thuộc quyền ai nữa, nên mỗi tướng ở riêng một vùng, chia ra từng toán 20 hay 25 người, ăn-nấp trong các làng, hễ gặp quan-quân thì cùng nhau hợp lực kháng-cự.

Súng-đạn đều của giặc Khách Đông - triều, Lục - nam, Thái - nguyên giúp đỡ.

Phía bắc Hưng-yên thuộc quyền quan Phó - sứ Morel cai - trị, có những đồn khố-xanh sau này :

- 1°) Phủ Khoái - châu có viên quản khố - xanh Aubert đốc xuất ;
- 2°) Hà - tiên (ở địa - giới Ân - thi và Hải - dương), có viên Samaran đốc-xuất ;
- 3°) Thủy - lâm thuộc huyện Yên-mỹ, có viên Pointis chủ - trương ;
- 4°) Phú-trạch thuộc phủ Khoái-châu có viên Soler trông coi.

Trong thời-kỳ ấy, luôn luôn các đồn bị giặc đến đánh.

Viên quản khố-xanh Soler đồn Bình-phú (phủ Khoái-châu) để quân-dân ở lại coi đồn, thân đem toàn-quân ra ngoài. Đến gần sông Nhị - hà, gặp ngay một toán nghịch-quân rất đông. May lúc bấy giờ có một chiếc tàu thủy qua đó, quân giặc tưởng là pháo-thuyền, đều bỏ chạy.

Lúc trở về đồn, viên quản Soler thấy đồn bị tàn - phá và quân-dân bị giết cả.

Viên quản khố-xanh Ney tử-trận ở Liêu-trung.

Viên quản khố - xanh Escot chết ngày 24 juillet 1889 trong trận Hoàng Vân, đánh nhau với Đề Tích.

Bên tỉnh Bắc - ninh, gần địa - giới, hai viên quản khố - xanh tử-trận ở Lang-tài và còn bao nhiêu người chết trận ở Bắc-ninh và Hải-dương.

Quan Thống - sứ Briere biết rằng quân tỉnh nào giúp giặc riêng tỉnh ấy, không có kết quả gì ngay mà tình-thế vẫn kéo dài ra, nên định đặt chung một đạo hùng-binh để đi tiêu-trừ các đảng phản-nghịch.

Đạo binh tiêu-nghịch có đủ khố - xanh, linh-cơ và quân - dân.

Quan Hoàng-cao-Khải khi bấy giờ Tổng - đốc Hải - dương kiêm chức Tiêu-phủ-sứ, tuần-tiểu trong các tỉnh Bắc-ninh, Hải-dương và Hưng-yên, đều được kết quả mỹ-mãn.

Đạo binh tiêu-nghịch dùng trong sáu tháng, đến cuối năm 1889 thì giải-tán.

Bên giặc nhiều kẻ phục-tòng và ra hàng Chính-phủ.

Bên quan-quân bắt được nhiều giặc và lột được nhiều khi-giới.

Chính-phủ tưởng giặc đã trừ tiết, nên vội giải-tán đạo binh tiểu-nghịch.

Tàn-quân bên nghịch lại họp thành đảng, lấy Bãi-sậy làm sào-huyệt.

Chính phủ lập Bãi-sậy thành một đạo cũng như một tỉnh nhỏ vậy, để dễ cai-trị và dễ binh quân nghịch. Đạo Bãi-sậy gồm có phủ Mỹ-hào, huyện Văn-lâm, và huyện Yên-mỹ, sở-tại là Bần-yên-nhân. Ba hạt này thuộc cả về tỉnh Hưng-yên.

Đạo Bãi-sậy có quan cai-trị Muselier đứng đầu, một viên Giám-binh, có tám viên quản tùy-tùng, đốc-xuất 380 tên lính khố-xanh.

Ông Muselier chia lính lập các đồn (cứ 50 tên một đồn) ở các nơi địa-thể có thể tiện thông-tin với nhau và tiện giao-thiếp với các đồn tỉnh lân-cận.

Lúc đầu hai bên giao-chiến luôn luôn. Quan-quân đuổi giặc rất hăng-hái, song các tướng giặc vẫn được vô-sự.

Hai bên vẫn đánh nhau dữ-dội.

Sáng ngày 10 avril 1891, viên Giám-binh Porto-Carrero có 60 tên lính, gặp ngay một toán giặc rất mạnh đương chiếm-cửu đê sông Hải-đương, gần xã Đào-xá (Hưng-yên).

Hai bên giao-chiến. Lúc đầu viên Giám-binh Porto-Carrero và viên Phó-quản Chinh tử-trận ở Cao-xá (An-thị). Viên quản khố-xanh Pointis thay cầm quân, vừa đánh vừa lui về tới Hưng-yên: hai người chết và một người bị thương.

Ngày 11 avril 1891, quân của Hai-Kế và Đê-Vinh bị viên quản khố-xanh Moliner vây ở Mậu-duyệt (Hưng-yên). Viên Giám-binh Lambert và viên quản Desmot đem quân lại ngay để hợp sức với viên quản Moliner. Nhưng quân giặc phá vòng vây chạy sang xã Ngô-phan.

Viên quản khố-xanh Fourre đem quân đi tuần-tiểu, vừa đến đấy, hợp sức lại để giao-chiến.

Quan-quân hết sức phá cổng làng; viên quản Desmot tử-trận, viên Giám-binh Lambert bị thương.

Lúc ấy, tạm đình-chiến để xin súng đại-bác ở Bắc-ninh.

Toán quân Pierrot, Filippi, Villaine, cũng dần dần đến vây làng Ngô-phan. Viên quản Montillon đem thêm khi-giới đến.

Đến đêm, trời mưa tầm-tã, đường đi lầy lội, Toán giặc phá vòng vây chạy, nhưng lại bị vây ở làng Bích-kê.

Ba giờ chưa hôm sau, có súng đại-bác trở đến.

Trận-tuyển đã lập xong, chỉ còn đợi giờ khai-chiến. . .

Đến nửa đêm, quân giặc ra ngoài, phá vòng vây. Viên quản Montillon bị thương; quân giặc bị phá tan, chết mất 9 người, Đê-Vinh, Quan-ba-

Học và Am tử-trận. Quan-quân lấy được chín khẩu súng trường, một khẩu súng lục và nhiều đạn-dược.

Trận này, bên Chinh-phủ không kể người Pháp, chết mất bốn tên lính và bảy tên lính bị thương.

Ngày 25 avril 1891, 55 người lính tập-pháo, có một viên cai khố-xanh đốc-xuất, gặp một toán giặc ở xã Hạ-lang (Hưng-yên). Hai bên đánh nhau: bên Chinh-phủ bắt được bốn tên giặc, trong số ấy có Lãnh-binh Bồng,

Ngày 15 juin 1891, viên Giám-binh Riou và quan An Hải-dương đánh được quân Lãnh-Binh, gần xã Lang-tài (Hưng-yên).

Lãnh-Ngũ bị bắt giết ngay. — 60 tên giặc chôn qua sông bị chết đuối cả.

Ngày 22 juin 1891, viên Giám-binh Riou và quan An Hải-dương vây một toán giặc 40 người ở xã Thanh-trác (Hưng-yên). Cả toán giặc bị giết cả, trong số ấy có chủ-tướng Lãnh-Lộ. Bắt được rất nhiều khi-giới đạn-dược.

Ngày 17 décembre 1891, một trăm lính có các viên quản khố-xanh Broussiac, Julliard, Masseboeuf và Menard đốc-xuất, gặp một toán giặc ở xã Đoan-lâm (Hưng-yên). Giao-chiến trên mặt đê, quân giặc chạy chôn bỏ lại 15 thầy chết, 7 khẩu súng và 500 viên đạn.

Viên quản khố-xanh Leglée chết tại trận Đông-ngư và viên quản Aubert bị thương.

Viên quản khố-xanh Montillon bị thương ở La-mát (An-thi). Nhưng nhờ có cố-đạo Garia ở Kẻ-sắt cho phi-báo đồn Bần-yên-nhân, nên quan-quân ở La-mát thoát khỏi tay giặc.

Muốn trừ tiết bọn phản-nghịch, quan Thống-sứ lại lập thành một đạo hùng-binh thứ nhì gọi là đạo Tuần-cảnh.

Đạo Tuần-cảnh có một nghìn lính khố-xanh thuộc quyền các viên Giám-binh và các viên quản đốc-xuất, và 500 lính-cơ thuộc quyền quan binh An-nam trông coi.

Đạo Tuần-cảnh đề tùy quyền quan Kinh-lược Hoàng-cao-Khải, ông Muselier được làm Cảnh-sát-sứ của Chinh-phủ.

Nhiều quan văn theo quan Kinh-lược đi tiểu-giặc và một tòa-án họp luôn luôn để kết án bọn phản-nghịch.

Rong rã trong vòng 8 tháng, quân Tuần-cảnh giao chiến luôn luôn với bọn nghịch, khiến quân giặc không còn thì-giờ dưỡng-sức nữa.

Tuy mất hai viên Giám-binh Festhmel và Lesage, nhưng kết quả thực tốt.

Trừ Tán - Thuật và Hai-Kế (em Tán-Thuật), các tướng giặc đều bị tử-trận, hoặc bắt giết.

Chinh-phủ bắt được rất nhiều khi-giới ở nơi trận-địa. Còn bao nhiêu khi-giới, sau những tàn-quân ra thú lại nộp cả Chinh-phủ.

Bấy giờ còn hai toán quân Đề-Tĩnh và Lãnh-Điều vẫn lấy vùng Khoái-châu làm trận-địa, lấy Bãi-sậy làm sào-huyệt, để chống nhau với quan-quân.

Hai toán quân ấy gặp quân Chính-phủ ở xã Tiểu-quan. Hai bên đánh nhau giáp lá-cà. Bên giặc chết mất 100 người.

Được ít lâu, bao nhiêu tàn-quân bên giặc ra hàng cả và nộp 40 khẩu súng. Đề-Tĩnh và Lãnh-Điều bị bắt và xử-trảm.

Công việc của đạo binh Tuần-cảnh đến đây là kết-thúc. Tháng chạp năm 1891, đạo Tuần-cảnh giải-tán.

Giặc đã bình. Tán-Thuật chạy sang Tàu, rồi mất tháng 6 năm 1926. Hai-Kế cũng chốn mất. Các tướng - tá đều chết cả; quân giặc ra đầu-hàng đều được trở về làng làm ăn.

Nhờ có đạo binh tuần-tiểu mà miền trung-châu Bắc - kỳ trở nên thái-bình, chỉ trong vòng 10 năm, dân-sự tiến-đạt vô cùng.

Đạo binh tuần-tiểu làm vẻ vang cho quan Phụ-chính Hoàng-cao-Khải là người minh-mẫn, có sáng-kiến, có nghị-lực; — vẻ vang cho quan cai-trị Muselier lúc bấy giờ ở trong địa-vị khó khăn nguy-hiểm; — vẻ vang cho các quan Giám-binh và các viên quản khố-xanh người Pháp đã nêu gương can-đảm và giữ-gìn trật-tự trong khi giao-chiến, để gây nên cuộc hòa-bình là một trang lịch-sử rực-rỡ của ngạch khố-xanh; — vẻ vang cho các quan văn võ và binh-linh An-nam phần nhiều đã bỏ mình nơi chiến-địa.

Hiện nay ở tỉnh-ly Hưng-yên, có bia-ký đề kỷ-niệm võ-công của các quan-quân; xin trích-dịch câu đối ra sau.

Đạo Bãi-sậy bãi bỏ và thuộc tỉnh Hưng-yên, có quan Chánh-sứ Muselier cai-trị.

Trại lính khố-xanh bấy giờ có viên Giám-binh Lambert cai-quản, trừ tiết được tàn-quân bên giặc.

Tướng giặc là Đề-Vinh trốn tránh bên Bắc-ninh, ngày 12 avril 1892, bị bắt ở xã Lạng-tài gần địa-giới Hưng-yên và cùng bị giết với bảy người bộ-hạ. Trong khi hai bên giao-chiến, viên quản khố-xanh Desmot bị giết và các viên Giám-binh Lambert và Montillon bị thương. Được ít lâu Hai-Kế bị bắt và đẩy ra Côn-đảo.

Trận này là trận cuối cùng. Từ đây, trong tỉnh thái-bình, dân-sự được an-nghiệp làm ăn.

Ngày nay, không còn gì là di-tích Bãi-sậy. Bãi-sậy đã biến thành một cánh đồng mênh mông, tốt nhất trong tỉnh Hưng-yên.

Nhà bia dựng gần bờ đê Nhị-hà, giữa tỉnh-ly Hưng-yên. Trước mặt, bên kia đường cái, có hai cột bia, khắc bài sau này:

Thử bi-dinh lập ư Đông-khánh
nguyên-niên Binh-tuật, tức tây-
lich nhật thiên bát bách bát thập
lục niên, dương Hoàng-cao-Khải

此 碑 亭 立 於 郎
慶 元 年 丙 戌 卽
曆 一 千 八 百 八
十 六 年 當 黃 高 啓

Tướng-công, Tuân-phủ Hưng-yên
 nhật dã, ký tiểu binh địch lâm phi,
 hậu tuân giang khai thị, nông,
 thương hàm lợi, lại yên nhi thù
 nhật phương dân. Tự thị đặc
 hưởng thăng-bình chi phúc, nhật
 trần phú-thịnh giả. Thực lại hữu
 Đại-pháp quốc-gia Bảo-hộ uy-dức
 minh khắc phát vong, chủ chi
 vu thạch.

相	公	巡	撫	興	安	日
也	既	勦	平	荻	林	匪
後	浚	江	開	市	農	商
咸	利	賴	焉	而	此	一
方	民	自	是	得	享	昇
平	之	福	日	臻	富	盛
者	寔	賴	有	大	法	國
家	保	蒞	威	德	銘	刻
弗	忘	燭	之	于	石	

DỊCH :

Bia này dựng năm Bình-tuất niên-hiệu Đông-khánh năm dậu (1886) sau khi quan Hoàng-cao-Khải, Tuân-phủ Hưng-yên, đã bình được giặc Bãi-sậy, khơi sông mở chợ, khiến người làm ruộng, kẻ đi buôn, được tiện-lợi. Dân một phương riêng hưởng phúc thăng-bình, ngày thêm giàu-thịnh.

Ấy cũng nhờ uy-dức Chính-phủ Bảo-hộ. Ta nên ghi lòng tạc dạ không bao giờ quên.

Vậy khắc bia này kỷ-niệm về sau.

Câu đối

Chung quanh nhà bia, có nhiều câu đối dịch ra sau này :

I

Lịch thất, bát niên, Hải-quốc
 quan-quân đa chí-tiết
 Khảo trung-liệt ký, Đằng-châu
 tướng-sĩ hữu kỳ-nhân.

歷	七	八	年	海	國	官	軍
	多	致	節				
考	忠	烈	記	藤	洲	將	士
	有	其	人				

DỊCH :

*Bảy, tám năm đã qua, chêt cũng không từ,
 đã lắm quan-quân người Hải-quốc,
 Truyện trung-liệt còn đó, xét ra cho kỹ,
 đôi khi tướng-sĩ quán Đằng-châu.*

II

Báo-quốc tráng-tâm khinh nhât tử,	報 國 壯 心 輕 一 死
Tiêm cừu di-hận ảm tam-quân.	讎 仇 遺 恨 飲 三 軍

Dịch :

*Cái chết coi thường, bởi lòng báo nước,
Ba quân ngậm giận, vì sự ghét thù.*

III

Hách hách nghiệp nghiệp chán	赫 赫 業 業 震 千 古
thiên-cổ,	
Liệt liệt oanh oanh tỏ nhât	烈 烈 轟 轟 做 一 場
trường.	

Dịch :

*Lầy lầy liêng liêng, nghìn thu sợ hãi.
Ầm ầm ă ă, một trận tưng bừng.*

IV

Triều-dinh trọng toàn-tiết nhi	朝 廷 重 全 節 而 死 義
tử nghĩa,	
Chí sĩ hữu sát thân dĩ thành	志 士 有 殺 身 以 成 仁
nhân.	

Dịch :

*Chôn Triều-dinh trọng toàn-tiết, mà chết về việc nghĩa,
Kẻ chí-sĩ bỏ hẳn mình, để được thành người nhân.*

V

Đề chưởng sơn-hà tam sách kiêm,	抵 掌 山 河 三 尺 劍
Tại nhân nhĩ mục ức niên bi.	在 人 耳 目 億 年 碑

Dịch :

*Giơm ba thước dên tay, núi sông đã vững,
Bia ức năm dựng trước, tại mắt cùng hay.*

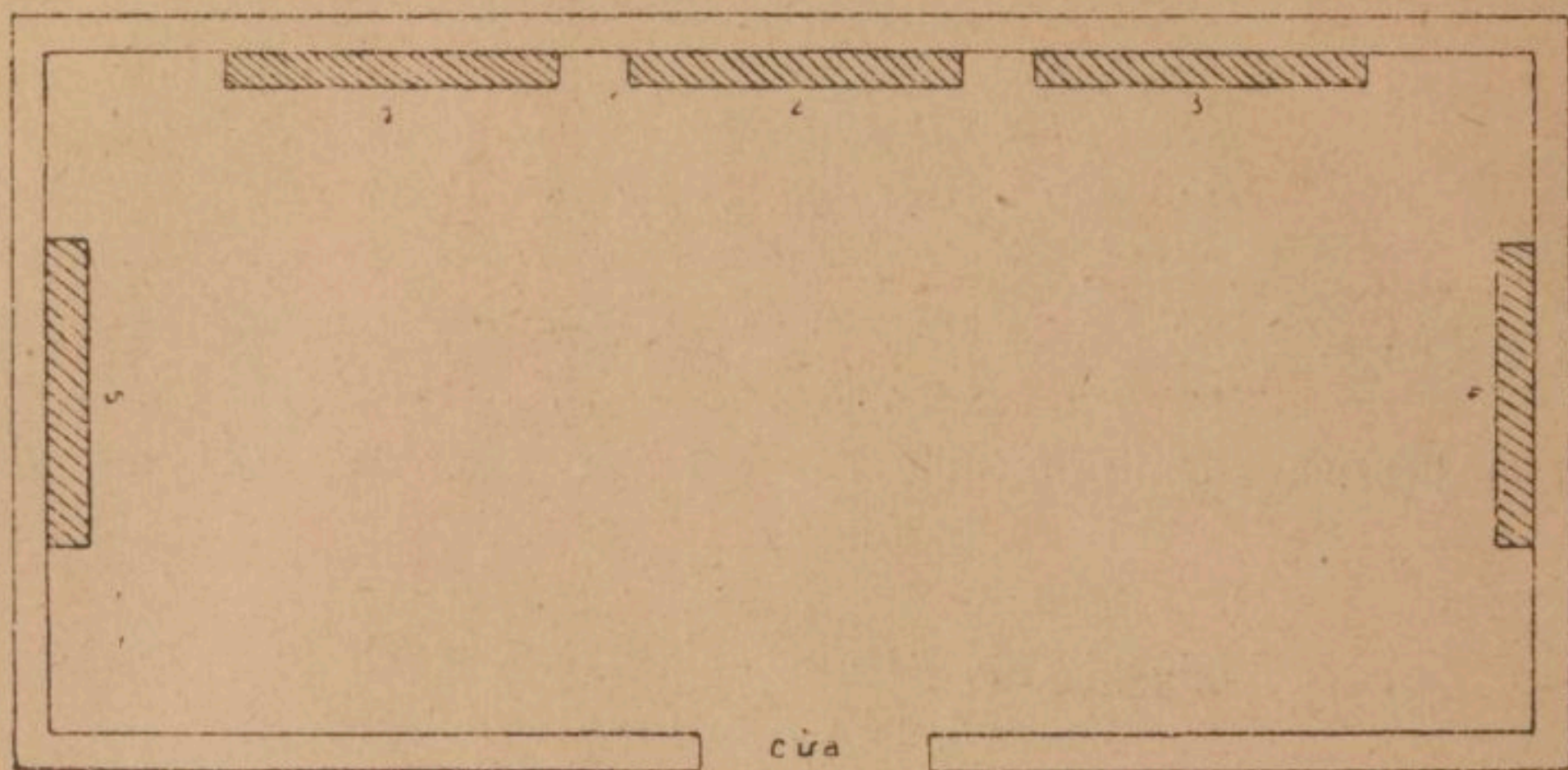
VI

Hách quyết thanh dương dương	赫 厥 聲 洋 洋 在 左 右
tại tả hữu,	
Hạo nhiên khí nhât nhât thùy	浩 然 氣 一 一 垂 丹 青
dan thanh.	

Dịch :

*Tiêng uy - linh, hình như tả hữu.
Người khí-phách, nghi đũ tỉnh-danh.*

Trong nhà bia, có năm phiến bảng đá - hoa, khắc chữ vàng, treo áp vào tường.



Ở ngoài, trên cửa, có mấy chữ sau này :

Aux gradés français de la Garde Civile
Aux fonctionnaires annamites et aux indigènes de la province
morts pour la cause de l'ordre et de la pacification 1892.

(Kỷ - niệm võ - công, các quan - chức Pháp Nam và dân bản-tỉnh
đã quên mình để gây nên cuộc hòa - bình về năm 1892).

BẢNG SỐ 1

GARDE CIVILE (Ngạch Khố-xanh)		青 袴 奇					
Đội		隊					
Đặng-văn-Diêm du village de Nam-dồng	鄧	文	闔	貫	南	洞	社
Cai et lính		該					
Nguyễn-văn-Đạt du village de Phù-liêu	阮	文	達	貫	扶	輦	社
Vũ-văn-Khiêm du village de Bạch-sau	武	文	謙	貫	白	杉	社
Đào-hữu-Thanh du village de Bạch-sam	陶	有	聲	貫	白	杉	社
Nguyễn-văn-Đỉnh du village de Bình-hà	阮	有	頂	貫	平	河	社
Nguyễn-văn-Ước du village de Đức-triêm	阮	文	約	貫	德	霑	社

Đào-văn-Khoát du village de Yên-tử	陶	文	豁	貫	安	子	社
Đỗ-văn-Sự du village de Đỗ-nghĩa	杜	文	事	貫	杜	義	社
Nguyễn-văn-Tát du village de An-xá	阮	文	薩	貫	安	舍	社
Hoàng-văn-Thính du village de Nhật-tảo	黃	文	聽	貫	日	早	社
Nguyễn-văn-Đôi du village de Thanh-nga	阮	文	對	貫	青	娥	社
Nguyễn-cao-Tuyên du village de Ninh-tập	阮	高	宣	貫	寧	集	社
Nguyễn-văn-Thắng du village de Yên-phú	阮	文	勝	貫	安	富	社
Vũ-văn-Thu du village de Kiêm-ky	武	文	秋	貫	兼	畿	社
Đào-việt-Nghiên du village de Lục-dáp	陶	曰	硯	貫	力	搭	社

BẢNG SỐ 2

Monument érigé en 1892

par M. **Muselier**, Résident de France à Hưng-yên

d'après les plans établis par M. **Tatin**, Agent des Travaux Publics du Tonkin,

effondré et reconstitué en 1909

F. Cullieret, Résident

Dịch :

Bi-dình dựng năm 1892

do ông Muselier, Công-sứ Hưng-yên

làm theo kiến-chức của ông Tatin, thuộc ngạch Công-chính Bắc-kỳ

Trùng-tu năm 1909

F. Cullieret, Công-sứ.

BẢNG SỐ 3

GARDE CIVILE

(Ngạch Khố-xanh)

Cai et lính

Trần-hữu-Trượng du village de Hưng-nhân	陳	有	杖	貫	興	仁	社
Nguyễn-văn-Thống du village de Cường-nỗ	阮	文	統	貫	彊	努	社
Lý-văn-Phong du village de Đặng-nghiêm	李	文	封	貫	登	嚴	社
Nguyễn-văn-Xuân du village de Hải-bào	阮	文	春	貫	海	包	社

青 袴 奇

該 炆 侶

BẢNG SỐ 5

LÍNH - CƠ

Hiệp - quân

Phạm-văn-Thắng du village de Vạn-an

Đội

Đỗ-hữu-Giản du village de Đại-hữu

Lính - cơ

- Bùi-Lâm du village de Phương-trà
- Đào-văn-Hạnh du village de Hoan-ái
- Phạm-văn-Thoa du village de Tất-viên
- Phạm-văn-Hậu du village de Đa-hòa
- Nguyễn-văn-Lực du village de Đa-hòa
- Phan-văn-Dự du village de Kinh-khê
- Cao-văn-Hoành du village de Đa-quang
- Trần-hữu-Chi du village de Hưng-nhân
- Nguyễn-văn-Tích du village de Đỗ-hà
- Nguyễn-dức-Đội du village de Thanh-nga
- Lê-văn-Ẩn du village de Vị-dương
- Phạm-văn-Tính du village de Xuân-phú
- Trần-công-Lộ du village de Tiên-châu
- Trần-văn-Vinh du village de Đinh-xá
- Đào-dức-Hạp du village de Đào-xá
- Nguyễn-Trúc du village de Kê-châu
- Lê-văn-Khuyến du village de Mạn-trù-châu
- Đào-quang-Lượng du village de Thiện-phiến

兵 奇

協 管

范 文 勝 貫 萬 安 社

隊

杜 有 簡 貫 大 有 社

兵 奇

裴陶	攬文	杏	貫	芳	茶	社
范陶	文文	釵	貫	歡	愛	社
范阮	文文	厚	貫	濼	園	社
阮潘	文文	力	貫	多	禾	社
高陳	文文	撰	貫	多	禾	社
阮阮	文有	橫	貫	經	溪	社
黎范	文德	枝	貫	多	珖	社
陳陳	文功	積	貫	興	仁	社
陶阮	文德	隊	貫	杜	河	社
黎陶	文竹	恩	貫	青	娥	社
	文光	性	貫	潤	陽	社
		路	貫	春	富	社
		榮	貫	仙	洲	社
		洽	貫	丁	舍	社
			貫	陶	舍	社
			貫	偈	洲	社
			貫	幔	浙	社
			貫	善	片	社





III

HƯNG-YÊN KINH-TẾ

A — Canh - nông



Mùa màng thường bị thiên-tai phá-hoại (30 lần lụt từ năm 1830 đến 1926), điền-khi và cách-thức giồng giọt hầy còn tối-cổ, nên việc canh-nông tiến-hành rất trậm.

Diện-tích tỉnh Hưng-yên đo được 82.200 mẫu tây (Hectares). Trong số đó, có 77.011 mẫu tây vừa đất giồng màu, vừa ruộng giồng lúa. Khắp tỉnh, đâu đâu cũng cấy các thứ lúa. Còn hoa-màu (ngô, khoai, vừng, lạc, mía, vãn vãn) giồng theo thổ-chất mỗi vùng.

Lúa. — Tỉnh Hưng-yên có 70.200 mẫu tây ruộng giồng lúa.

Có ba thứ ruộng :

- 1°) Ruộng vụ tháng năm 10% ;
- 2°) Ruộng vụ tháng mười 65% ;
- 3°) Ruộng hai mùa 25% .

Ruộng hai mùa thuộc huyện Tiên-lữ, Kim-động, phủ Ân-thị và ở phía Đông tỉnh Hưng-yên.

Ở các vùng ấy, đất thấp, có nhiều máng nước mới khơi, có đường khuyến-nông giữ nước cây cấy và ngăn nước lụt khỏi tràn vào ruộng, nên mùa màng được sung-túc.

Ruộng vụ tháng mười ở phía Bắc và phía Đông tỉnh, trên khu đất cao. Mỗi lần đê Nhị-hà và sông Luộc bị vỡ, nước tràn vào, lại bồi thêm cho vùng này một lượt đất phù-xa, nên địa-thể cao hơn các nơi khác.

Vụ tháng mười không được tốt lắm. Nhờ có sông ngòi mới khơi, nên những ruộng thấp thuộc huyện Tiên-lữ và Phù-cừ không bị úng-thủy và có thể cấy cấy được.

Ruộng vụ tháng năm ở phía Tây-Nam tỉnh, xa đê.

Nông - vụ :

1°) *Vụ tháng năm* — a) Ruộng một mùa : cấy cấy bắt đầu từ tháng chín ta ;

b) Ruộng hai mùa : cấy cấy ngay sau vụ tháng mười, bắt đầu từ tháng một.

2°) *Vụ tháng mười* — a) Ruộng một mùa : cấy tháng ba, gieo mạ tháng tư, cấy tháng năm ;

b) Ruộng hai mùa : cấy và gieo mạ tháng tư, cấy tháng sáu.

Phủ, Huyện	Diện-tích hai thửa ruộng theo mẫu tây	Ruộng một mùa		Ruộng hai mùa	
		Diện-tích (mẫu tây)	Gặt được bao nhiêu thóc	Diện-tích (mẫu tây)	Gặt được bao nhiêu thóc
Huyện Tiên-lữ	8.100 Ha	200 Ha		7.900 Ha	
Phủ Khoái-châu	11.800 Ha	11.700 Ha		100 Ha	
Phủ Ân-thị	11.600 Ha	3.600 Ha		8.000 Ha	
Huyện Yên-mỹ	7.700 Ha	7.500 Ha	Từ	200 Ha	Từ
— Kim-động	10.600 Ha	5.600 Ha	11	5.000 Ha	17 tạ 5
— Mỹ-hào	6.700 Ha	6.700 Ha	đến	»	đến
— Phù-cừ	7.600 Ha	3.100 Ha	12,5	4.500 Ha	13 tạ tây
— Văn-lâm	6.100 Ha	5.800 Ha	tạ tây	300 Ha	
	70.200 Ha	44.200 Ha	11 tạ 5	26.000 Ha	22 tạ tây

Ngô. — Ngô giồng chỗ đất cát cao-rào, gần các bờ đê có đất phù-xa. Khắp vùng Khoái-châu về phía Tây tỉnh, đều giồng ngô cả. Hạt Tiên-lữ, Yên-mỹ và Kim-động, đất lẫn cát và cao-rào, giồng ngô rất tốt. Mỗi năm, tỉnh Hưng-yên có thể xuất-cảng được hơn 2 vạn tấn ngô. Nghề giồng ngô cũng lợi cho các nhà nông chẳng kém gì gạo mấy.

Mía. — Có hai thứ mía: mía bầu và mía re.

Mía re thường giồng trên đất phù-xa. Bãi Kệ-châu và Bồng-châu thuộc huyện Kim-động toàn giồng mía re để kéo mật. Hạt Khoái-châu cũng giồng nhiều mía: tất cả cộng 520 mẫu tây được 3.200 tấn mía.

Tuy vậy, nhưng cũng chỉ đủ dùng trong tỉnh thôi.

Giâu. — Giâu thường giồng dọc sông Nhị-hà và sông Luộc.

Toàn tỉnh có 730 mẫu giâu. Phủ Khoái-châu: 550 mẫu (xã Phú-trạch, Ninh-tập, Mạn-trú). — Huyện Kim-động: 120 mẫu (xã Đức-triêm, Đức-ninh, Nho-lâm, Hạnh-lâm, Bồng-châu, Lai-châu, Mê-châu). — Huyện Phù-cừ: 50 mẫu (xã La-tiến và xã Trà-dương). — Huyện Tiên-lữ: 10 mẫu.

Lá giâu dùng để nuôi tằm. Hạt Khoái-châu, Phù-cừ và Tiên-lữ có nghề chăn tằm kéo tơ.

Gai. — Hạt Tiên-lữ có giồng gai để bán cho huyện Hưng-nhân (tỉnh Thái-bình) dùng làm chiếu.

Ở phủ Ân-thi, cũng giồng mấy mẫu gai để đan võng.

Bắc. — Hạt Yên-mỹ, có hai mẫu tây giồng bắc, dùng làm bắc đèn dầu ta, và làm ruột gói và khăn sếp.

Chàm. — Hạt Yên-mỹ có năm mẫu giồng chàm, bán được độ 60.500 một năm.

Thầu-dầu. — Dọc sông Nhị-hà, thuộc phủ Khoái-châu và huyện Kim-động, có giồng thầu-dầu để bán làm dầu ta thắp đèn.

Khoai-lang. — Khắp tỉnh, nơi nào cũng giồng khoai-lang để người ăn và nuôi súc vật. Tất cả có 913 mẫu tây giồng khoai-lang.

Đậu. — Đậu thường giồng sen với ngô. Có hạt Khoái-châu là giồng nhiều đậu hơn cả (7.500 ha), còn các hạt khác chỉ giồng đậu đủ ăn. — Đậu Hòa-lan của người Hòa-lan đem giống sang từ thế-kỷ thứ XVI; có nhiều thứ giồng ở xã Bảo-châu (Tiên-lữ).

Nhãn. — Nhãn Hưng-yên quả vừa to, vừa ngọt. Nhãn Phố-hiến xưa vẫn dùng để tiến vua.

Nhãn Hưng-yên tiêu-thụ trong khắp xứ Bắc-kỳ.

Dân bốn hạt Tiên-lữ, Kim-động, Ân-thi và Phù-cừ, nhờ có nhãn mà được sung-túc.

Về việc trị-thủy, biết bao nhiêu nhãn mọc hai bên bờ đê phải đốn chặt. Hiện nay, chỉ còn 3000 cây nhãn ăn quả, trong số ấy, 100 cây

thuộc hạt Ân-thị; Phù-cừ (300 cây); Văn-lâm (700 cây); Tiên-lữ (700 cây); Kim-động (1.200 cây).

Mỗi cây nhãn chung-bình được 5.000 quả bán được 15\$00.

Vừng. — Thường giồng trong hạt Kim-động. Có 44 Hectares giồng vừng. Được 80 tấn hạt vừng đủ bán trong tỉnh.

Củ hoàng - tinh. — Hoàng - tinh giồng khắp các nơi. Các nhà tư-gia thường lọc lấy bột nấu trè.

Sắn. — Vừa đủ dùng trong tỉnh, không tiêu-thụ ra ngoài.

Cau và dầu - không. — Chỗ nào cũng có cau, chỉ đủ dùng, không thừa bán ra ngoài. Các xã duyên đê Nhị - hà, giồng nhiều dầu - không.

Sen. — Trong các đầm theo dọc đê sông Nhị-hà và sông Luộc, có nhiều sen, hương dùng ướp chè và hạt để ăn và làm thuốc.

Dưa. — Làng Đinh-cao (huyện Phù-cừ) và Liêu-trung (huyện Yên-mỹ) giồng nhiều dưa đỏ.

B — Việc chăn nuôi

Trâu, bò, ngựa, lợn nuôi trong tỉnh không đủ dùng cho việc cày-bừa và đủ giết thịt. Thường thường vẫn phải mua của các tỉnh khác.

Khắp tỉnh, đâu cũng nuôi gà, vịt, ngỗng để thịt. Phủ Ân-thị và huyện Phù-cừ nuôi rất nhiều gà Tây và gà Nhật-bản, đem bán ở Hà-nội và Hải-phòng. Xã Ba-đông và Hoàng-tranh (huyện Phù-cừ), xã Đào-đặng (huyện Tiên-lữ) nhờ thế mà phát-đạt.

Thả cá. — Dân xã Ứng - lôi (huyện Tiên-lữ), có nghề thả cá.

Mùa nước lũ, họ vớt trứng cá trôi rạt vào bờ, đem về nhà ấp cho nở. Đến khi cá nhón bằng ngón tay, họ đem bán lấy tiền hoặc đem thả ở các hồ ao. Mỗi năm, lợi được độ ba trăm bạc cá.

Cá đầm Kênh-kê (phủ Khoái-châu) có tiếng là thịt ngon.

Nuôi tằm. — Xã Phú-trạch và Quan-xuyên (phủ Khoái-châu) nuôi tằm kéo tơ dệt sồi. Sồi đem bán ở Hà-nội.

Xã Mai-xá, Phù-xa, An-chiều và La-tiến cũng chăn tằm, nhưng rất ít.

C — Đồn-điền

Có mấy cái ấp của người Pháp:

1° Ấp Nhuận-trạch (huyện Văn-lâm) rộng 200 mẫu của ông Croibier Huguet ;

2° Ấp Chí-trung (huyện Văn-lâm) của ông Sallée diện-tích 200 mẫu ;

3° Ấp An-khai (phủ Ân-thị) của ông Clémenti (286 mẫu) ;

4° Ấp Yên-lich (phủ Khoái-châu) của ông Drouet đo được 171 mẫu ;

5° Ấp Lạc-cầu (huyện Yên-mỹ) rộng 52 mẫu ;

6° Ấp Yên-xá (huyện Mỹ-hào) đo được 38 mẫu.

Ba cái đồn-điền Đại-ích (của ông Schneider), đồn-điền Yên-bình (của ông Drouet) và đồn-điền Đông-tảo (của ông Rochard) đều bán lại cho người mình giống lúa và ngô.

D — Kỹ-nghệ

Trong tỉnh không có một xưởng kỹ-nghệ nào. Chỉ có nghề :

Dệt vải ở xã Yên-vỹ, Đa-hòa (phủ Khoái-châu) ;

Duyên-yên, Phương-tòng, Lương-xá (Kim-động) ;

*Cao-cương, Linh-hạ, Nội-linh, Phù-phượng, Dỵ-chế
(huyện Tiên-lữ) ;*

Lưu-xá, Mão-cầu (phủ Ân-thi)

Sài-trang (huyện Yên-mỹ).

Dệt lụa ở xã Cốc-phong, Cao-quan, Hương-quất, Bằng-nha (Khoái-châu) ; Đào-xá và Phượng-lâu (Kim-động).

Dệt sồi ở xã Phú-trạch và Quan-xuyên (Khoái-châu).

Làm quạt giấy ở xã Hải-yến (Tiên-lữ) và Đào-xá (Ân-thi).

Làm gạch, ngói và nung vôi ở xã Mai-viên, Đức-triêm, Đức-ninh (Kim-động) ; riêng một xã Đạo-khê (Yên-mỹ) có 6 lò vôi, đá vôi lấy ở Đông-triều (Hải-dương).

Làm quạt lông ở phố Bắc-hòa.

Làm bira ở Văn-dương (huyện Mỹ-hào) ; Văn-phương (huyện Tiên-lữ).

Làm gói bằng bắc ở Đông-la, Xuân-lai, Đạo-khê (Yên-mỹ).

Làm đường và mật ở Trung-đạo (Yên-mỹ) ; Bồng-châu (Kim-động).

Làm bột gạo ở xã Lương-diễn (Kim-động).

Làm hương ở xã Đông-lỗ (Kim-động).

Đan cốt ở Thụy-lôi (Tiên-lữ).

Đan vòng ở Trung-lập (Mỹ-hào).

Đan thuyền ở Nội-viên (Tiên-lữ).

Đan lưới ở Đỗ-thượng (Ân-thi).

Đúc nồi đồng ở Đông-mai và Lộng-đình (huyện Văn-lâm).

Trong các kỹ-nghệ ấy, chỉ có nghề đúc nồi đồng là phát đạt hơn cả. Nồi đồng đem bán ở Hà-nội và Hải-phòng rất nhiều.

Ở tỉnh Hưng-yên mới sản-xuất ra nghệ sơn đồ-đạc và vẽ sơn trên các mặt kính. Những đồ sơn và kính vẽ này đem bày ở Hội-chợ Hà-nội và Nam-dịnh được nhiều người chú-ý. Nghề này đang tiến-hành.

Đ — Mỏ

Tỉnh Hưng-yên không có mỏ.

E -- Thương-mại

a) Thông-thương với ngoài

Kỹ-nghệ sản-xuất rất ít. Trừ ít nôi đồng, ít quạt đem bán ra các tỉnh ngoài, còn chỉ đủ dùng. Mỗi năm xuất-cảng thóc, gạo, ngô, đậu rất nhiều.

Việc buôn bán thóc, gạo, ngô, đậu thường thịnh-hành ở những nơi tiện đường bộ, đường thủy (sông Nhị-hà, sông Luộc, sông Lục-diên), hay đường hỏa-xa (Văn-lâm). — Cứ hàng năm, Ta và Tàu thi nhau cân ngô, gạo ở Lạc - đạo (Văn-lâm), Nghi-xuyên và Phú-thị (Khoái-châu), Thụy-lôi và Hải-yên (Tiên-lữ), chở đi Hà-nội và Hải-phòng.

Đồn Bản-yên-nhân và bến Thụy-lôi có nhiều hiệu to của Khách và Ta buôn bán rất xầm-uất. Chợ trâu ở hạt Khoái-châu và Kim-động rất thịnh-vượng.

Ở tỉnh-ly Hưng-yên, việc buôn bán không được phát-đạt. Bến Hưng-yên, có cát nôi giữa sông không tiện vận-tải hàng-hóa ; vả từ ngày có ô-tô Hà-nội — Hưng-yên, đi lại vừa rẻ tiền, vừa nhanh-chóng, nên nhiều, nhà thương về Hà-nội mua đồ đủ dùng hàng tháng.

Thóc, gạo, ngô, thường chở đi Hải-phòng, Nam-định, Hà-nội theo các lối sau này :

1^o) *Khoái-châu* : Hai bến trên sông Nhị-hà : Nghi-xuyên và Phú-thị.

2^o) *Tiên-lữ* : Bến Thụy-lôi trên sông Luộc.

3^o) *Yên-mỹ* :

a) *Sông Lục-diên*. — Thuyền đi ngược lên Kê-sắt. Có nhiều thuyền mảnh chở nước-mắm, đồ bằng đất ở Mon-cay lại ;

b) *Đường ô-tô Hà-nội — Hưng-yên*.

4^o) *Phù - cử* : Bến Vông-phan trên sông Luộc.

5^o) *Văn-lâm* : Ga Lạc - đạo ; — đường ô - tô Hà - nội — Hưng - yên (chợ Đường-cái).

Mỗi năm cả tỉnh xuất-cảng trung-bình được :

Tiên-lữ	2.000 tấn
Kim-động	2.000 tấn
Văn-lâm	6.000 tấn
Yên-mỹ	3.000 tấn
Mỹ-hào	2.000 tấn

Tổng cộng 15.000 tấn ngũ-cốc.

b) Thương-mại ở trong tỉnh

Chợ thường họp cạnh đường quan-báo ; dọc đường hỏa-xa (hạt Văn-lâm); hoặc dọc sông Nhị-hà, sông Luộc, sông Lục-diên.

Trong tỉnh có các chợ sau này, rất tiện cho việc giao - dịch:

TÊN CHỢ	THUỘC XÃ NÀO	NGÀY PHIÊN CHỢ (Theo âm-lịch)
Phủ Ân - thi		
Chợ Thi	Ân-thi	2, 5, 7, 10, 12, 15, 17, 20, 22, 25, 27, 30
Chợ Đĩa	Nam-tri	3, 6, 9, 13, 16, 19, 23, 26, 29.
Chợ Mới	Thổ-hoàng	1, 4, 7, 11, 14, 17, 21, 24, 27.
Chợ Đọ	Đỗ-thượng	2, 5, 8, 12, 15, 18, 22, 25, 28, 30.
Chợ Rồi	Văn-nhuệ	1, 3, 6, 9, 11, 13, 16, 19, 21, 23, 26, 29
Chợ Đầu	Bình-lãng	4, 7, 10, 14, 17, 20, 24, 27, 30.
Chợ Lão	Mão-câu	1, 4, 8, 11, 14, 18, 21, 24, 28.
Chợ Mát	Nhân-la-lương	3, 6, 9, 13, 16, 19, 23, 26, 29.
Phủ Khoái-châu		
Chợ Phủ	Yên-vỹ	1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28.
Chợ Phú-thị	Phú-thị	2, 5, 7, 10, 12, 15, 17, 20, 22, 25, 27, 30.
Chợ Giàn	Sài-thị	1, 6, 11, 16, 21, 26.
Chợ Bái	Bối-khê	2, 7, 12, 17, 22, 27.
Chợ Hang	Thọ-nham	3, 5, 7, 10, 23, 25.
Chợ An-lạc	An-lạc	3, 8, 13, 18, 23, 28.
Chợ Nội	Nhuế-dương	4, 9, 14, 19, 24, 29.
Huyện Tiên-lữ		
Chợ Suối	Thụy-lôi	4, 9, 14, 19, 24, 29.
Chợ Hới	Hải-yến	1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 17, 18, 20, 21, 22, 23, 25, 26, 27, 28, 30.
Chợ Đầu	Đào-dặng	2, 8, 12, 18, 22, 28.
Chợ Điềm	Điềm-xá	5, 10, 15, 20, 25, 30.
Chợ Ché	Dỵ-chế	Ngày nào cũng họp.
Chợ Vượng	Tiên-xá	4, 9, 14, 19, 24, 29.
Chợ Chùa	Cao-cương	3, 5, 7, 13, 15, 17, 23, 25, 27.
Chợ Nhài	Giai-lê	2, 5, 8, 10, 12, 15, 18, 20, 22, 25, 28, 30.
Chợ Ba-hàng	Tiên-phương	Ngày nào cũng họp.
Chợ Cống-vân	Vân-phương	Ngày nào cũng họp.
Chợ Vy	Phương-chiều	Ngày nào cũng họp.

TÊN CHỢ	THUỘC XÃ NÀO	NGÀY PHIÊN CHỢ (Theo âm-lịch)
Huyện Phù-cù		
Chợ Phươn	Võng-phan	2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29.
Chợ Đinh-cao	Đinh-cao	1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28.
Chợ Từa	Trần-xá	2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29.
Chợ Chàng	Phú-mỹ	5, 10, 15, 20, 25, 30.
Chợ Đông-cáp	Đông-cáp	1, 3, 7, 11, 13, 17, 21, 23, 27.
Chợ Tranh	Quế-lâm	1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28.
Chợ Trà-bồ	Trà-bồ	1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28.
Chợ La	La-tiến	Ngày nào cũng họp.
Chợ Nhật-lê	Nhật-lê	2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29.
Huyện Yên-mỹ		
Chợ Lưu	Nghĩa-trang	2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29.
Chợ Bình-phú	Bình-phú	1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28.
Chợ Trung	Liêu-trung	1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28.
Chợ Chùa	Cảnh-lâm	2, 6, 12, 16, 22, 26.
Chợ Đọ	Sài-trang	1, 3, 5, 6, 8, 10, 11, 13, 15, 16, 18, 20, 21, 23, 25, 26, 28, 30.
Chợ Bàn-Cụ	Yên-phú	3, 8, 13, 18, 23, 28.
Huyện Mỹ-hào		
Chợ Bàn	Bàn-yên-nhân	5, 10, 15, 20, 25, 30.
Chợ Thừa	Dỵ-sử	3, 5, 8, 13, 15, 18, 23, 25, 28.
Chợ Bạc	Bạch-sam	1, 4, 6, 11, 14, 16, 21, 24, 26.
Chợ Giặm	Cầm-quan	2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29.
Huyện Kim-động		
Chợ Bồng	Lai-hạ-trung	Một tháng sáu phiên.
Chợ Giốc-lã	Đông-lỗ	Một tháng sáu phiên.
Chợ Gò	Thanh-cù	Một tháng sáu phiên.
Chợ Duyên-yên	Duyên-yên	Ngày nào cũng họp
Chợ Vĩnh-đồng	Vĩnh-đồng	1, 3, 5, 8, 11, 13, 15, 18, 21, 23, 25, 28.
Chợ Bình-hồ	Bình-hồ	1, 4, 7, 11, 14, 17, 21, 24, 27.
Chợ Phúc-lễ	Phúc-lễ	3, 7, 13, 17, 23, 27.
Chợ Ngàng	Bằng-ngang	Một tháng 18 phiên
Chợ Trương-xá	Trương-xá	Một tháng 12 phiên
Chợ Chiền	Bình-cầu	Một tháng chín phiên
Chợ Trâu	Xích-đăng	Một tháng sáu phiên
Chợ Tỉnh	Hưng-yên	Một tháng 12 phiên

TÊN CHỢ	THUỘC XÃ NÀO	NGÀY PHIÊN CHỢ (Theo âm-lịch)
Huyện Văn-lâm		
Chợ Đậu	Lạc-dạo	Một tháng 12 phiên
Chợ Đương-cái	Nhạc-lộc	—
Chợ Đống-mối	Cát-lư	—
Chợ Ghênh	Như-quỳnh	—
Chợ Hè	Đông-mai	—
Chợ Nôm	Đại-đồng	Một tháng chín phiên
Chợ Un	Ôn-xá	Họp ngày chẵn
Chợ Lạng	Hương-lãng	1, 4, 6, 9, 11, 14,, 16, 19, 21, 24, 26, 29.

Trong các chợ nhà quê đã kể trên, thường bán các thứ ngũ cốc (thóc, gạo, đậu, vãn vãn, ..), các súc-mục (trâu bò, ngựa, lợn, ...), các đồ thực-vật (nước-mắm, muối, thịt, cá, vãn, vãn, ..) các dụng-cu (trái lưới, diên-khi, v.v.)



Chợ họp theo dọc đường sau này:

ĐƯỜNG QUA CÁC XÃ	TÊN CHỢ	NGÀY PHIÊN CHỢ	GIỜ HỌP CHỢ	HÓA-VẬT BÁN TRONG CHỢ
I. — Đường thuộc-địa số 5 Hà-nội đi Hải-phòng từ km 17+500 đến km 40 thuộc địa-phận Hưng- yên (đường giải đũa)				
Như-quỳnh (huyện Văn-lâm) Km 19+400	Chợ Ghênh	2, 5, 7, 10.	12 giờ	Thực-phẩm
Ôn-xá (huyện Văn-lâm) Km 22+500	Chợ Un	2, 4, 6, 8, 10.	—	Thực-phẩm
Nhạc-lộc (huyện Văn-lâm) Km 22+500	Chợ Đường-cái	1, 3, 5, 7, 9.	—	Thực-phẩm
Bần-yên-nhân (huyện Mỹ-hào) Km 27	Chợ Bần	5, 10, 15, 20, 25, 30	8 giờ sáng đến 5 giờ chiều	Trâu, bò, gà, vịt, chim, thịt, rau, lụa.
Dỵ-sử (huyện Mỹ-hào) Km 33+200	Chợ Thừa	3, 5, 8, 13, 15, 18, 23, 25, 28.	9 giờ sáng đến 3 giờ chiều	Gà, vịt, quả, rau, cá.
Bạch-sam (huyện Mỹ-hào) Km 35	Chợ Bạc	4, 6, 9, 14, 16, 19, 24, 26, 29.	9 giờ sáng đến 2 giờ chiều	Thịt, rau, hoa, quả.
II. — Đường hàng tỉnh số 39 Hưng-yên đi Văn-Nhuệ (Phổ-nối) từ km 0 đến km 36 (đường giải đũa)				
Bằng-ngang (huyện Kim-động) Km 11+200	Chợ Ngang	1, 3, 5, 6, 8, 10, 11, 13, 15.	11 giờ	Thịt, cá, thóc, gạo, rau, chim, gà, vịt, ngũ-cốc
Trương-xá (huyện Kim-động) Km 17	Chợ Trương	2, 5, 8, 10, 12, 15, 18, 20, 22, 25, 28, 30.	12 giờ	Chim, gà, vịt, thịt, cá, gạo, thóc, ngũ cốc, rau
Yên-lạc (phủ Khoái-châu) Km 22+300	Chợ mới Yên-lạc	Ngày 2, 5, 7, 8, (mỗi tháng 12 phiên)	10 giờ	Thóc, gạo, thịt, rau,
Yên-lich (phủ Khoái-châu) Km 24+400	Chợ Phủ	Ngày 1, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10 (mỗi tháng 24 phiên)	9 giờ	Thóc, gạo, rau thịt, (ngày 1, ngày 6, có trâu, bò)
Nghĩa-trang (huyện Yên - mỹ) Km 29+200	Chợ Lư	2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29.	9 giờ sáng đến 2 giờ chiều	Gà, vịt, chim, lợn, cá, thịt, gạo, vải
Sài-trang (huyện Yên - mỹ) Km 30	Chợ Đọ	1, 3, 5, 6, 8, 10, 11, 13, 15, 16, 18, 20, 21, 23, 25, 26, 28.	9 giờ sáng đến 1 giờ trưa	—
Liêu-trung (huyện Yên - mỹ) Km 33+800	Chợ Trung	1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28.	—	—

ĐƯỜNG QUA CÁC XÃ	TÊN CHỢ	NGÀY PHIÊN CHỢ	GIỜ HỌP CHỢ	HÓA VẬT BÁN TRONG CHỢ
III. — Đường hàng tỉnh số 39 Hưng-yên đi Thiện-phiến từ km 0 đến km 7+500 (đường lát đá, giải dựa)				
Tiên-phương (huyện Tiên-lữ) Km 3+500	Chợ Đình lờ	Ngày nào cũng họp	8 giờ	Thực-phẩm, thóc, gạo
Vân-phương (huyện Tiên-lữ) Km 4	Chợ Cống-vân	3, 5, 7, 10, 13, 15, 17, 20, 23, 25, 27, 30.	—	—
Phương-chiều (huyện Tiên-lữ) Km 4	Chợ Vy	—	—	—
IV. — Đường số 39 Hải-dương đi Hưng-yên, từ Phú-mỹ đến An-tảo (km 29 đến km 45) (5 km 400 giải đá, 11 km 600 đường đất).				
Phú-mỹ (huyện Phú-cừ) Km 29	Chợ Chàng	5, 10, 15, 20, 25, 30.	9 giờ	Thóc, gạo
Trần-xá (huyện Phú-cừ) Km 30+500	Chợ Từa	2, 4, 7, 9, 12, 14, 17, 19, 22, 24, 27, 29.	—	—
Cao-xá (huyện Phú-cừ) Km 31	Chợ Cao-Xá	5, 10, 15, 20, 25, 30.	—	—
Đào-dặng (huyện Kim-động) Km 43+200	Chợ Đâu	2, 8, 12, 18, 22, 28.	8 giờ	—
V. — Đường số 200 : Hải-yến đi Cảnh-lâm (km 0+500 đến km 24+500) (24 km đường đất)				
Hải-yến (huyện Tiên-lữ) Km 0+500	Chợ Hới	1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 15, 16, 17, 18, 20, 21, 22, 23, 25, 26, 27, 28, 30.	8 giờ	Thóc, gạo và thực-phẩm.
Dy-chế (huyện Tiên-lữ) Km 3+700	Chợ Ché	Ngày nào cũng họp.	—	Thóc, gạo.
Tiên-xá (huyện Tiên-lữ) Km 5+400	Chợ Vượng	4, 9, 14, 19, 24, 29.	—	—
Ấn-thị (phủ Ấn-thị) Km 9+800	Chợ Thi	2, 5, 7, 10.	9 giờ	Thóc, gạo, ngô, khoai, thịt, cá, lợn, gà, vịt, chim, vãi
Mão-câu (phủ Ấn-thị) Km 13+300	Chợ Lão	1, 4, 8.	—	—
Cảnh-lâm (huyện Yên - mỹ) Km 24+500	Chợ Chùa	2, 6, 12, 16, 22, 26.	9 giờ sáng đến 1 giờ trưa	—

ĐƯỜNG QUA CÁC XÃ	TÊN CHỢ	NGÀY PHIÊN CHỢ	GIỜ HỌP CHỢ	HÓA-VẬT BÁN TRONG CHỢ
VI. — Đường số 202 Thụy-lôi đi Phù-cừ (từ km 0 đến km 8 + 200) (đường giải đá).				
Thụy-lôi (huyện Tiên - lữ) Km 0	Chợ Suôi (To nhất trong hạt Tiên-lữ)	4, 9, 14, 19, 24, 29.	9 giờ	Thịt, cá, gà, vịt, chim, thực-phẩm
Giai-lê (huyện Tiên - lữ) Km 4 + 500	Chợ Nhài	2, 5, 8, 10, 12, 15, 18, 20, 22, 25, 28, 30.	8 giờ	Thóc, gạo, thực-phẩm
Đình-cao (huyện Phù - cừ) Km 7 + 800	Chợ Cao	1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28.	9 giờ	Thóc, gạo
VII. — Đường số 203 Vông-phan đi Cao-xá (từ km 0 đến km 11 + 400) (đường đất).				
Điềm-xá (huyện Tiên - lữ) Km 2	Chợ Điềm	5, 10, 15, 20, 25, 30.	8 giờ	Thóc, gạo, thực-phẩm
Đình-cao (huyện Phù - cừ) Km 7 + 800	Chợ Cao	1, 3, 6, 8, 11, 13, 16, 18, 21, 23, 26, 28, 30.	9 giờ	Thóc, gạo
Cao-xá (huyện Phù - cừ) Km 11 + 400	Chợ Cao-xá	5, 10, 15, 20, 25, 30	9 giờ	Thóc, gạo
VIII. — Đường đê An-cầu đi La-tiến (km 14 + 400 đến km 18) (đường đất)				
La-tiến (huyện Phù - cừ) Km 18	Chợ La	Ngày nào cũng họp	9 giờ	Thóc, gạo, ngô, khoai, đậu
IX. — Đường số 38 Trương-xá đi Sa-lung (từ km 0 đến km 18) đường giải đá)				
Trương-xá (huyện Kim-động) Km 0	Chợ Trương	2, 5, 8, 10, 12, 15, 18, 20, 22, 25, 28, 30.	12 giờ	Thóc, gạo, ngô, khoai, đậu, vừng, lạc, gà, vịt, chim
Nam-tri (phủ Ân-thị) Km 2 + 700	Chợ Đìa	3, 6, 9.	9 giờ	Thực-phẩm
Thổ-boàng-quanh (phủ Ân-thị) Km 4 + 400	Chợ Mới	4, 4, 7.	9 giờ	—
Đỗ-xá-thượng (phủ Ân-thị) Km 18	Chợ Đọ	2, 5, 8, 10.	9 giờ	—

H. — Đường giao-thông

Tỉnh Hưng-yên có nhiều đường giao-thông : đường bộ và đường thủy. Đường-bộ, có ô-tô chạy từ Hà-nội xuống Hưng-yên, và xe-hỏa qua hạt Văn-lâm, chỗ hành-khách và hàng-hóa.

Đường thủy, có tàu chạy từ Hà-nội đến Nam-định, (đỗ ở các bến Mễ-sở, Vườn-chuối, Quan-xuyên, Yên-cảnh, Bông, Ngọc-đồng và Hưng-yên), — Nam-định đi Hải-phòng đỗ ở bến Thụy-lôi, Hải-yến, Thiện-phiến (Tiên-lữ), La-tiến (Phù-cừ).

a) Đường bộ

Mặt bộ có nhiều đường giao-thông đi từ Hưng-yên sang các tỉnh lân-cận :

1°) đường Hưng-yên đi Hải-dương, qua huyện Mỹ-hào : 55 kilômètres ;

2°) đường Hưng-yên đi Thái-bình : 47 kilômètres ;

3°) đường Hưng-yên đi Phủ-lý, qua huyện Duy-tiên ;

4°) đường Hưng-yên đi Hà-nội :

1) — qua Bần-yên-nhân và Đình-dù (65 km) có ô-tô vận-tải ;

2) — qua Đồng-văn : sang phà Hưng-yên, đi xe tay đến ga Đồng-văn, từ Đồng-văn đến Hà-nội có xe hỏa.

Trong hạt Hưng-yên, có các đường bộ sau này :

Đường hàng tỉnh số 19 Như-quỳnh* đi Nhật-tảo (16 km đường đất) ;

— 38 Trương-xá đi Sa-lung (15^{km}800 đường đá) ;

— 39 An-tảo đi Phú-mỹ dài 21 km (9^{km}400 giải đá ; 11^{km}600 đường đất) ;

— 196 Văn-nhuế đi Lộng-đình dài 9 km (đường đất) ;

— 198 Đỗ-mỹ đi Xuân-đào dài 15 km (đường đất) ;

— 199 Thiết-trụ đi Sa-lung, dài 26 km (đường đất) ;

— 200 Hải-yến đi Cảnh-lâm, dài 24 km (đường đất) ;

— 201 Sĩ-quý đi Phú-mỹ dài 10 km (đường đất) ;

— 202 Tiên-lữ đi Phù-cừ dài 7^{km}500 (đường đá) ;

— 202 Phù-cừ đi La-tiến dài 7^{km}500 (đường đất) ;

— 203 Vông-phan đi Cao-xá, dài 10 km (đường đất) ;

— 204 Kênh-kê đi Bó-thời dài 6^{km}200 (đường đá) ;

— 204 Yên-lich đi Thọ-bình dài 2 km (đường đất) ;

— 205 Tiểu-quan đi Khoái-châu dài 2^{km}500 giải đá ;

— 205 Khoái-châu đi Đại-hạnh dài 8^{km}500 (đường đất) ;

— 206 Đông-kết đi Bần-yên-nhân dài 21^{km}300 (đường đất) ;

— 206 Bần-yên-nhân đi Văn-lâm dài 5 km (đường đá) ;

— 207 Đại-hạnh đi Hòa-bình dài 4^{km}500 (đường đất) ;

— 39 Văn-nhuế đi An-vũ dài 34^{km}800 giải dựa ;

— 39 An-vũ đi Thiện-phiến dài 6^{km}400 (đường đá, đường giải dựa).

Đường thuộc-địa số 5 Như-quỳnh đi Thịnh-vạn dài 22 km giải dựa.

Đê Nhị-hà dài 45 km : 39 km lát đá, 6 km đường đất (từ Phú-trạch đến Phương-trà).

Đê sông Luộc từ Phương-trà đến Cự-phù dài 21 km (7 km lát đá ; 14 km đường đất).

Từ tỉnh - ly Hưng-yên đến các tỉnh xứ Bắc-kỳ xa cách bao nhiêu cây số :

TỈNH	QUA NƠI NÀO	XA BAO NHIÊU CÂY SỐ
Bắc-cạn	Gia-lâm	217
Bắc-ninh	—	83
Cao-bằng	—	346
Chapa	Hà-nội	397
Đồ-sơn	Văn-nhuế (Phổ-nối)	131
Hà-đông	Hà-nội	75
Hà-giang	Gia-lâm	402
Hải-dương	Văn-nhuế	63
Hải-phòng	—	111
Hà-nội	—	64
Hòa-bình	Hà-nội	139
Hongay	Văn-nhuế và Hải-phòng	168
Kiến-an	Văn-nhuế	98
Lai-châu	Hà-nội	564
Lạng-sơn	Gia-lâm	210
Lao-kay	Hà-nội	360
Moncay	Gia-lâm	376
Nam-định	Bến Hưng-yên	58
Ninh-binh	Bến Hưng-yên và Nam-định	91
Phúc-yên	Gia-lâm	98
Phủ-lạng-thương	—	103
Phủ-ly	Bến Hưng-yên	27
Phủ-thọ	Gia-lâm	153
Quảng-yên	Văn-nhuế và Hải-phòng	132
Sơn-la	Hà-nội	374
Sơn-tây	Hà-nội	105
Tam-đảo	Gia-lâm	138
Thái bình	Bến Thiện - phiến	48
Thái-nguyên	Gia-lâm	129
Tuyên-quang	—	217
Vĩnh-yên	—	116
Yên-bay	Hà-nội	220

Đường Hưng-yên đi đình-dù

Đình-dù là ga xe-hỏa đường Hà-nội -- Hải-phòng thuộc hạt Văn-lâm. Cách 7 kms, đến đồn Bần-yên-nhân thuộc huyện Mỹ-hào. Ở đây có chợ, vùng ấy tục gọi là Bãi-sậy.

Đến km thứ 10, tức là Phố-nối: một đường thẳng xuống Hải-phòng, một đường rẽ sang phía Nam về Hưng-yên.

Đến km thứ 16, là xã Sài-trang, huyện-ly Yên-mỹ.

Đến km thứ 24, là Bô-thời, về bên tay phải, có đường rẽ sang phủ Khoái-châu.

Đến km 36, là xã Bằng-ngang, huyện-ly Kim-dộng.

Đến km 46, tới tỉnh-ly Hưng-yên.

Đường Hỏa-xa

Phía Bắc tỉnh Hưng-yên, có 20 km đường hỏa-xa Hà-nội - Hải-phòng chạy qua. Đường này chỉ tiện-lợi về vụ gặt để vận-tải thóc, gạo, ngô, khoai, đậu. Ngoài ra cũng không còn ích gì hơn nữa, vì đường này cách tỉnh-ly những 45 kms.

b) Đường thủy

Đường thủy, có sông Nhị-hà và sông Luộc, ngày nào cũng có tàu, Hà-nội, Hải-phòng và Nam-định chạy qua Hưng-yên và Thụy-lôi.

Đường Hà-nội đi Nam-định qua Hưng-yên

Cách Hà-nội, độ 10 kms là địa-phận xã Bát-tràng (thuộc tỉnh Bắc-ninh), làm đồ sứ.

Km 28: xã Mạn-trù, phủ Khoái-châu (Hưng-yên), xưa ta đuổi giặc Nguyễn ở đây.

Km 42: bãi Bồng-châu, giồng nhiều mía.

Km 46: làng Phượng-lâu (huyện Kim-dộng) giết lùa.

Km 56: bến Hưng-yên.

Km 59: tay phải có sông Phủ-ly, chia địa-phận Hà-dông và Hà-nam.

Km 70: sông Luộc phân địa-giới tỉnh Hưng-yên và Thái-bình.

Km 73: tả-ngạn là làng Thái-dương, có lăng vua nhà Trần.

Km 102: Nam-định.

Bến đò

Dọc sông Nhị-hà

Phà Phú-thị

Cách bến Phú-thị 500 thước tây, có pháo-đài xây từ năm 1906, tới nay hãy còn di-tích.

Phà Mạn-xuyên

— Phú-xa

— Nghi-xuyên

— Nhuế-dương

— Đức-ninh

— Duyên-yên

— Hưng-yên

— Mậu-dương

phủ Khoái-châu

huyện Kim-động

Dọc sông Luộc

Phà Thiện-phiến

— Thụy-lôi

— Vĩng-phan

— La-tiến

huyện Tiên-lữ

huyện Phú-cừ

Dọc sông Lục-diên

Phà Dã-cầu

Phà Thuần-xuyên

— Phúc-bổ

huyện Yên-mỹ

huyện Mỹ-hào

Dọc sông Cửu-yên

Phà Vĩnh-đồng

Bến đò Sài-thị

Bến đò Vĩnh-mộ (bên kia bến đò, thuộc địa-phận tỉnh Hải-dương, có Pháo-đài Vĩnh-mộ tới nay di-tích hãy còn)

Bến đò Duyệt-lệ

Bến đò Ba-dông

huyện Kim-động

phủ Khoái-châu

huyện Phú-cừ

Dọc sông Nghĩa-trụ

Bến đò Khê-than

huyện Phú-cừ

Cầu (ô-tô có thể qua lại được)

Đọc đường Hưng-yên đi Hà-nội

Cầu Đông-lỗ ở km 7

- Bắng-ngang ở km 11
- Trương-xá ở km 17
- Yên-lạc ở km 23
- Lực-diền ở km 27
- Bắ-n-yên-nhân ở km 40.

Đọc đường hàng tỉnh số 39

Thuộc địa-phận xã Phú-mỹ, có cái cầu dài độ 40 thước tây, bắc trên con sông Cửu-yên, tục-truyền làm từ đời Gia-long, về sau sửa lại. Cầu này nối hai tỉnh Hải-dương và Hưng-yên.

Đọc đường Kim-động đi phủ Ân-thị

Một cái cầu dài độ 40 thước tây, bắc trên con sông Cửu-yên, ở ngay chợ Thi.

Trên sông Bình-hồ

Cầu Bình-trì.

Bưu-điện

Bưu-điện Hưng-yên và Bắ-n-yên-nhân là những sở chính, làm đủ các việc giao-dịch, vận-tải, thư-tin và các hóa-kiện, đánh giầy-thép, nhận gửi tiền và phát tiền măng-đa, nhận gửi các hàng khai-giá, gửi hàng và phát những hàng gửi theo cách lĩnh-hóa giao-ngân.

Bưu-điện Thụy-lôi không làm bưu-phiếu, không nhận hàng lĩnh-hóa giao-ngân và không thu trái-phiếu.

Bưu - trạm

Ba trạm sau này gần ga xe-lửa, mà lại lĩnh thư-tin tại sở Bắ-n-yên-nhân :

- 1 — Đĩnh-dù (3 tổng cùng thuộc huyện Văn-lâm : Thái-lạc, Nghĩa-trai, Như-quỳnh).
- 2 — Lạc-đạo (2 tổng cùng thuộc huyện Văn-lâm : Lạc-đạo, Đại-từ).
- 3 — Xuân-đào (2 tổng cùng thuộc huyện Văn-lâm : Lương-tài, Động-xá).

Thư-tin các tổng ấy không nên gửi qua Hưng-yên, chậm trễ lắm. Nên gửi tuốt đến ga hoặc gửi qua Bắ-n-yên-nhân.

Hai trạm gửi qua Bắ-n-yên-nhân :

- 1 — Dị-sử ; 2 — Lực-diền.

Còn tám trạm, thư-tin phải gửi qua sở chính Hưng-yên :

- 1 — Bắng-ngang ; 2 — Phú-thị (Bến Mễ) ;
- 3 — Phú-cừ ; 4 — Nghi-xuyên ;
- 5 — Thổ-hoàng ; 6 — Khoái-châu ;
- 7 — Phú-mỹ ; 8 — Trương-xá.

Công - tác

a) Đường - xá

Trong các hạt, những đường xấu, đã đắp lại cao và rộng hơn trước. Nhưng phần nhiều là đường đất, gặp mưa thường hay lầy lội. Nhờ có cỏ mọc hai bên vệ đường, nên đất không thể chồi được mà việc thông-hành trong vụ mưa cũng đỡ khó khăn. Nhiều đường chạy qua các phủ-ly, huyện-ly đã giải đá, ô-tô đi lại được.

Đường Phố-nối - Hưng-yên đã giải dựa, hàng năm sở Lục-lộ cho sửa lại luôn luôn. Đường này có xe ô-tô, các thứ xe-cộ và khách bộ-hành qua lại như mắc cửi, rất tiện cho việc giao-thông và thương-mại.

b) Đê - điều

Đê trong tỉnh đều sửa lại và đắp cao hơn trước. Hai bên bờ đê và mặt đê sông Nhị-hà, sông Luộc và sông Lục-diễn sửa sang lại rất cẩn-thận.

Đê các hạt, như sau này :

- 1^o) Khoái-châu : 23 km đê Nhị-hà ;
- 2^o) Kim-động : 17 km đê Nhị-hà ;
- 3^o) Tiên-lữ : 19 km (13 km đê sông Luộc, 6 km đê Nhị-hà) ;
- 4^o) Phù-cừ : 9 km đê sông Luộc.

c) Đào và khơi sông

Phần nhiều ruộng đất trong tỉnh mà nhất là ruộng hai hạt Ân-thị và Phù-cừ, mùa hạ thường bị úng-thủy, mùa đông bị khô-khan, lúa mạ hoặc thối-nát, hoặc khô-héo, nhà nông thiệt-hại không biết bao nhiêu mà kể. Dân mỗi năm một nghèo, cực chẳng đã phải bỏ ruộng đất cho chủ nợ để đi tha phương cầu thực.

Chính-phủ đã thấu tình-thế của dân, nên mùa đông năm 1929 đã bắt đầu cho khơi các sông cũ, vừa nông, vừa hẹp, để nước thủy-triều lên xuống, tiện cho việc tát nước và tháo nước ở các ruộng.

Thời-kỳ 1929 - 1930, dân-phu khơi được 142 kilômétres sông.

Sau lại đào thêm ngòi :

- 1^o) Đại-từ (từ Thanh-khê đến Đại-từ) 2 km ;
- 2^o) Sa-lung (từ Phù-ứng đến sông Lục-diễn) 1 km 400.

Mùa hanh 1930 - 1931, khơi các sông :

- 1^o) Trương-xá : từ Trương-xá (huyện Kim - động) đến Nam-trì (phủ Ân-thị) ;
- 2^o) Kim-ngưu ;
- 3^o) Cửu - yên (từ Nghi - xuyên đến chợ Thi).

Thế là năm 1929-1930, khơi và đào được gần 160 km sông, ngòi. Trong thời-kỳ 1929-1930, lại xây thêm được một cái cống ở Sa-lung để nối hai con sông Lục-diên và Sa-lung, về phía đông tỉnh Hưng-yên. Năm 1931, xây thêm cống Triều-dương (huyện Tiên-lữ) nối hai con sông Nội-viên và sông Luộc. Trước kia, ruộng hai hạt Ân-thị và Phù-cừ, mùa màng thường bị úng-thủy, lúa tháng 10 vì thế mà thối nát. Nay nhờ có sông ngòi mới khơi và các cống mới xây, nước mưa có thể thoát ra sông Thái-bình được.

Năm 1930, mất mùa tháng 5, dân túng đói; lại gặp lúc biến-động việc cầm-phòng trong các xã rất là quan-trọng. — Vì vậy công việc khơi ngòi phải một phen đình-chệ. Về phía Bắc, còn nhiều sông chưa khơi, hoặc chưa khơi xong :

- 1°) Sông Yên-xá ;
- 2°) Sông Yên-nhân ;
- 3°) Sông Lương-tài,

Mãi đến mùa đông năm 1931, mới khơi xong.

Dân phía Nam tỉnh Hưng-yên cũng thỉnh-cầu khơi sông, để tiện việc canh-nông. Vì vậy tháng Mars 1931, bắt đầu khơi sông Nội-viên từ Triều-dương (huyện Tiên-lữ) đến Đông-lỗ (huyện Kim-động) và sông Đông-lỗ, từ Đông-lỗ đến Mai-viên (huyện Kim-động).

Năm 1933, đã xây hai cái cống to ở đê Lục-diên thuộc địa-phận xã Chu-xá (phủ Ân-thị) và xã Tư-hồ (huyện Yên-mỹ).

Sở Lục-lộ đã mua nhiều cống bằng si-moong để phát cho các làng làm cống vệ-nông.

Phần nhiều các sông ngòi trong tỉnh có nhiều bèo Nhật-bản mỗi ngày một sinh sản thêm ra, làm ngăn-trở cho giòng nước chảy. Nhiều nơi, dân hai bên ngòi thường ngăn nước lại để trải lưới. Vì vậy, nước sông ngòi chảy rất trậm, mà có khi ứ lại, nên nước trong đồng không thoát đi được, ruộng đất bị úng-thủy, hoa-mầu thối nát, rất là hư-hại.

Quan trên rất chú-ý đến các lẽ đó, nên thường săn sóc sức bắt dân-phu phải hết sức dọn sông ngòi, vớt bèo Nhật-bản và cấm việc trải lưới làm ngăn-trở cho giòng nước chảy.

TỈNH HUNG-YÊN

PHŨ, HUYỆN	RUỘNG					ĐẤT					Diện-tích từng hạt (mẫu tây)	
	Nhất- đẳng	Nhị- đẳng	Tam- đẳng	Cộng (mẫu ta)	Nhất- đẳng	Nhị- đẳng	Tam- đẳng	Từ- đẳng	Ngũ- đẳng	Cộng (mẫu ta)		Tổng cộng
Khoái-châu	13.283	8.258	4.955	26.496	1.280	59	4.563	1.339	532	7.773	34.269 (12.337 Ha)	43.030 Ha
Kim-đông	8.754	9.007	1.497	19.258	696	4.682	5.722	1.083	396	12.579	31.837 (11.469 Ha)	11.810
Ân-thị	14.160	15.982	66	30.208	557	663	934	749	302	3.205	33.413 (12.029 Ha)	13.230
Tiên-lữ	9.365	9.713	1.612	20.690	488	983	2.392	1.219	435	5.517	26.207 (9.435 Ha)	10.170
Phù-cừ	9.504	9.589	2.066	21.099	159	1.298	735	413	211	2.816	23.915 (8.609 Ha)	9.580
Mỹ-hào	6.088	9.054	3.300	18.442	“	187	992	747	274	2.200	20.642 (7.431 Ha)	7.860
Yên-mỹ	14.552	5.920	1.041	21.513	532	609	553	531	297	2.522	24.035 (8.653 Ha)	8.950
Văn-lâm	7.218	8.007	1.109	16.334	“	25	1.989	819	415	3.248	19.582 (7.049 Ha)	7.570
	82.924	75.530	15.586	174.040	3.712	8.506	17.880	6.900	2.862	39.860	213.900 (77.011 Ha)	82.220 Ha

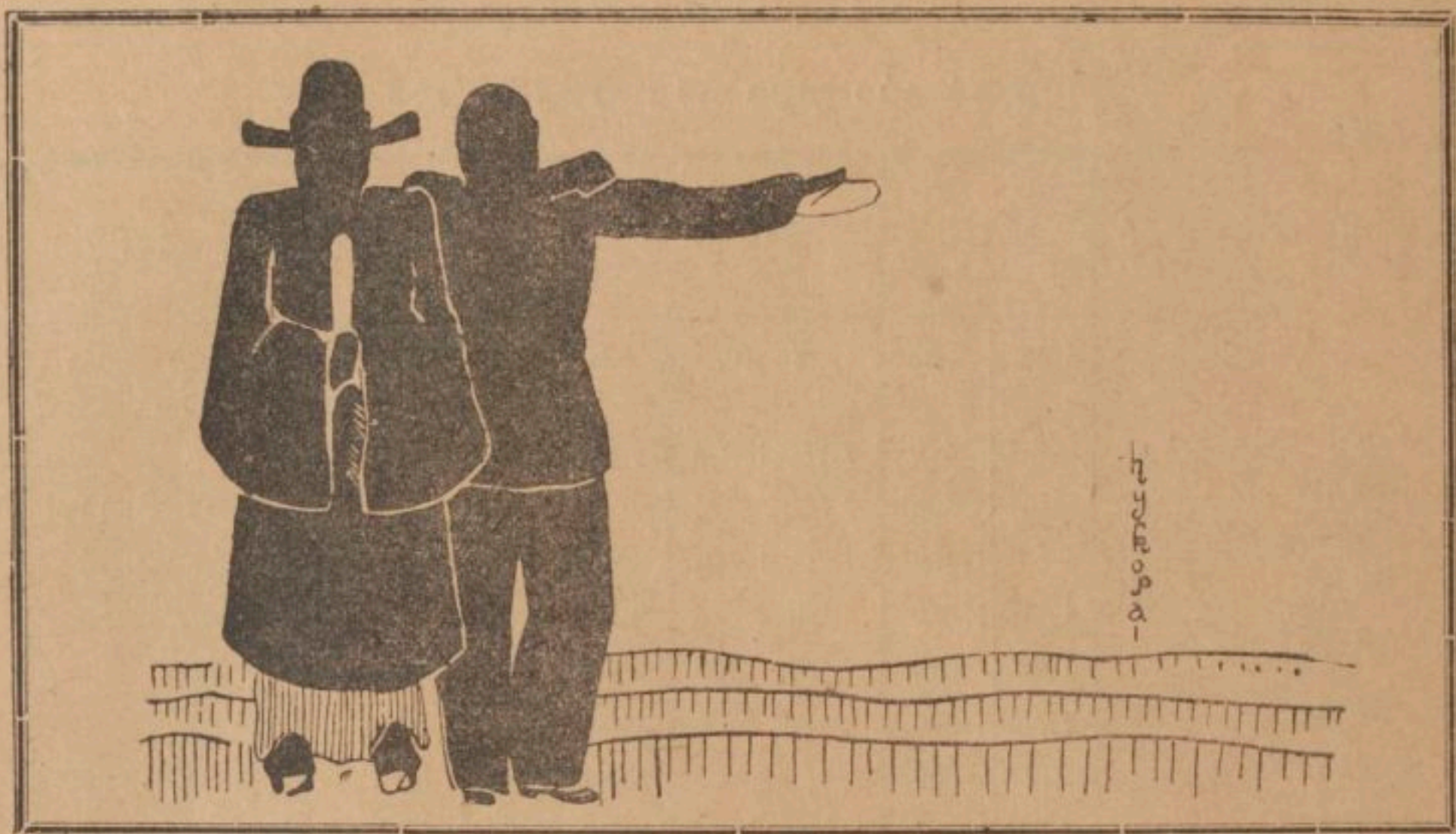
Phủ, huyện	Bao nhiêu tổng	Bao nhiêu xã	Bao nhiêu chợ	Bao nhiêu bến đò	Cách tính - lý bao nhiêu kms	Đê
Khoái-châu	10	76	15	6	28 km	23 km (Nhị-hà)
Ân-thị	10	86	9	»	22 km	»
Kim-động	8	70	6	4	11 km 500	17 km (Nhị-hà)
Tiên-lữ	8	64	16	2	12 km 500	19 km (6 ^{km} đê Nhị-hà) (13 ^{km} đê Luộc)
Phủ-cừ	6	53	4	2	20 km	9 km (sông Luộc)
Mỹ-hào	6	50	4	2	39 km 500	»
Yên-mỹ	8	56	6	1	30 km 500	»
Văn-lâm	7	48	9	»	45 km 300	»
Tổng cộng....	63 tổng	503 xã	69 chợ	17 bến đò		68 km đê

TỈNH HƯNG-YÊN

Bảng kê súc-mục năm 1932-1933

PHỦ, HUYỆN	TRÀU		BÒ		LỢN		NGỰA		DÊ	
	1932	1933	1932	1933	1932	1933	1932	1933	1932	1933
Khoái-châu	500	400	1.700	1.500	10.000	15.900	15	15	»	25
Ân-thị	390	1.930	1.680	574	5.965	5.507	»	17	12	19
Kim-dộng	970	1.430	1.300	1.246	2.900	5.820	2	12	»	16
Tiên-lữ	1.200	1.250	960	880	6.500	5.120	4	5	20	30
Phù-cừ	1.262	920	363	450	5.101	3.720	15	6	23	15
Mỹ-hào	1.200	920	180	450	4.400	3.720	9	6	20	»
Yên-mỹ	858	800	752	600	9.700	12.000	12	18	10	20
Văn-lâm	1.235	1.240	350	370	3.000	21.640	4	15	»	»
Tổng cộng	7.615	8.890	7.285	6.030	47.566	73.427	61	94	85	125

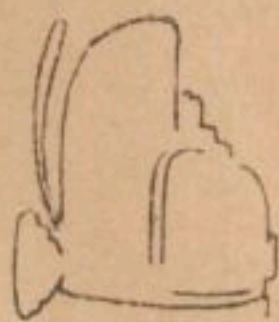




IV

HUNG-YÊN CHÍNH-TRỊ

Dân - cư



Tỉnh Hưng-yên có 446.199 người, đều là người Việt-nam cả. Ở Hưng-yên và Thụy-lôi, có người Trung-hoa buôn bán. Nhưng họ không lẫn với người An-nam, họ có hội-quán riêng, ăn mặc, cử-chỉ, ngôn-ngữ, cũng khác người mình.

Các nơi ấy rất tấu-tập, dễ kiếm ăn, nên mấy thế-kỷ nay, nhiều khách đến tụ-họp để sinh-nhai. Họ phần nhiều lấy vợ An-nam, sinh con, rồi không muốn dời đất mình đang ở, để về xứ-sở. Những khách-lai (ta thường gọi là Minh-hương), lúc sinh-nhai dễ dãi, còn theo quốc-tịch Trung-hoa. Sau vì cảnh-ngộ: hoặc buôn bán thua lỗ, hoặc sinh-hoạt khó khăn, không đủ đóng góp theo với người đồng-bang Trung-hoa, nên họ cải làm dân Nam-việt, đi lại trong xứ đã dễ dàng, thuế thân, thuế điền, thuế môn-bài lại giảm được bội-phần, ngang với dân bản-xứ.

Con gái Minh-hương phần nhiều theo quốc-tịch An-nam, để tiện việc hôn-nhân, hoặc dễ đường buôn bán với người bản-xứ.

Vì vậy, nên ở Hưng-yên và Thụy-lôi, có nhiều người Việt-nam thủy-tổ là dân Trung-hoa. Hiện nay họ không còn gì là di-tích giọng-giới người Trung-hoa, họ chẳng còn quyền gia-phả khiến họ còn nhớ đến tổ-quốc non sông.

Chính-trị

Từ juin 1884, tỉnh Hưng-yên cũng như các tỉnh khác ở xứ Bắc-kỳ, thuộc quyền nước Pháp Bảo-hộ, có quan-lại ta cai-trị dưới quyền kiểm-đốc của Chính-phủ Bảo-hộ.

Việc chính-trị vẫn giống như xưa. Nhiều xã hợp lại thành tổng, nhiều tổng thành huyện hay phủ. Có hai phủ, sáu huyện:

- 1°) phủ Khoái-châu : 10 tổng, - 76 xã
- 2°) phủ Ân-thị : 10 tổng, - 86 xã
- 3°) huyện Kim-đông : 8 tổng, - 70 xã
- 4°) huyện Tiên-lữ : 8 tổng, - 64 xã
- 5°) huyện Phù-cừ : 6 tổng, - 53 xã
- 6°) huyện Yên-mỹ : 8 tổng, - 56 xã
- 7°) huyện Mỹ-hào : 6 tổng, - 50 xã
- 8°) huyện Văn-lâm : 7 tổng, - 48 xã

Cộng tất cả 63 tổng, - 503 xã

Tỉnh-ly Hưng-yên ở trên tả-ngạn sông Nhị-hà, cách Hà-nội 65 kilo-mètres và cách Hải-phòng 70 km.

Ở xã thì có lý-trưởng, Hội-đồng Hương-chính và Hội-đồng Kỳ-mục cùng nhiều chức-dịch khác (phó-ly, trương-tuần, xã-đoàn, khán-máng, thủ-lộ, tùy theo từng làng).

Đầu tổng, có Chánh-tổng. Tổng-chức khác là Phó-tổng và Tổng-đoàn. Đầu huyện, có quan Tri-huyện; - ở phủ, có quan Tri-phủ.

Ở tỉnh, quan Tổng-đốc hay quan Tuần-phủ đứng đầu quan-lại an-nam. Quan-lại ta chia ra như sau này:

A. — Quan-trường

1°/ Quan Hành - chính

a) Tỉnh-đường :

Quan Tổng-đốc hay Tuần-phủ, có quan Thương-tá giúp việc.

Phòng - giấy, có một quan huyện tập - sự hay một viên Thông - phán kiểm - đốc các viên Thừa-phái.

b) Quận-hạt :

Mỗi hạt có một quan Tri-phủ hay Tri-huyện đứng đầu.

2°/ Quan Tư - pháp

a) Tòa-án đệ-nhi-cấp :

Một quan Bồ - chánh sung Chánh - án dự - khuyết.

Một quan Bồ - chánh kiêm Dự - thẩm.

b) Tòa - án sơ - cấp :

Một quan tri-huyện tư-pháp làm Thẩm-phán tại Tòa-án sơ-cấp phủ Khoái-châu.

3^o) Học - quan

Một quan Kiểm-học Thanh-tra các trường Pháp-Việt trong tỉnh, chủ-sở ở tỉnh-ly.

Một quan Huấn - đạo chủ - sở huyện - lý Yên - mỹ.

B. — Nha-lại

Tỉnh-đường : 5 Thừa-phái.

Các hạt : mỗi hạt ba Thừa-phái, một người kiêm Lục-sự Tòa-án sơ-cấp.

C. — Lính-lệ và Lính-cơ

Trong tỉnh : có tất cả 41 người lính-lệ :

Tỉnh-đường : 5 người

Tòa-án tỉnh : 5 người

Nha Kiểm-học : 2 người

Dinh Thương-tá : 1 người

Mỗi phủ : 4 người

Mỗi huyện : 3 người

Nha Huấn - đạo : 1 người

Trong tỉnh, có 85 lính-cơ thuộc viên Chánh-quản-cơ đốc-xuất. (Tỉnh-ly 29 người và mỗi hạt 7 người).

Bên Chính phủ Bảo-hộ, có quan Chánh Công-sứ đầu tỉnh, rồi đến quan Phó Công-sứ cùng các quan Chánh các sở công, như quan Giám-binh, quan Lục-lộ, quan Thương-chính, quan chủ Ngân-khố, quan Cầm, vân vân...

Quan Chánh Công-sứ :

1^o) kiểm-soát việc hành-chính và tư-pháp an-nam ;

2^o) giữ-gìn trật-tự trong tỉnh được yên ổn ;

3^o) có quyền chi-thu các khoản thuộc công-quỹ hàng tỉnh và công-khố Bắc-kỳ, hay Đông-pháp ;

4^o) thi-hành mệnh-lệnh các Tòa-án trên ;

5^o) sung Chánh-án tòa Tây-án bản-tỉnh ;

6^o) kiểm-soát các công-sở trong tỉnh ;

7^o) kiêm Hộ-lại tây và làm Chánh-án tòa Nam-án.

Tòa-sứ có quan Phó-sứ giúp quan Chánh-sứ kiểm-đốc các viên Tham-tá, Phán-sự mỗi người giữ một việc.

Trại lính khố-xanh

Quan Giám-binh đứng đầu kiêm chức Thừa-phát-lại.

Một viên quản khố-xanh người Pháp kiêm Cảnh-sát Cục-trưởng, quản đề-lao và Lục-sự tòa Tây-án bản tỉnh.

Một viên quản khố-xanh người Pháp coi đồn khố-xanh Bần-yên-nhân.

Có 117 người vừa sĩ-quan, hạ-sĩ-quan và lính khố-xanh.

Ngân - khố

Quan chủ Ngân-khố người Pháp coi việc thu, chi, trong tỉnh.

Công-chính và Trị-thủ

Một viên Kỹ-sư đứng đầu trông nom các việc công-tác, như xây dựng các công-thự, sửa chữa các công-sở, đắp đê, xây cầu cống, khơi sông ngòi, sửa đắp các đường bộ, vân vân...

Thương - chính

Có quan Chánh Thương-chính đứng đầu.

Trong tỉnh có hai nha Thương-chính ở tỉnh-ly và ở đồn Bản-yên-nhân, thu các thứ thuế thương - chính và bắt các đồ lậu.

Bưu - điện

Chủ-sự người An-nam, có thư-ký, đội-trạm, phu-trạm, lính-trạm giúp việc thông-tin bằng thơ-từ, điện-tin hoặc điện-thoại với các nơi.

Trong các hạt, có trạm nhà quê giữ việc thông-tin.

Hai sở bưu-điện quan-trọng ở Bản-yên-nhân và Thuy-lôi là hai nơi xầm-uất trong tỉnh.

Y-tế

Một viên Bác-sĩ người Pháp hay người Nam đứng đầu.

Có hai viên y-sĩ và nhiều khán-hộ giúp việc. Một viên y-sĩ ở tỉnh-ly, còn một viên y-sĩ chủ-trương nhà thương Bản-yên-nhân.

Có bốn cô-đỡ coi bốn nhà hộ-sinh: ở tỉnh-ly, phủ Khoái-châu, đồn Bản-yên-nhân và huyện Tiên-lữ.

Trong tỉnh có nhiều nhà thuốc có các viên khán-hộ phát thuốc cho dân.

Địa - chính

Một viên kỹ-sư người Pháp kiểm-đốc.

Một viên Tham-tá địa-chính và các viên trắc-địa trông coi địa-bạ các làng và kiểm-soát công việc của các chường-bạ.

Nông - phổ ngân - hàng

Ngân-hàng mới lập từ tháng janvier 1932, rất tiện cho các nhà nông vay tiền được nhẹ lãi.

Một người Pháp làm Chánh-đốc Ngân-hàng, có các viên thư-ký giúp việc.

Hội - đồng hàng tỉnh

Toàn tỉnh có 13 Hội-viên.

Mỗi năm hai kỳ, các hội-viên họp hội-đồng hàng tỉnh, do quan Chánh Công-sứ chủ-tọa.

Công việc của Hội-đồng là xét sổ dự-toán của hàng tỉnh, nghe đọc sổ chi-thu năm vừa qua và bàn các việc công-ích cho toàn tỉnh.

TỈNH HƯNG-YÊN

Danh-sách các vị Thủ-hiến Pháp

TÊN	THỜI - KỲ TRỌNG - NHẬM	
Thureau	1886	
Unal	1887	
Delmas	1888	
Morel	1889	
Beauchamp	1889 - 1890	
Fèvre	1890	
Moulié	1890 - 1891	
Sestier	1891	
Alcan	1891	
Mahe	1891	
Muselier	1891 - 1893	
Ceytier	1893 - 1894	
David	1894 - 1896	
De Miribel	1897 - 1902	
Bon	1903 - 1904	
De Miribel	1904 - 1906	
Domergue	1906 - 1908	
Cuillieret	1909	
Lafrique	1910 - 1911	
Tharaud	1911	
About	1912 - 1913	
Peyrabère	1913 - 1914	
Bichard	1914	
Duval de Saint Claire	2 - 2 - 1915	6 - 5 - 1919
Saurel	7 - 5 - 1919	15 - 1 - 1921
Thezeloup	16 - 1 - 1921	22 - 2 - 1922
Pergier	23 - 2 - 1922	31 - 3 - 1926
Servoise	1 - 4 - 1926	4 - 1 - 1927
Foy	5 - 1 - 1927	30 - 11 - 1927
Lotzer	30 - 11 - 1927	3 - 3 - 1930
Tanquerey	5 - 3 - 1930	8 - 5 - 1930
Collet	11 - 5 - 1930	11 - 12 - 1930
Géhin	12 - 12 - 1930	5 - 2 - 1930
Pettelat	7 - 2 - 1931	

TỈNH HƯNG - YÊN

Danh - sách các vị Thủ - hiến An-nam

TÊN VÀ HỌ	CHỨC	THỜI - KỲ TRỌNG - NHẠM
Đinh - nho - Quan 丁 儒 關	Tuần-phủ	1883 - 1885 (Tự - đức năm thứ 36 đến Hàm - nghi năm đầu)
Hoàng - cao - Khải 黃 高 啟	—	1885 - 1888 (Hàm-nghi năm đầu -- Đồng-khánh năm thứ ba)
Phạm - ngọc - Côn 范 玉 琨	—	1888 - 1889 (Đồng - khánh năm thứ 3 -- Thành - thái năm đầu)
Cao - xuân - Dục 高 春 育	—	1889 - 1890 (Thành - thái năm đầu -- năm thứ 2)
Lê - Cơ 黎 機	—	1890 - 1891 (Thành - thái năm thứ 2 -- năm thứ 3)
Phan-huy-Quán 潘 輝 館	—	1891 (Thành - thái năm thứ 3, ba tháng)
Nguyễn - Thịnh 阮 盛	—	1891 - 1892 (Thành - thái năm thứ 3 -- năm thứ 4)
Nguyễn - hữu - Toán 阮 有 瓚	—	1892 - 1895 (Thành-thái năm thứ 4 -- năm thứ 7)
Trần - đình - Lượng 陳 廷 量	—	1896 (hai tháng, năm Thành-thái thứ 7)
Nguyễn - đức - Tú 阮 衍 秀	—	1896 - 1897 (Thành - thái năm thứ 7 -- năm thứ 8)
Phạm - văn - Toán 范 文 算	—	1897 - 1905 (Thành-thái năm thứ 8 -- năm thứ 17)

TÊN VÀ HỌ	CHỨC	THỜI-KỶ TRỌNG-NHỆM
Lê-Hoan 黎 謹	Tuần-phủ	1905-1907 (Thành-thái năm thứ 17 — năm thứ 19)
Đặng-đức-Cường 鄧 德 疆	—	1907-1911 (Thành - thái năm thứ 19 — Duy-tân năm thứ 5)
Nguyễn-hữu-Tường 阮 有 詳	—	1911-1913 (Duy-tân năm thứ 5 — năm thứ 7)
Nguyễn-trung-Tiên 阮 忠 先	—	1913-1914 (Duy-tân năm thứ 7 — năm thứ 8)
Trần-văn-Thông 陳 文 通	—	1914-1917 (Duy-tân năm thứ 8 — Khải-định năm đầu)
Lê-trung-Ngọc 黎 忠 玉	—	1917-1921 (Khải-định năm đầu — năm thứ 6)
Nguyễn-năng-Quốc 阮 能 國	Tổng-đốc	1921-1927 (Khải-định năm thứ 6 — Bảo-đại năm thứ 2)
Vi-văn-Định 韋 文 定	—	1927-1928 (Bảo-đại năm thứ 2 — năm thứ 4)
Lê-văn-Đỉnh 黎 文 頂	—	1928-1929 (Bảo-đại năm thứ 4 — năm thứ 5)
Bùi-phát-Tường 裴 發 祥	Tuần-phủ	1929-1931 (Bảo-đại năm thứ 5 — năm thứ 7)
Lương-văn-Phúc 梁 文 福	Tuần-phủ thăng Tổng-đốc năm 1933	1931 (Bảo-đại năm thứ 7)

TÊN PHỦ, HUYỆN

Tên các phủ, huyện thường thay đổi và sở-tại các hạt đã nhiều lần thiên-di

PHỦ, HUYỆN	X U A		N A Y	
	TÊN	SỞ - TẠI	TÊN	SỞ - TẠI
Huyện Kim-động	Huyện Kim-động	Xã Sich - đặng (cách tỉnh-ly 2 km)	Huyện Kim-động	Xã Bằng-ngang (cách tỉnh-ly 11km)
Phủ Ân-thi	Huyện Thiên-thi sau đổi ra huyện Phú-an	Xã Thỗ-hoàng	Huyện Ân - thi (năm 1930 đổi ra phủ Ân-thi)	Xã Thỗ-hoàng
Phủ Khoái-châu	Huyện Đông-yên (đời Lê, đổi ra phủ Khoái-châu)	Xã Đa-hòa (sau di sang xã Trương-xá)	Phủ Khoái-châu (cuối đời Lê)	Xã Yên-vỹ
Huyện Tiên-lữ	Huyện Tiên-hoa	Xã Đào-dặng	Huyện Tiên-lữ	Xã Thụy-lôi
Huyện Phù-cử	Huyện Phù-dung	Xã Hoàng-tranh	Huyện Phù-cử (đời Gia-long)	Xã Đinh-cao (đời Thành-thái)
Huyện Yên-mỹ	Chưa có		Năm 1888, hai tổng huyện Mỹ-hào, 6 tổng phủ Khoái - châu và 1 tổng phủ Ân-thi, hợp thành huyện Yên-mỹ	Xã Sài - trang
Huyện Mỹ-hào	Huyện Đường-hào, trước thuộc tỉnh Hải - dương. Năm Thành - thái thứ nhất lấy tên Đường-hòa thuộc đạo Địch-lâm	Bản-yên-nhân	Phủ Mỹ - hào (tháng Février 1930 thay ra huyện Mỹ-hào)	Xã Dy-sử
Huyện Văn-lâm	Chưa có		3 tổng huyện Văn-giang, 2 tổng huyện Gia-lâm, 1 tổng huyện Thuận thành, 1 tổng huyện Lương-tài hợp lại thành huyện Văn-lâm	Xã Cát-lư

TỈNH HƯNG - YÊN

Bảng kê dân - số

Phủ, huyện và tổng	Dân - số từng tổng	Diện-tích mỗi tổng bao nhiêu kmq	Mỗi kmq có bao nhiêu người	Mỗi làng chung-bình bao nhiêu người
Khoái-châu				
Đại-quan	15.800	15 kmq	1.053	2.633
Mễ-sở	8.291	8 , 60	964	1.036
Yên-cảnh	10.112	18 , 20	555	1.444
Yên-lạc	5.572	7	796	796
Yên-vĩnh	7.076	15	475	884
Yên-lich	9.550	16 , 60	575	1.591
Phú-khé	13.464	16	841	1.683
Đông-kết	10.897	12 , 70	858	1.362
Bình-dân	3.454	7 , 20	479	690
Ninh-tập	9.299	14	649	774
	<u>93.515</u>	<u>130 kmq 30</u>		
Kim-động				
An-tảo	9.906	16 kmq	619	990
Tiên-cầu	6.069	12 , 10	501	867
Bằng-ngang	7.862	10 , 40	755	1.310
An-xá	3.896	9	432	649
Thanh-cù	9.671	10 , 30	930	1.611
Đức-triêm	18.615	26 , 30	707	1.163
Tạ-xá	10.105	22 , 50	447	1.010
Lưu-xá	6.870	11 , 50	598	763
	<u>72.994</u>	<u>118 kmq 10</u>		

Phủ, huyện và tổng	Dân-số từng tổng	Diện-tích mỗi tổng bao nhiều kmq	Mỗi kmq có bao nhiêu người	Mỗi làng chung-bình bao nhiều người
Ân - thi				
Ân-thi	8.332	14 ^{kmq} 60	570	833
Văn-nhuế	8.241	19 ,	433	915
Hạ-cổ	3.417	10 , 50	325	488
Thồ-hoàng	7.165	15 , 70	456	551
Nhân-vũ	4.760	14 , 10	337	793
Yên-canh	5.556	12 , 10	459	925
Đặng-xá	3.952	10 ,	395	494
Phù-vệ	4.751	11 , 80	402	475
Đỗ-xá	3.394	9 , 50	357	484
Huệ-lai	5.050	15 ,	336	505
	<hr/> 54.618	<hr/> 132 ^{kmq} 30		
Tiên - lữ				
Cao-cương	9.158	12 ^{kmq} 50	732	1.017
Dỵ-chế	9.825	17 , 20	571	755
Hải-yến	8.982	10 , 50	855	2.245
Canh-hoạch	6.323	11 , 90	531	790
Thụy-lôi	8.136	12 ,	678	1.162
Tiên-châu	7.501	9 , 60	781	1.250
Tiên-phương	12.146	15 ,	809	1.735
Phương-trà	9.610	13 ,	739	961
	<hr/> 71.681	<hr/> 101 ^{kmq} 70		

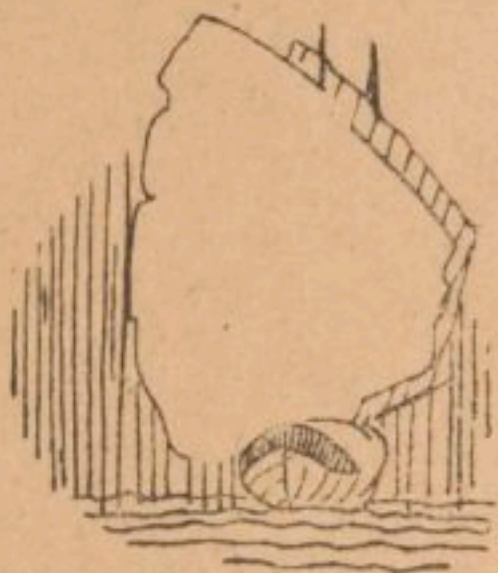
Phủ, Huyện, và Tổng	Dân-số từng Tổng	Diện-tích mỗi tổng bao nhiều kmq	Mỗi kmq có bao nhiêu người	Mỗi làng chung-bình bao nhiều người
Phù-cừ				
Hoàng-tranh	7.546	15 ^{kmq} 70	480	754
Kim-phượng	5.848	13 , 30	382	731
Ba-đông	9.901	21 , 20	467	825
Viên-quang	5.137	10 , 20	503	642
Cát-dương	5.437	17 , 20	315	679
Võng-phan	6.714	16 , 20	414	839
	<u>40.583</u>	<u>93^{kmq}80</u>		
Mỹ-hào				
Yên-nhân	6.132	12 ^{kmq} 10	506	1.032
Trương-xá	7.089	11 , 60	611	1.082
Bạch-sam	7.494	17 , 80	421	681
Phong-cốc	3.792	9 , 60	384	3.126
Yên-xá	4.412	12 , 10	364	1.103
Hòa-đam	4.582	15 , 40	297	458
	<u>33.501</u>	<u>78^{kmq}60</u>		
Yên-mỹ				
Hòa-bình	5.467	12 ^{kmq} 80	427	683
Liêu-xá	5.352	8 , 30	644	872
Tử-dương	5.529	9 , 30	594	691
Yên-phú	2.797	5 , 50	508	699
Thượng-cổ	4.110	8	513	685
Sài-trang	10.451	17 , 30	604	950
Khóa-nhu	5.048	11 , 80	427	721
Đồng-than	5.175	16 , 50	314	862
	<u>43.929</u>	<u>89^{kmq}50</u>		

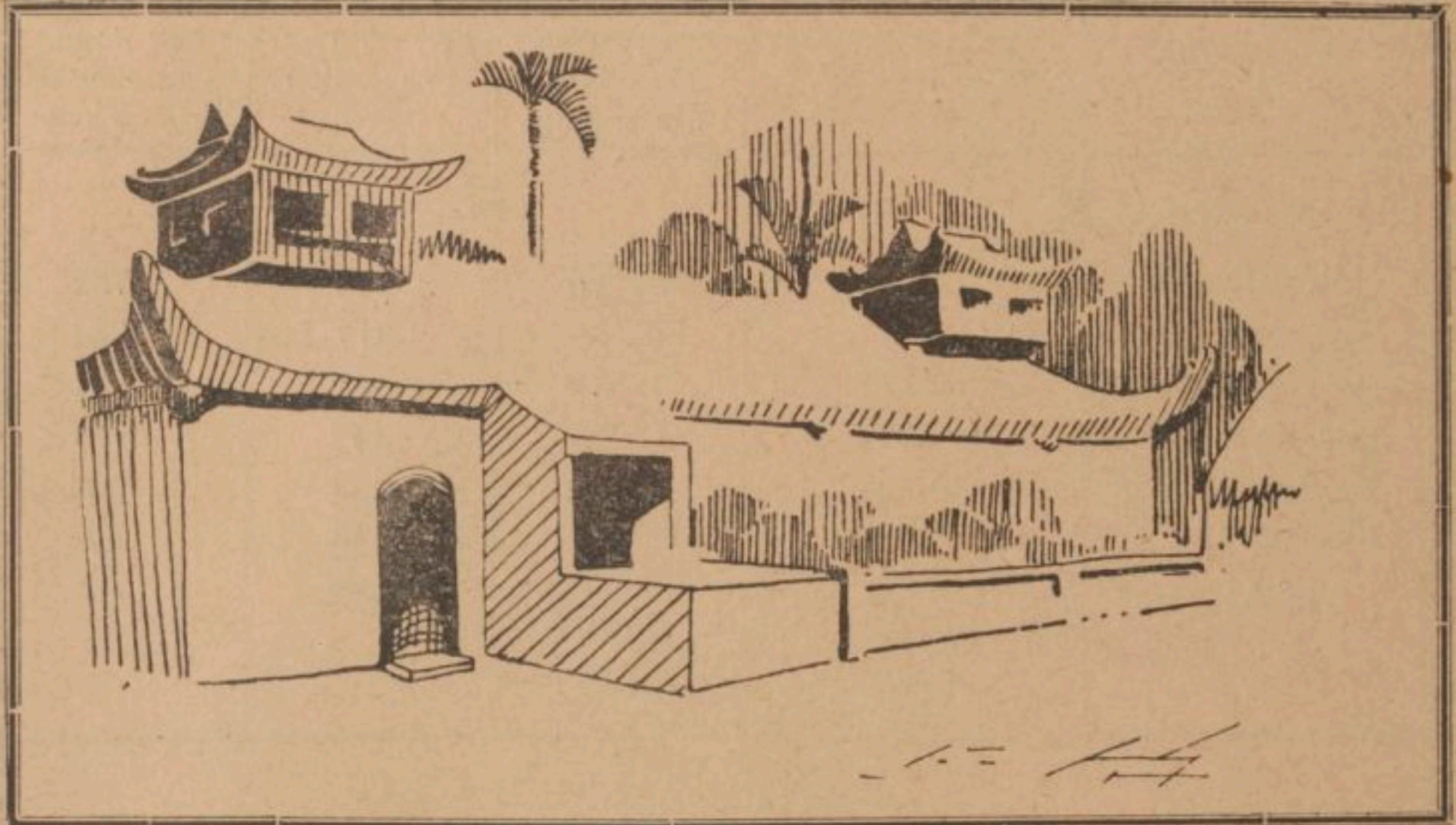
Phủ, Huyện, và Tổng	Dân-số từng Tổng	Diện-tích mỗi tổng bao nhiều kmq	Mỗi kmq có bao nhiêu người	Mỗi làng chung-bình bao nhiều người
Văn-lâm				
Nghĩa-trai	5.474	7 ^{kmq} 70	710	782
Thái-lạc	4.182	28, 90	317	834
Như-quỳnh	3.958	5, 70	694	791
Lạc-đạo	3.847	7	549	767
Đại-từ	5.441	9	604	906
Lương-tài	3.945	11, 40	346	438
Đồng-xa	3.531	6	588	706
	<hr/> 35.378	<hr/> 75 ^{kmq} 70		

TỔNG - KÊ

PHỦ, HUYỆN	DÂN - SỐ	DIỆN - TÍCH	TẠP - CHỦ
			So với dân-số toàn tỉnh
Khoài-châu	93.515	130 ^{kmq} 30	21%
Kim-động	2.994	118, 10	17%
Ân-thị	54.618	132, 30	12%
Tiên-lữ	71.681	101, 70	16%
Phù-cừ	40.583	95, 80	9%
Mỹ-hào	33.501	78, 60	7%
Yên-mỹ	43.929	89, 50	10%
Văn-lâm	35.378	75, 70	8%
	<hr/> 446.199 người	<hr/> 822 ^{kmq} 00	<hr/> 100%

Chung-bình mỗi cây số vuông (Km²) 546 người.



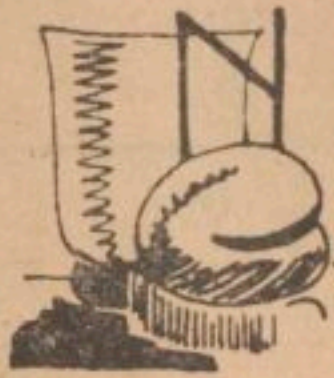


Kim - chung tự (chùa Chuông) — Hưng - yên

V

HƯNG-YÊN XÃ-HỘI

Học - chính



Việc học rất tiến - bộ. Từ tỉnh-ly đến thôn-quê, nơi nào cũng có trường học. Nào :

- a) Trường Sơ-dãng;
- b) Trường Tổng-sư;
- c) Trường Hương-học.

A. — Trong toàn tỉnh, có 9 trường Sơ - dãng :

Tỉnh - ly	1
Phủ Khoái - châu	1
— Ân - thi	1
Huyện Tiên - lữ	1
— Kim - động	1
— Yên - mỹ	1
— Mỹ - hào	1
— Phù - cừ	1
— Văn - lâm	1
Cộng	<u>9</u> trường

B. — Trường Tổng-sur :

Phủ	Khoái-châu.	16
—	Ân-thi	6
Huyện	Mỹ-hào	5
—	Yên-mỹ	6
—	Văn-lâm	9
—	Kim-động	11
—	Tiên-lữ	14
	Phù-cừ	10
Cộng		77 trường

C. — Trường Hương-học :

Phủ	Khoái-châu	15
—	Ân-thi	13
Huyện	Mỹ-hào	5
—	Yên-mỹ	15
—	Văn-lâm	4
—	Kim-động	14
—	Tiên-lữ	10
—	Phù-cừ	7
Cộng		83 trường

Các bậc văn - nhân

Hưng-yên là đất văn-vật, dân Hưng-yên rất hiếu-học. Trái mấy nghìn năm, biết bao khoa-mục đã làm vẻ vang cho nước, cho nhà. Xin kể các bậc danh-nhân có đặc-sắc về văn-học :

Ông **Hồ-gia-Tân**. — Người xã Trung - lập thuộc huyện Mỹ - hào. Đỗ Phó-bảng triều Lê, làm quan đến Thượng-thư.

Quyển *Thọ-mai gia-lễ* của ông làm ra, tuy để dùng riêng trong nhà, nhưng về sau công-hành trong nước.

Ông **Lương-đức-Uy**. — Người xã Đào - xá - tạ thuộc huyện Kim-động, Đỗ Tiến-sĩ đời vua Lê Chiêu-Thống. Làm quan đến chức Thừa-chánh-sứ.

Soạn quyển *Định-quốc-triều luật-lệ*.

Ông **Lê-Nam**. — Người xã Liêu - xá, huyện Yên - mỹ, sinh đời Lê. Rất sành về nghề thuốc, không kém gì Hoa-Đà thừa trước.

Có soạn một quyển sách thuốc rất hay, gọi là *Hải - thượng Lãn - ông* (海上懶翁).

Bà **Đoàn-thị-Điễm**. — Người xã Giai-phạm, huyện Yên-mỹ. — Sinh đời Lê.

Học rộng, hay thơ, thường nhật ngâm vịnh, còn để lại nhiều thiên tuyệt-tác.

Ông **Trần-tử-Định**. — Người xã Duyên-yên, huyện Kim-động. Đỗ thủ-khoa đời Thiệu-trị, làm quan đến chức Thừa-thiên Phủ-doãn.

Tác-giả quyển *Nhị - thập - tứ hiếu* (式拾肆孝).

Ông **Nguyễn - khắc-Vỹ**. — Người xã Bình-hồ, thuộc huyện Kim-động. Đỗ cử-nhân triều Nguyễn. Làm quan đến chức Phó Kinh-lược Bắc-kỳ.

Tác-giả quyển *Nữ-Huấn*, văn-chương rất lưu-loát.

Ông **Chu - mạnh - Trinh**. — Người xã Phú - thị, thuộc phủ Khoái-châu. Đỗ Tiến-sĩ năm Thành-thái thứ chín (1892), làm quan đến Án-sát, cáo về nhà nghỉ.

Người rất tài-tinh, các nghề chơi, như thơ, đàn, đều giỏi cả. Chữ tốt, văn hay, nôm cũng sành.

Tác-giả quyển *Thanh - tâm tài - nhân thi - tập* (thơ vịnh Kiều) và bài *Hương - sơn nhật - trình ca*.

Văn có vẻ tài-tinh, thật là tiêu-biểu cho lối lãng-mạn trong văn-giới nước nhà.

Còn nhiều văn-nhân kể sao cho xiết. Xin xem các bia kê ở chương sau, đủ hiểu tỉnh Hưng-yên là đất văn-học thứ nhất trong nước Việt-Nam.

Y-tế

Hung-yên ở giữa trung - châu Bắc-kỳ, khí-hậu mát mẻ, nên dân ít ốm đau.

Ít lâu nay, dân-sự đã chịu khuyên nhau theo phép vệ-sinh, để bảo-vệ sự khang-cường. Lại nhờ học-thức phổ-thông, nhờ có báo-chí, nên dân các nơi xa tỉnh, đã biết cách phòng-vệ cho khỏi ốm đau.

Việc y-tế đã khuyếch-trương trong tỉnh. Như trên kia đã nói, ở tỉnh-ly một viên bác-sỹ đứng đầu sở Y-tế, có một viên y-sĩ, năm người khám-hộ và một cô đỡ giúp việc. Các vùng nhà quê, có nhà thuốc chữa và phát thuốc, như nhà thuốc Trương-xá (Kim-động), Như-quỳnh (Văn-lâm). Khoái-châu, Thụy-lôi (huyện Tiên-lữ), Ân-thị, Trần-xá (huyện Phù-cừ). Mỗi phủ, huyện, có năm bà-mụ, riêng huyện Yên-mỹ có hai bà-mụ.

Năm nào, cũng giồng đậu và tiêm thuốc trừ bệnh dịch-tả, trong toàn tỉnh.

Vi vậy, nên các bệnh truyền-nhiễm mỗi ngày một ít dần. Nhờ có các nhà hộ-sinh và các bà-mụ, nên trẻ con trong tỉnh đỡ chết hại và dễ nuôi.

Xem vậy, việc y-tế tỉnh Hưng-yên rất tiến-hành. Tuy nhiều nơi, gặp cảnh-ngộ quãn-bách, dân-sự phải cư-trú trong các nhà danh ẩm-thấp và ăn uống kham-khở, nhưng bệnh tật vẫn giảm dần.

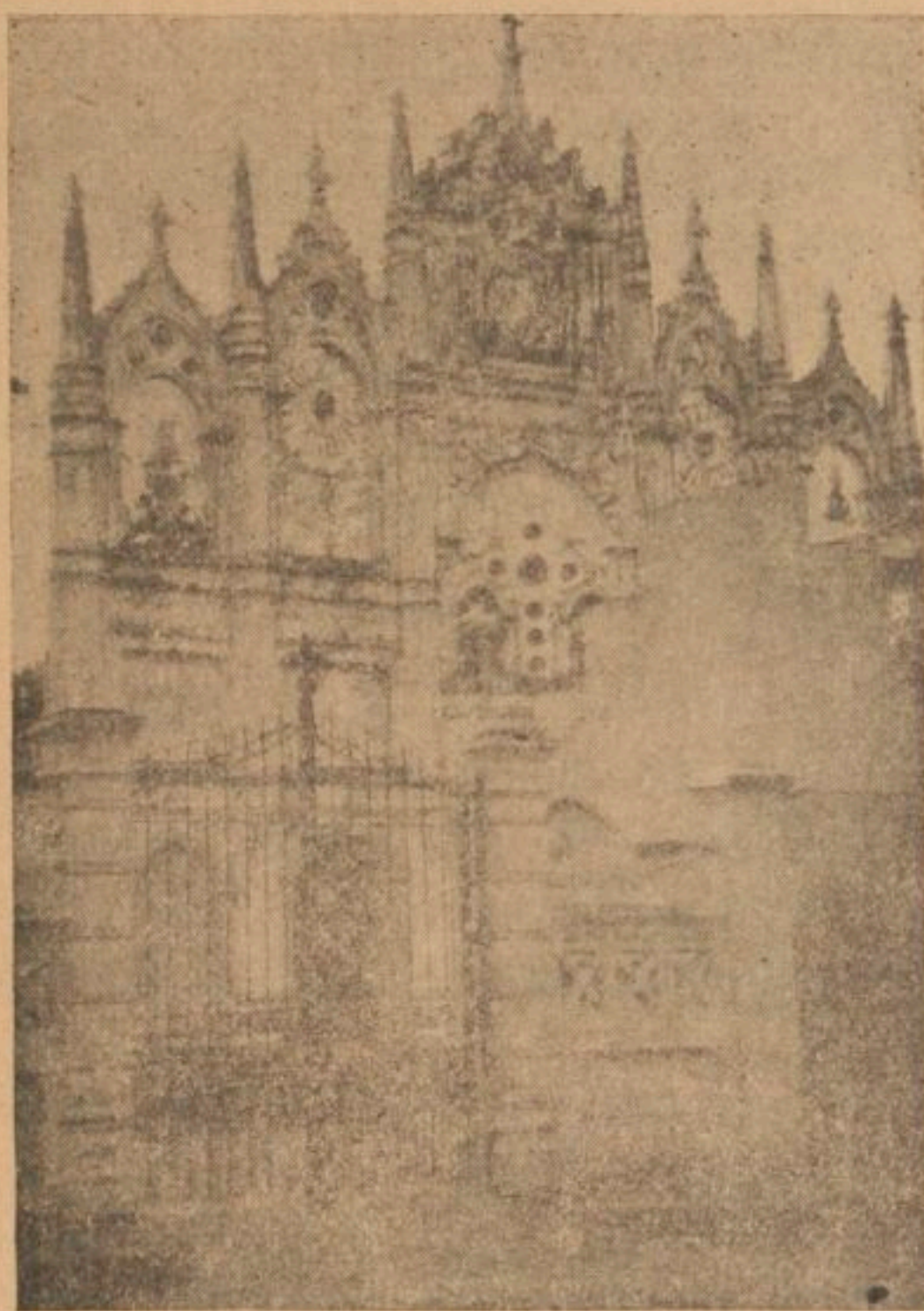
Tôn - giáo

Dân-số Hưng-yên có 446.199 người. Trong số ấy, 23.328 người theo đạo Gia-tô, gọi là *giáo-dân*:

Tĩnh-ly	1.201
Võng-phan (Phù-cừ)	1.101
Tiên-châu (Tiên-lữ)	1.552
Ngọc-đồng (Kim-động)	4.163
Vĩnh-phúc (Kim-động)	1.681
Sài-quất (Khoái-châu)	2.055
Trung-chu (Khoái-châu)	530
Lục-điền (Yên-mỹ)	2.448
Kẻ-sắt	2.882
Cao-xá (Phù-cừ)	4.500
Đình-tô (Yên-mỹ)	210
Đào-xá (Ấn-thi)	1.005
Cộng	23.328 người

Còn thì gọi là *lương-dân*, theo chủ-nghĩa thờ thần và tổ-tiên.

Các làng đều có đình, chùa, đền, miếu, thờ thần, thờ phật. Các tư-gia có bàn thờ thờ tổ-tiên, có miếu-mạo thờ thổ-thần, táo-quân, vãn vãn...



Nhà thờ tĩnh-ly Hưng-yên

Lập hội

1°/ **Hội Hợp-tế.** — Ngày 15 mars 1917, dân các phố họp nhau xin phép lập hội Hợp-tế, được quan Thống-sứ y.

Hội-quán ở phố Nguyệt-hồ.

Mục-dịch hội là làm các việc từ-thiện, chôn cất cho các thầy vô-thừa-nhận hoặc giúp các tang-gia nghèo khổ không lấy gì mua đồ mai-táng.

Ngoài ra, hội lại cho thuê đất và các đồ hành-táng.

2°/ **Hội Trí-tri.** — Ngày 2 octobre 1919, hội Trí-tri thành-lập để đúc trí, rèn tài cho học-sinh các trường công-tư đến học.

3°/ **Thương-đoàn.** — Thương-đoàn thành-lập ngày 20 octobre 1919.

Mục-dịch hội là nghiên-cứu, trong việc thương-mại, những cách giao-thiệp Pháp - Nam, và những điều quan-trọng trong việc giao-dịch.

4°/ **Câu-lạc-bộ.** — Ngày 20 septembre 1926, quan Thống-sứ Bắc - kỳ cho phép Câu-lạc-bộ Hưng-yên thành-lập.

Câu-lạc-bộ thành-lập, mục-dịch để các hội-viên có nơi xem sách, trao đổi ý-kiến và giải-trí.

Câu-lạc-bộ có thư-viện, đủ các sách có ích.

5°/ **Hội Tương-tế.** — Theo nghị-định quan Thống-sứ, cuối năm 1931, hội Tương-tế thành-lập.

Tiền góp của hội-viên dùng để giúp các nơi cơ-cận.

Ban trị-sự có quan Chánh Công-sứ làm Chánh Hội-trưởng.

Công - việc đang tiến - hành. Số hội-viên càng ngày càng đông. Từ thành-phố đến thôn-quê, đâu đâu cũng có người vào hội.

6°/ **Hội Thề-dục.** — Hội Thề-dục thành lập ngày 11 octobre 1932, giúp bạn thanh-niên có nơi vận-động và khuyến-khích nèn thề-dục bản tỉnh.

Những môn chơi hàng ngày : đánh vợt, đá bóng, chạy, nhảy, vãn vãn...

Công việc mở mang đương tiến-hành.

Di - dân

Tỉnh Hưng-yên ở giữa trung - châu Bắc-kỳ, dân chỉ trông vào nghề nông sinh-nhai, nên ruộng đất không đủ làm cho dân sung-túc. Kỹ-nghệ đã ít, buôn-bán lại khó khăn, nên phần nhiều phải ra ngoài làm ăn.

Hàng năm, một số đông đàn ông, đàn bà, con trẻ, xuống miền Nam Đông-pháp (Nam-kỳ, Cao-mên), hoặc sang Tân - đảo, làm phu, làm thợ, cho các đồn điền.

Xem bảng tổng-kê sau này, có thể biết được số di-dân từng năm xuống miền Nam.

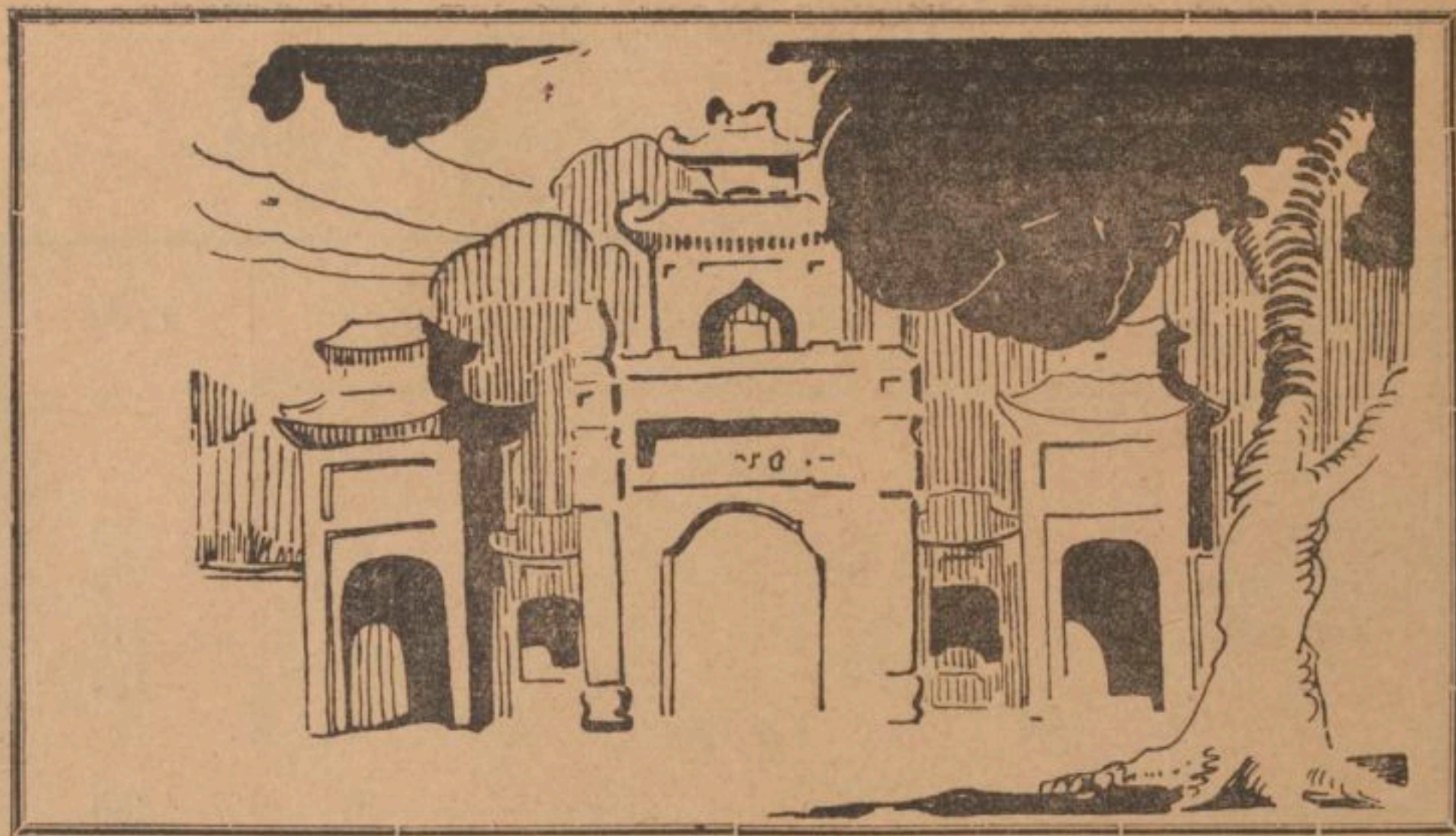
Ngoài số di-dân ấy, các mỏ than Đông-triều, Uông-bí, Hon-gay, Chợ-diền, mỏ thiếc Tinh-túc, vãn vãn, dung-thụ một phần đông phu, thợ quán tỉnh Hưng-yên.

TỈNH HƯNG-YÊN

**Phu mợ đi ra ngoài Đông - pháp và xuống
phía Nam Đông - pháp.**

NHỮNG XỨ PHU MỢ ĐẾN	ĐÀN ÔNG	ĐÀN BÀ	TRẺ CON	CỘNG
1928				
Nam - kỳ	54	9	»	63
Cao - mên	16	2	»	18
Tân - đảo	104	11	»	115
	<u>174</u>	<u>22</u>	»	<u>196</u>
1929				
Nam - kỳ	116	24	10	150
Cao - mên	87	17	2	106
Tân - đảo	88	18	3	109
	<u>291</u>	<u>59</u>	<u>15</u>	<u>365</u>
1930				
Nam - kỳ	355	77	8	440
Cao - mên	208	28	15	251
Tân - đảo	74	10	12	96
	<u>637</u>	<u>115</u>	<u>35</u>	<u>787</u>
1931				
Nam - kỳ	57	20	2	79
Cao - mên	48	8	1	57
	<u>105</u>	<u>28</u>	<u>3</u>	<u>136</u>
1932				
Nam-kỳ	9	1	»	10
1933				
Nam - kỳ	95	23	»	118
Cao - mên	77	10	»	87
Tân-đảo	12	4	»	16
	<u>184</u>	<u>37</u>	»	<u>221</u>

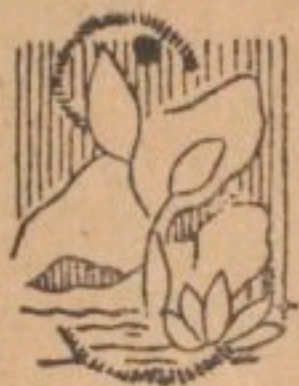




Đền thờ bà Dương Thái - Hậu - Hưng - yên

VI

HUNG-YÊN CỔ-TÍCH



Tỉnh Hưng-yên ở giữa đồng-bằng, chỉ những ruộng cùng sông ngòi, cây cối và tre vây bọc các làng, không có một nơi nào gọi là thắng-cảnh.

Cổ-tích thì có :

Đền thờ đức Chủ-đồng-Tử

Đền này ở làng Đa-hòa, tổng Mễ sở, phủ Khoái-châu, là một đền cổ nhất trong nước Việt-Nam.

Có hai lối về đền :

1^o) *Đường bộ*. — Đi xe-hỏa xuống ga Đình-dù hay ga Lạc-đạo, rồi dùng xe tay về làng Đa-hòa độ 18 cây số. Từ tỉnh-ly theo dọc đê, đi xe tay hoặc đi bộ cũng đến nơi.

2^o) *Đường thủy*. — Tàu thủy Hà-nội — Nam-định đỗ ở bến đò Mễ-sở gần đền.

Tục truyền rằng :

Về đời vua Hùng-Vương thứ 18, nước Văn-lang rất thịnh-vượng. Nhưng vua phiến vì nổi không con. Hoàng-hậu là Dương-thị-Diệm ngày

tháng áu-sầu, một hôm ra lễ đền Quốc-Mẫu để cầu phúc. Đêm hôm sau, Hoàng-hậu nằm mộng thấy một bà lão đem dâng một đứa bé mới đẻ. Được ít lâu, Hoàng-hậu thụ-thai, sau sinh một nàng Công-chúa. Công-chúa càng nhớn, trông càng xinh-đẹp, vua rất yêu-mến, đặt tên là Tiên-Dung. Khi Công-chúa 18 tuổi, nhiều người đến hỏi, song Công-chúa không thuận một ai, chỉ tiêu-giao ngày tháng với cỏ cây sông núi. Vua cũng chiều theo ý nàng. Mỗi năm trong tuần tháng hai, tháng ba, chiều trời yên lặng, nàng ngự thuyền chơi trên sông Nhị-hà.

Thời bấy giờ, ở làng Đa-hòa thuộc phủ Khoái-châu, có một người tên là Chử-cù-Vân cùng vợ là Bùi-thị-Gia rất nhân-đức, nhưng cũng chưa có con. Một đêm, vợ nằm mộng thấy một bà già cho một đứa bé, sau thụ thai, sinh được một người con trai đặt tên là Chử-đồng-Tử. Đồng-Tử nhớn lên diện-mạo khôi-ngô, lại rất thông-minh.

Năm Đồng-Tử 13 tuổi, hồ-côi mẹ, lại gặp hỏa-tai, gia-tài khánh-khiet, chỉ còn một cái khố vải, khi có việc đi đâu cha con thay đổi nhau mà đóng. Chẳng bao lâu Cù-Vân thụ bệnh, khi hấp-hối dặn con rằng :

« Cha chết đi, con giữ cái khố lại mà che thân, cho thiên-hạ khỏi chê cười. Con cứ táng trần cho cha cũng được ».

Cù-Vân mất, Đồng-Tử vốn có hiếu, không nỡ để cha chết chuồng, lấy khố quàng cho cha, rồi mới đem chôn.

Từ đấy, Đồng-Tử không lấy gì che thân, đói rét khổ sở, phải lội dưới nước cho kín nửa mình, chờ thuyền buôn qua lại thì xin hoặc cầu cả bán để độ thân.

Một hôm Công-chúa Tiên-Dung, bơi thuyền chơi trên sông Nhị-hà, chiêm chổng vang lưng, đàn sáo rầm rĩ.

Chử-đồng-Tử sợ hãi vô cùng, chạy lên bờ, nấp trong bãi sậy, nằm xuống lấy cát vùi lên.

Tiên-Dung đến bến ấy, đoái trông phong-cảnh hữu-tình, truyền đậu thuyền, lên bãi cát đứng xem. Công-chúa thấy bờ sông sạch sẽ, truyền mắc màn trên bãi cát để tắm. Tiên-Dung vào màn cởi xiêm áo, rồi nước tắm, không ngờ nước chới cát, Đồng-Tử chồi lên. Đồng-Tử sợ, định chạy chốn. Tiên-Dung trông thấy rất mình ngăn lại, hỏi duyên-cớ làm sao? — Đồng-Tử cứ thực tình kể cả đầu đuôi.

Tiên-Dung bảo rằng :

— Ta nguyện không muốn lấy chồng, nay sự đã thế này, ắt bởi duyên trời.

Công-chúa sai đem quần áo cho Đồng-Tử, vờ xuống thuyền, mở tiệc ăn uống vui vẻ.

Đồng-Tử từ mãi không được, phải bằng lòng kết duyên cùng Công-chúa.

Vua Hùng-Vương được tin, nổi giận, nói rằng:

« Tiên-Dung không biết trọng phẩm-giá, tự lấy kẻ nghèo hèn ở đầu đường, còn mặt mũi nào nhìn đến Trẫm ».

Hai vợ chồng Công chúa phải đem nhau lên ở làng Đà-hòa, buôn bán với dân.

Một hôm một người lái buôn đủ Đồng-Tử ra bẻ buôn các đồ quý.

Đến núi Quỳnh-lãng, trông lên trên có một am nhỏ Đồng-Tử chèo lên xem phong-cảnh. Trong am có một nhà sư trẻ tuổi tên là Phật-Quang. Phật-Quang thấy Đồng-Tử có cách-diệu thần-tiên, bèn truyền phép cho Đồng-Tử. Được ba ngày, ba đêm, Đồng-Tử học đạo xong, trở về. Phật-Quang tặng cho một cái gậy, một cái nón và dặn rằng:

« Phép linh-thông ở cả trong này... »

Đồng-Tử về nhà, mới biết ba năm đã qua. Bèn đem đạo Phật dạy Tiên-Dung. Tiên-Dung chợt tỉnh giấc mê, bỏ cửa hàng cùng chồng đủ nhau đi học đạo.

Một hôm, hai vợ chồng đến hạt Ông-dinh (phủ Khoái-châu), gặp một người con gái 18 tuổi, nhan sắc tuyệt-trần. Tiên-Dung thấy chồng nhìn mãi, biết ý, nên hỏi ngay người con gái làm lẽ cho chồng.

Bấy giờ, hạt Ông-dinh đương có dịch, người, vật chết hại rất nhiều. Đồng-Tử lấy gậy chọc vào thây người đã chết thì thấy sống lại cả. Ba vợ chồng vào trong làng cứu được nhiều người khỏi chết.

Một hôm đi xa, trời đã tối mà chưa đến chỗ dân-cư. Đồng-Tử tạm chống gậy và che nón ở dọc đường để nghỉ. Canh ba đêm hôm ấy, tự nhiên hiện ra thành-quách, lầu ngọc, điện châu, kho tàng, dinh phủ, vàng, bạc, châu, báu, giường sập, màn trướng, lại có tiểu-dồng, ngọc-nữ, tướng-sĩ, thị-vệ hầu-hạ chung quanh. Lại có văn quan, võ tướng chia quân canh giữ các cửa thành.

Sáng ngày hôm sau, ai trông thấy cũng lấy làm kỳ-dị, tranh nhau mua hương, hoa, ngọc-thực đến dâng.

Vua Hùng-Vương được tin cho là Đồng-Tử làm loạn, sai quan quân đi đánh.

Khi quan quân sắp đến nơi, chúng tâu xin đem binh ra cự-dịch.

Tiên-Dung cười, nói rằng:

« Việc này tự trời sui nên, không phải tự ta làm ra. Ta dù sống chết đã có trời, đâu dám cự nhau với cha. Ta chỉ thuận theo lẽ phải, cha ta dù có giết chết cũng cam-tâm. »

Đồng-Tử thấy vua nghi sợ như vậy, muốn tỏ cho vua biết tấm lòng trung-tín của mình, định hủy cả lâu-đài rồi biến lên trời. Đến nửa đêm, tự nhiên nổi cơn giông-tố, cả một khu bà Tiên-Dung ở, cửa nhà, người, vật, trong một lúc bay cả lên trời. Chỗ lâu đài thành một cái đầm gọi là *Nhất-dạ-trạch*.

Quần - thần về thuật truyện lại đầu đuôi cho vua Hùng-Vương nghe, vua Hùng-Vương rất lấy làm hối - hận, tự thân-chinh đến chỗ Đồng-Tử ở trước, khi vừa mới đến nơi đã thấy một con bạch-trĩ mang một người con gái rất đẹp, tự trên trời xa xuống. Người con gái ấy tự xưng là vợ lẽ Đồng-Tử, vâng lệnh Đồng-Tử và Tiên Dung sai xuống lay vua và chúc vua vạn tuế. Vua cảm ơn và phong là *Nội-trạch-cung Công-chúa*.

Sau vua truyền lập đền tại làng Đa-hòa để thờ ba vị thần ấy. Tới nay, đền còn linh-ứng.

Đền thờ đức Tống - Trân

Đền này thuộc xã An-cầu, tổng Võng-phan, huyện Phù-cừ, trên đê sông Luộc, cách tỉnh lỵ 18 cây số.

Tục truyền : ở xã An-đô bây giờ là An-cầu) tổng Võng-phan, huyện Phù-dung (nay là huyện Phù-cừ), có một người họ Tống tên gọi Thiện-Công, dòng dõi thi-thư, trong gia-đình rất hiếu-đễ, ngoài xã-hội rất khoan-hòa. Tống-Thiện-Công lấy vợ người xã Phù-anh cùng huyện, tên là Đào-thị-Cuong, vợ chồng rất nhân - từ, thường tu-nhân tích - đức : các đền chùa lâu ngày đồ nát, phần nhiều xuất của trùng - tu.

Chẳng bao lâu, Thị - Cuong thụ - thai. Đến tháng thứ 11, sinh hạ một người con trai (đúng giờ dần, rằm tháng tư). Trong ba ngày, trong nhà rất nhiều khi sáng. Tống-Thiện-Công đặt tên con là Tống-Trân.

Tống-Trân mới lên ba tuổi mà đã am - hiểu âm - luật. Lên năm tuổi, vào học Lý-Đường tiên-sinh, khí-chất thông-minh, thiên-tư sáng suốt, học một biết mười, trên từ thiên-văn, dưới đến địa-lý, đều am-hiểu tinh-tường.

Năm Tống-Trân lên bảy tuổi, vua Nam-Đế nhà Tiền-Lý mở khoa thi tuyển nhân-tài.

Ngày 29 tháng 9 năm ấy, Tống-Trân vào Kinh-đô ứng-thi, ba kỳ đều được ưu - hạng, đậu thủ-khoa.

Ngày 1 tháng hai năm Quý-sửu, đỗ Đệ-nhất-giáp cập đệ nhất-danh Trạng nguyên. Vua khen rằng :

« Quốc-sĩ vô song, Tướng tài quả nhị » Trong nước chỉ một ông là danh-sĩ, tướng tài cũng chỉ mình ông).

Ngày 10 tháng tư, vua ban cờ biển, một nghìn vuông gấm và mười nghìn vàng cho vinh-quì báỉ tổ. Tống-Trân báỉ lĩnh, lên xe về làng. Tới làng báỉ yết tổ-tiên, thăm hai bên nội-ngoại, khao vọng trong vòng một tháng, rồi lấy nàng Cúc-Hoa làm vợ. Tống-Trân làm nhà ở làng Phù-anh, cho vợ trông coi, rồi trở lại Kinh-thành.

Được ba tháng, vua sai sang sứ Tàu

Tống-Trân phụng - mệnh sang Bắc - kinh, vào yết-kiến vua Linh - Long Kiên-Huy. Vua Tàu thử văn - chương võ-nghệ, cho là kỳ-đồng, khen là nhân-tài thứ nhất trong 18 chư-hầu và phong làm Trạng-nguyên hai nước.

Tống-Trần vắng lệnh ra ở chùa Linh-long, hơn một trăm ngày. Trong chùa chỉ có những tượng-phật trang-nghiêm, ngoài ra không có thức ăn. Tống-Trần có sáng - kiến, bèn bẻ các phật-tượng ra ăn, mới biết các tượng đều đắp bằng chè lam để thử mình. Thế là hơn một trăm ngày, chỉ ăn chè lam và uống nước lã mà sống.

(Tục truyền: các tiên trên trời xuống cho Tống-Trần ba quả đào tiên, ba ngành tóc tiên và dạy sách binh-thư bí-pháp).

Vua Tàu phục tãi, bèn phong Tống-Trần làm *Phụ-quốc Thượng-tể Đâu-Nam Tống Đại-vương*. Tống-Trần thăng nhậm châu An-kinh, châu Thống-đốc và châu Mã-chinh, đánh giặc Đông-Ngô, Bắc-Ngụy, trong vòng mười năm an bình được cả.

Vua Tàu ban đồ thiết-việt, cùng cho Đông-Ngô, Bắc-Ngụy cùng hòa.

Tống-Trần dâng sớ, xin vua Linh-Long Kiên-Huy về thăm sông-đường bên Nam-Việt. Vua Tàu ban cho bộ ngọc Lưu-ly thông thiên.

Tống-Trần lạy tạ, trở về Nam-Việt.

Khi về tới nước, thấy người ngoại-thích gả chồng cho nàng Cúc-Hoa, Tống-Trần bèn lên vào nhà dò la ý-tử, mới biết Cúc-Hoa không lòng nào lấy hai chồng, khén Cúc-Hoa đủ tam-tòng tứ-dức: thực là Nữ-trung Nghiêu, Thuấn, rồi bắt tội người ngoại-thân, giáng niên-hạn để tang xuống một năm.

Vua rất khen ngợi, phong Cúc-Hoa là *Quận-phu-nhân*.

Tống-Trần làm lễ các từ-đường, về nghỉ ở làng.

Ba tháng sau, Vua Lý Nam-Đế băng-hà, di-quyền cho quan Đại-thần là Triệu-quang-Phục. Triệu-quang-Phục lên ngôi, đóng đô ở Đông-an (tục gọi là Tự-nhiên-châu) hiệu là Triệu Việt-vương Hoàng-đế.

Triệu Việt-vương thấy Tống-Trần vẫn võ toàn tài, bèn sai Sứ-thần là Nguyễn-khắc-Hồ đến xã An-đô vời ra làm quan Phụ-chính.

Tống-Trần đại-hành quốc-chính, không ký việc to hay nhỏ, đều qua xem cả.

Được hơn mười năm, Tống-Trần tuổi đã sáu mươi, bèn dâng biểu cáo-hồi. Vua chuẩn-y và cho thu thuế xã An-đô và toàn-huyện để dưỡng-lão, đến khi trăm tuổi, xã An-đô sẽ phải dựng lăng trong địa-phận và phụng-tự.

Cúc-Hoa không có con, bị chứng đau bụng được ba hôm thì mất, an táng ở làng Phù-anh. Tống-Trần dựng miếu trên mộ, trích ba mẫu ruộng đất ở đồng xã ấy, giao cho một người phụng sự.

Sau Tống-Trần mở trường dạy học, được năm năm, bị bệnh lên mã-đao, rồi mất ngày 5 tháng 5 năm Tân-hợi.

Vua được tin, thương nhớ bấy tôi khôn-súy, phong sắc *Thượng-dãng Phúc-thần*, và sai Đại-thần Nguyễn-đình-Huy đem sắc-chỉ chuẩn xã An-đô phụng-tự.

Sau lại gia-phong *Thượng-đẳng tối-linh Phụ-quốc Thượng-lễ Đầ-nam Song-toán Tổng Đại-vương.*

Mỗi năm, tháng 2, tháng tám, vua gia ban 80 quan tiền xanh và sai quan đại-thần đến dự-tế.

Xin trích-dịch đối-văn ra sau đây :

I

Bát tuê chạc nho khoa tự hữu	八	歲	擢	儒	科	自	有
tài danh long Bách-Việt,		才	名	隆	百	粵	
Thập niên chi sử-tiết khước giao	十	年	持	使	節	却	教
vận sự bá thiên thu.		韻	事	播	千	秋	

Dịch :

Tám tuổi, đỗ Trạng Nam, đã nổi tài-danh vang dật Việt, Mười năm sang Sử Bắc, lại đem vận-sự rồi đời sau.

II

Khoa hoạn ức niên tiên, cầu địa	科	宥	億	年	前	棟	地
thượng truyền giang tâm bút,		尚	傅	江	浸	筆	
Lăng từ thiên tài hậu, An-dô	陵	祠	千	載	後	安	都
trường ngưỡng quốc châu phê.		長	仰	國	硯	批	

Dịch :

Khoa hoạn ức năm xưa, mạch dật qua sông giâm đại bút, Lăng từ nghìn kiếp nọ, ơn vua còn đó lốt châu phê.

III

Nhật gia tiết nghĩa sinh Tiên-Lý,	一	家	節	義	生	前	李
Lưỡng quốc huân danh mộng	兩	國	勲	名	夢	後	吳
Hậu-Ngô.							

Dịch :

Tiết-nghĩa một nhà, đời Lý trước, Huân danh hai nước, Sĩ Ngô sau.

IV

Trung hiền thốt nhất môn, mẫu	忠	賢	萃	一	門	母
hữu tử nhi phụ hữu phụ,	有	子	而	夫	有	婦
Khoa hoạn kiêm song tuần, tiên	科	宥	兼	双	俊	前
vô cổ nhi hậu vô kim.	無	古	而	後	無	今

Dịch :

Khoa hoạn đủ hai đường, trước ai so, mà sau ai sánh? Trung hiền hợp một cửa, con như mẹ, mà vợ như chồng.

V

Lưỡng quốc văn lan danh bất hủ, 兩國文瀾名不耗
 Thập niên sứ tiết tích do truyền. 十年使節績猶傳

Dịch :

*Mười năm tiết-sứ, truyền bia miệng,
 Hai nước văn lan dĩ Trạng dẫu.*

VI

Nam-quốc khởi-nguyên tinh 南國魁元星上斗
 thượng đầu, 北庭專對玉中圭
 Bắc-dinh chuyên đối ngọc chung khuê.

Dịch :

*Đỗ dẫu hồ bãng trên sao Đầu,
 Tàu mặt Long-nhan tựa ngọc khuê.*

VII

Đức phối nhị vương, An-quận 德配二王安聖部
 ninh khang ca thánh trạch, 寧高千歌古芙澤
 Công cao thiên cổ, Phù-dung 功高千跡古謝芙蓉
 tích tạ thần lưu. 顯蹟古謝芙神麻

Dịch :

*Đức sánh hai vua, An-quận yên lành nhờ thánh-trạch,
 Danh lưu muôn kiếp, Phù-dung hiển-ứng tỏ thần-công.*

VIII

Long thủ tinh thiếu kiêm thê 龍首星輶兼世艷
 riêm, 鳳山福地引書香
 Phượng-sơn phúc-dịa dẫn thư-hương.

Dịch :

*Cờ biển dẫu Rồng, vinh bài tổ,
 Càn chi núi Phượng, phúc ơn trời.*

IX

Quần - tiên ca vũ sinh tiền sự,	群	仙	歌	舞	生	前	事
Lưỡng-quốc huân-danh tử hậu bi.	兩	國	勳	名	死	後	碑

Dịch :

*Múa hát, quần-tiên vui kiếp trước,
Tiếng tăm hai nước, nhận bia sau.*

X

Ti luân mạnh tích Nam-thiên Đẩu,	絲	綸	命	錫	南	天	斗
Hoa hột danh thùy Bắc-sử tinh.	花	笏	名	垂	北	使	星

Dịch :

*Trời Nam sừng mạnh cao sao Đẩu,
Sử Bắc công danh rạng vẻ cờ.*

XI

Nam Bắc lưỡng triều long hữu bàng,	南	北	兩	朝	龍	有	榜
Hiếu trung nhật tiết hồ hàm thư.	孝	忠	一	節	虎	嘯	書

Dịch :

*Nam, Bắc, hai triều, long yết bàng,
Hiếu, trung một tiết, hồ đưa thư.*

XII

Đẩu Nam, Bắc nhật nhân Lý thê	斗	南	北	一	人	李	世
Trạng - nguyên lưu tin sử,		狀	元	畱	信	史	
Thần anh-linh vạn cổ Nông-giang	神	英	靈	萬	古	農	江
trụ bút chân ba đào.		柱	筆	鎮	波	濤	

Dịch :

*Đẩu Nam Bắc, một người, chép sử sách. Trạng - nguyên nhà Lý,
Thần anh-linh muôn kiếp, nhưc ba đào cày bút sông Nông.*

XIII

Văn vũ bảm toàn tài: kháng	文	武	稟	全	才	抗
Ngụy, sanh Ngô cái - thê		魏	撐	吳	蓋	世
huân danh minh Việt-sử.		勳	名	銘	粵	史
Bắc, Nam đại cử thủ phong	北	南	皆	舉	首	封
Vương, tích trước lũy niên		王	錫	爵	累	年
thang mộc tráng lăng từ.		湯	沐	壯	陵	祠

Dịch :

*Toàn tài văn vũ, giúp Bắc, đánh Đông,
muôn kiếp công cao ghi sử-sách,
Qui phục Bắc, Nam, phong Vương tiên tước,
nghìn năm đất tổ, tề lăng-từ.*

Đền thờ đức Ngô-Vương

Làng Dy-chế thuộc huyện Tiên-lữ, cách tỉnh lỵ 7 cây số, có đền thờ vua Ngô-Vương-Quyền, tục gọi đền Vương, tên chữ là Kê-Lạc-Miếu.

Ngô-Quyền, người xã Đường-lâm (tỉnh Sơn-tây) xuất-thân làm Châu-mục. Kịp đến cuối đời nhà Đường, nước ta bị quân Tàu dấy loạn. Ngô làm tướng, giữ Ai-châu, đánh nhau với quân Tàu trên sông Bạch-đăng, bắt được tướng Tàu là Hoàng-Tháo, bình được giặc Nam-Hán, khôi-phục được giang-sơn nước nhà và gây nền tự-chủ trong cõi Lạc-Hồng.

Năm 41 tuổi, Ngô làm vua, đóng đô ở Loa-thành, trị-vi được 6 năm thì mất.

Nhân mộ phát-tích nhà Ngô ở đền Vương thuộc xã Dy-chế, nên xã này làm đền phụng-sự để ghi nhớ công-đức một vị đế-vương cứu-quốc.

Đệ niên cứ đến ngày 17 tháng 2 an-nam là ngày kỵ-nhật: dân sở-tại tế lễ linh-dinh.

Từ mồng 6 đến mồng 10 tháng 4 mở cửa đền, thiện-nam tin-nữ thập phương đến chiêm-bái rất đông.

Đền thờ đức Phạm-bạch-Hồ

Đền này thuộc xã Đăng-châu (huyện Kim-động), cách tỉnh-lỵ ba cây số.

Phạm-bạch-Hồ tên tự là Phòng-Át, người xã Ngọc-đường (huyện Kim-động), là một vị trong mười hai Sứ-Quân. Về cuối đời nhà Ngô, Bạch-Hồ đóng ở xã Đăng-châu, sau đem quân giúp vua Đinh-tiên-Hoàng khai quốc, làm quan Thân-vệ Đại-tướng-quân. Trong khi giúp giặc, không hề để quân những nhiều dân lương-thiện hoặc dám-hiếp đàn-bà con gái.

Khi qua Đăng-châu, Bạch-Hồ chú dinh ở đấy, cấm-chấp bọn gian-phi, làm nhiều việc công-đức. Dân-gian cảm ân-đức đem trâu, bò, lợn, rượu khao quân. Bạch-Hồ không nhận. Dân-gian lại càng cảm-phục, xin duệ-hiệu làm đền thờ.

Qua đời Lý, Trần, Lê đều có sắc phong.

Cuối đời vua Lê Ngọa-Triều, Lý-công-Uân nhân đi thuyền chơi trên sông Đăng, qua trước cửa đền Bạch-Hồ, chợt gặp mưa to gió nhớn. Lý-công-Uân hỏi lái thuyền xem đền có thiêng không?

Phu chèo trả nhời:

— Đền thờ đức Phạm Đại-Vương, dân-gian xưa nay cầu gì cũng được.

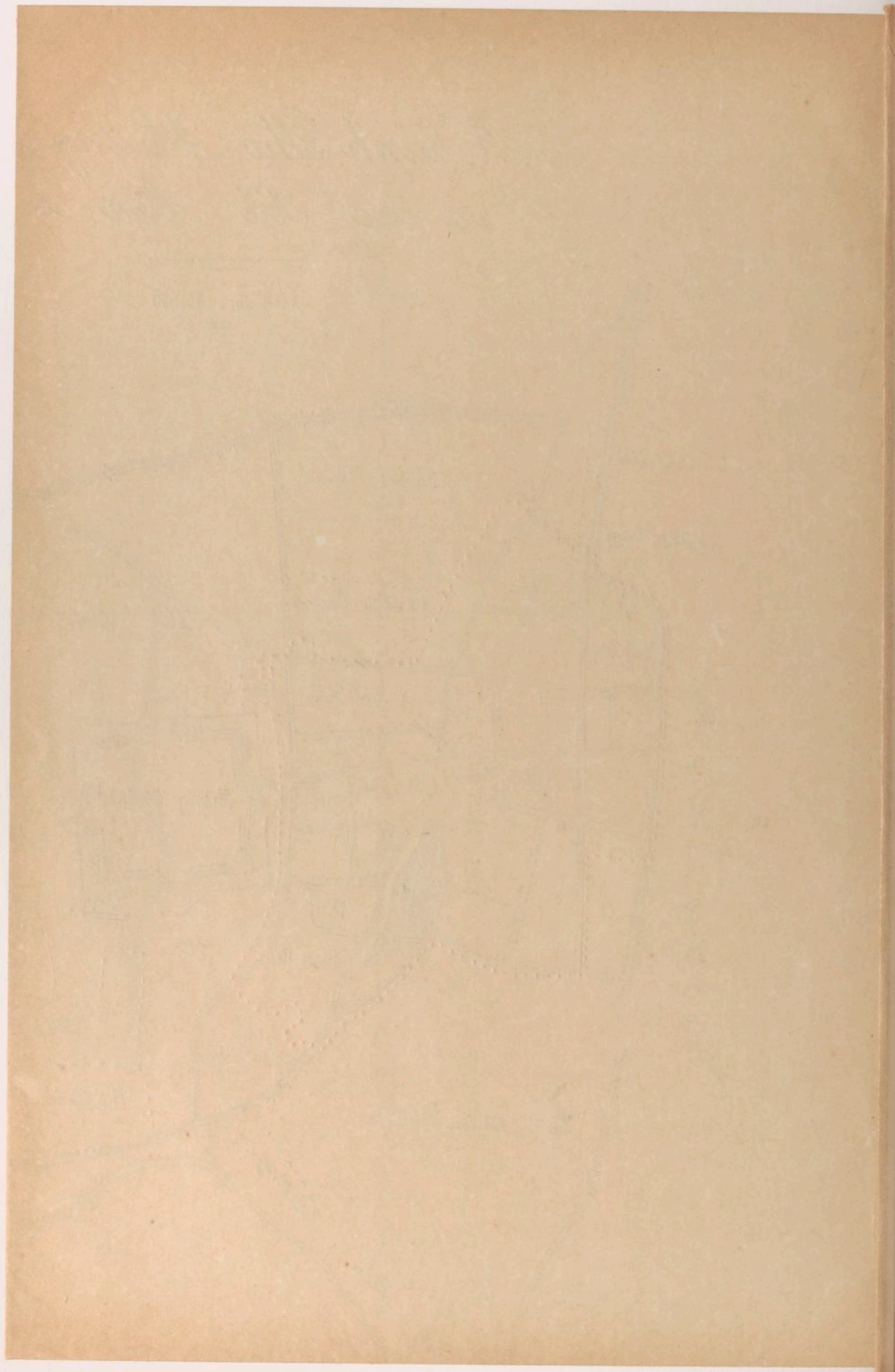
Chánh Thơ Hưng Yên và các Xã lân cận

Tích-dò: 12 500



Chiếu dẫn:

- Địa giới các Phố
- Địa giới Thành Phố
- = Đê bao tỉnh
- Địa giới các Xã



Lý-công-Uần khẩn rằng :

« Nếu làm được tạnh gió, nửa sông bên này mưa, nửa sông bên kia nắng, rồi lại làm nửa sông bên này nắng, nửa sông bên kia mưa, mới thực là anh-linh ».

Quả nhiên thấy linh - ứng ngay thế. Lý - công - Uần lấy làm lạ, bèn chữa lại đền thờ.

Đến khi Lý-công-Uần sắp mưu làm vua, có đến đền Bạch-Hồ khẩn xin báo mộng.

Đêm nằm mộng, thấy thần - nhân đọc thơ rằng :

« Yêu thắng nả đặc thắng, yêu thành nả khắc thành,
Tứ phương dai thuận phục, chư quốc hưởng thắng bình,
Tam niên trung lạc nghiệp, thất miếu tự an linh »

(Muốn đánh thời được, muốn làm thời nên,
Bốn phương hòa thuận, các nước bình yên,
Ba năm xong việc, bảy miếu thiêng liêng)

(Bảy miếu tức là làm vua, được truy tự 7 đời).

Khi tỉnh giấc, Lý - công - Uần không hiểu ý bài thơ ấy ra sao ? Có người đoán là điềm tốt.

Sau Công - Uần làm vua, hiệu là Lý Thái-Tổ, đời Đặng - châu gọi là Thái-bình-phủ, phong Phạm-bạch-Hồ là *Thượng-dãng Tối-linh Đại-vương*.

Đến đời nhà Trần, nước to, đền ở trong đê, dân gian thường thấy hình như có quan quân, xe ngựa, cờ quạt đi giữ đê, thành ra đê chỗ ấy tuy thấp nhỏ mà không bị vỡ lở bao giờ.

Đến đời nhà Lê, sông lở gần vào đến đền. Đêm, người quanh vùng nghe thấy hình như có tiếng hỏi nhau mượn thuyền cuốc và tiếng thợ làm. Đến sáng đã thấy bia đá và cột trụ di vào trong đê hơn ba thước.

Đến đời Chúa Trịnh, cầu - đảo việc gì cũng linh - ứng. Hàng năm cứ đến ngày trung-dinh, Chúa Trịnh ban cho 40 quan 25 đồng tiền cổ để làm lễ tế.

Chúa Đoan-nam-vương Trịnh - Khải có đề ba bài thơ ở đền Bạch-Hồ như sau này :

I

Hộ quốc, an dân, hách quyết thanh,	護 國 安 民 赫 厥 聲
Lịch triều bao tặng, còn hoa vinh.	歷 朝 褒 贈 袞 花 榮
Lâm tiên Đặng-thủy, chung linh tú,	臨 前 藤 水 鐘 靈 秀
Thập nhị đô kỳ đệ nhất doanh	十 二 都 畿 第 一 營

Dịch :

*Thân thiêng hộ nước, lại an dân,
Vua, Chúa, chuy phong, biết mấy lần?
Trước mặt, sông Đàng thu nước lôt,
Danh kỳ thứ nhất rõ mười phần.*

II

Bán giang tình vũ tam quân	半	江	晴	雨	三	軍	壯
tráng,							
Bát diệp Hầu, Vương, nhất mộng	八	葉	侯	王	一	夢	成
thành.							
Thiên vị Sứ-quân, lưu chính khí,	天	爲	使	君	留	正	氣
Sinh vi anh dã, tử vi linh	生	爲	英	也	死	爲	靈

Dịch :

*Nửa sông mưa tạnh, ba quân mạnh,
Tám vị Hầu, Vương, một giấc liền.
Trời khiến Sứ-quân phù dật Việt,
Sông thì là tướng, thác thần thiêng.*

III

Cungdoanh thử địa cổ Đàng-châu,	宮	營	此	地	古	藤	洲
Thập nhị sơn-hà, đệ nhất châu.	十	二	山	河	第	一	卅
Tôi thị anh-hùng, lưu bát tử,	最	是	英	雄	留	不	死
Đường-lâm nhĩ hậu kỳ xuân thu?	唐	林	而	後	幾	春	秋

Dịch :

*Mở mang danh lấy chôn Đàng-châu,
Sông núi mười hai giải, dưng đầu.
Khí phách anh-hùng còn mãi mãi,
Đường-lâm tiếng-trái mây xuân thu?!!..*

ĐỐI-VĂN

I

Thập nhị sơn-hà thanh sử-bút,	十	二	山	河	青	史	筆
Bán thiên tình vũ sích-giang lưu.	半	天	晴	雨	赤	江	流

Dịch :

*Mười hai non nước, xanh ghi sử,
Lơ lửng mưa mây, đỏ lộn sông.*

II

Ngô - tướng Đinh - thân, hùng ư loạn giả năng ư trị,	吳	將	丁	臣	雄	於	亂
Đàng - đô Đường - âp, sinh vi anh nhi tử vi linh.	藤	者	能	於	治	爲	英
		而	唐	邑	生		
			死	爲	靈		

Dịch :

*Twớng Ngô, tời Đinh là ai? khỏe làm loạn át hay làm trị,
Châu Đàng, âp Đường còn đó, sông thời khôn mà chết thời thiêng!*

III

Liều liểu bán-giang yên, bát ký hà niên phân vũ tề,	渺	渺	半	江	烟	不	記
Y y thiên cổ miếu, tương truyền thử dạ chuyện đường cơ.	依	何	年	分	雨	零	傳
		依	千	古	鬪	相	
		此	夜	轉	堂	基	

Dịch :

*Đùn đùn khói sông kia, khôn biết năm mô là mưa tạnh,
Chơ chơ miếu cổ nọ, cùng truyền đêm ấy chuyện cơ-dở.*

IV

Đại địa anh - linh, thập nhị sơn- hà nguy Đâu-lĩnh,	大	地	英	灵	十	二	山
Trường-giang khí vượng, ức niên vũ-trụ tráng Đàng-châu.	長	江	巍	斗	嶺	年	宇
		宙	氣	旺	億		
			壯	滕	洲		

Dịch :

*Mạch đất thiêng liêng, non núi mười hai cao Đâu-lĩnh,
Giòng sông khí-vượng, cõi bờ muôn kiếp mạnh Đàng-châu.*

**Đền thờ đức Đinh-Điền ở xã Kim-dăng
(huyện Kim-động)**

Cuối đời nhà Ngô, mười hai Sứ - quân chia nhau mỗi người giữ một nơi, đánh lẫn nhau, làm cho nhân-dân phải khổ sở.

Bấy giờ vua Đinh Tiên-Hoàng, người động Hoa-lư (tỉnh Ninh-binh) kéo cờ lau, đem quân giúp loạn, lại được một tay kiện - tướng, tên gọi Đinh-Điền giúp sức.

Vua Đinh Tiên-Hoàng thấy Đinh-Điền là người tài - cán, văn đã hay, võ lại giỏi, bèn cho Đinh - Điền làm quan Chỉ - huy, coi cả mười đạo quân, sai ra Bắc để binh giặc Xứ-quân. Đinh-Điền đi đến tỉnh Hưng-yên (xưa gọi là Tự-nhiên-châu) đóng quân ở trại Đẳng-man (thuộc huyện Kim - động). Chốn ấy có sơn - thủy thuận - tiện. Kỳ-lão và nhân - dân sợ hãi, đến xin làm đầy tớ Đinh-Điền. Đinh-Điền chọn trong trại được ba người họ Phan, họ Phạm, họ Nguyễn, cho làm gia-tướng. Trong trại, có con gái họ Phan tên là Môi - Nương, môi son, má phấn, cách - điệu dịu - dàng, lại thêm tài thao - lược. Đinh-Điền kết nghĩa với Môi - Nương, cho làm phu-nhân. Được ít lâu, Sứ-giả đến với Đinh - Điền đem binh về Kinh-đô bàn việc đánh giặc. Đinh-Điền đem phu-nhân và ba người gia-tướng cùng quân-sĩ về hội-đồng ở Kinh-thành.

Vua Đinh Tiên-Hoàng sai Môi-Nương đi dò hỏi thành giặc Ngô. Môi-Nương giả làm bần-nhân, lẩn vào thành họ Ngô, nửa đêm mở cửa thành cho vua Đinh Tiên - Hoàng và Đinh - Điền đem binh vào phá thành, bắt được giặc Ngô - Đầu, chém đầu. Hai ba nghìn quân bên giặc đều theo hàng. Từ bấy giờ, trong nước thẳng-bình.

Vua Đinh Tiên-Hoàng lên ngôi trị-vi, phong Đinh-Điền làm quan Đại-tur-đồ, và cho Lê-Hoàn coi mười đạo quân. Các tướng đều được thăng-thưởng. Vua Đinh Tiên - Hoàng trị - vi mười một năm thì mất. Con thứ vua Đinh Tiên-Hoàng là Tuấn lên sáu tuổi được dựng làm vua. Được tám tháng, Lê - Hoàn cướp nước. Đinh-Điền mộ quân đánh Lê - Hoàn, nhưng đánh không được. Sau Lê-Hoàn lên làm vua.

Đinh-Điền cùng vợ và ba gia-tướng đem binh về trại Đẳng-man. Kỳ-lão và nhân-dân ra mừng, xin dựng chốn trại ấy làm sinh-từ, để sau phụng-tự.

Đinh-Điền dặn kỳ-lão rằng :

« Đến sau có thờ ta và phu-nhân, khi tế-tự, ba gia-tướng của ta cũng được phối-hưởng ».

Lại cho kỳ-lão 10 giạt vàng để mua đất và ruộng cúng vào việc tế-tự.

Ngày 17 tháng 11, Đinh - Điền làm tiệc thiết kỳ - lão. Đương khi ăn uống, có đám mây vàng quanh quất ở trước trại, rồi thấy Đinh - Điền trong đám mây ấy bay đi, đến đất Đẳng - châu thì mất.

Phu - nhân cưỡi ngựa chạy theo, đến giữa đêm, tự nhiên xa ngựa xuống mà hóa.

Ba người gia - tướng cùng nhân - dân bảo nhau lập miếu lên thờ. Đến sau vua Lê Đại-Hành (trước là Lê-Hoàn) khảo khóa bách-thần để phong sắc, phong Đinh - Điền là *Tế-thể Hộ-quốc Hiền-ứng-linh-quang Đại-vương* gia phong là *Trung chiêm Kiệt - tiết tối - linh Đại - vương*, phong Môi-Nương là *Huệ - hòa Gia - tĩnh Trinh - thực Phu-nhân*, khi tế-tự cắm sắc đỏ, sắc vàng.

Tự bấy giờ rất linh-ứng.

Đời vua Trần Thái-Tôn, có giặc Phạm-Nhan hãm Kinh - thành. Tướng nhà Trần là Hưng-Đạo vâng mệnh vua cầu - khẩn bách - thần giúp nước.

Đình-Điền và phu-nhân cũng linh-ứng. Khi giặc bình, vua Trần Thái-Tôn phong là *Nhất vị Đại-vương Linh-ứng Anh - chiết hiền hữu trợ thuận*, phong Mối-Nương là *Nhất - vị Phu - nhân trinh nhất từ tướng khí ý doan - trang*.

Đến khi vua Lê Thái-Tổ khởi nghĩa, binh giặc Liễu-Thăng, lại phong hai vị là *Phổ-tế Cương-ngệ Anh-linh*, lại ban sắc cho trại Đàng-man sửa sang đền miếu để phụng-tự.

Từ bấy giờ trở đi, đúng ngày 17 tháng 11 là ngày kỵ-nhật, có cúng, tế long - trọng, nhưng tục cấm chèo hát.

ĐỐI-VĂN

I

Nhật thông sơn-hà, phủ Vạn-Thắng,	一	統	山	河	扶	萬	勝
Trùng huy nhật nguyệt hộ song-Đàng.	重	輝	日	月	護	雙	藤

Dịch :

*Giúp vua Vạn-Thắng thu bờ cõi,
Hộ nước song Đàng rạng thờ, ó.*

II

Đàng-khôn doanh binh thang mộc ân dâm Phan, Phạm, Nguyễn,	藤	園	營	屏	湯	沐	思
Đình - triều trung-liệt cón bao vinh riệu Lý, Trần, Lê.	丁	朝	忠	烈	裘	裘	榮

Dịch :

*Cung các chôn Đàng - doanh, làng mạc ra ơn Phan, Phạm, Nguyễn,
Trung - lương triều Đình - thị, phần son bao thừa Lý, Trần, Lê.*

III

Hoa-dộng vạn niên xuân, tá mệnh tôn - thần lưu phá điệp,	迺	洞	萬	年	春	佐	命
Chân - nam thiên cổ miếu, sinh quang âp hộ đời càn khôn.	鎮	宗	臣	古	譜	牒	光

Dịch :

*Nơi Hoa - động muôn kiếp thường xuân, lăm-liệt dưng Tôn-thần,
thanh-danh lưu sử sách,
Đất Chân - nam ức năm dựng miếu, uy-linh nơi âp - hộ,
nguyên - khí đời càn, khôn.*

IV

Văn vũ bảm toàn tài, vi chỉ - huy,
vi tư - đồ, Hoa - động riêm
truyền kim ngọc lữ.

Phượng, loan kết thành hữu :
nhật trung - thân, nhật liệt-
nữ, Đằng-châu cảnh ngưỡng
sích hoàng vân.

文	武	稟	全	才	爲	指
鳳	揮	爲	司	徒	徒	洞
	艷	傳	金	玉	侶	
	鸞	結	成	友	一	忠
	臣	一	烈	女	藤	洲
	景	仰	赤	黃	雲	

Dịch :

*Văn vũ gồm tài, quan chỉ-huy, quan tư-đồ,
bạn vàng ngọc, truyền nơi Hoa-dộng,
Phượng, loan kết bạn, dưng trung-thân,
dưng liệt-nữ, mây đỏ vàng hiện chôn Đằng-châu.*

V

Chướng hạ phong vân. Cô-việt
sơn - hà tự tại,
Lâu trung khí sắc, Đằng - thành
thủy nguyệt song thanh.

帳	下	風	雲	瞿	越	山
樓	河	自	在	藤	城	水
	中	氣	色			
	月	双	清			

Dịch :

*Khi sắc ánh trong lâu, giếng nước Đằng - thành trong sáng suốt,
Gió mây truyền dưới chướng, non sông Cô-việt vững bền thay!*

(Hai câu này dịch đảo ngược)

VI

Sơn thủy hữu tình, thập đạo
tinh doanh kim cổ thụ,
Hổ long bảo vệ, tam quân phong
lệnh tuyết sương thu.

山	水	有	情	十	道	星
虎	營	今	古	壑	軍	風
	龍	抱	術	三		
	令	雪	霜	秋		

Dịch :

*Sơn thủy có tình, mười đạo sao bảy doanh trại trước,
Hổ long bao bọc, ba quân gió chuyển lượt binh mau.*

VII

Ngân-hoàng phái diễn, ngật nhiên vi trụ - thạch đồng - lương, trung-dũng song toàn, thiên vị long-dàm lưu vương khí, Hoa biểu nguyệt minh, ái như kiền quân cao thê thảng âm dương hợp đức địa u Đằng - chữ sừng thần cao.	銀 花	潢 柱 雙 函 表 焄 合 厥	派 石 全 旺 月 熹 德 神	衍 棟 天 氣 明 燠 地 泉	屹 櫟 爲 僂 愴 於	然 忠 能 如 陰 藤	爲 勇 澤 見 陽 潛
---	--------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	----------------------------	----------------------------	----------------------------

Dịch :

*Nước chảy Ngân - hoàng, dừng giữa giòng, mớc đá,
cột đường, trung-dũng toàn-tài, giới vị long-dàm lưu khí vương,
Giăng soi hoa tiêu, hiện trên tòa ngút ngàn lạnh lẽo,
âm dương hợp đức, đất riêng Đằng-chữ hiện thần thiêng.*

VIII

Lư ký khai Đê-quốc, Ngân-phái xuất nguyên-thần. Phụ chúa lự trung khòn, Binh Ngô tập đại huân. Tráng-tâm tranh liệt nhật, Hiệu khí thác hoàng - vân. Cồ - lữ dư linh tại, Thiên thu miêu-mạo tán.		蘆 銀 輔 平 壯 浩 故 千	旗 派 主 吳 心 氣 壘 秋	開 出 穩 集 爭 托 餘 廟	帝 元 忠 大 烈 黃 靈 貌	國 臣 惻 熱 日 雲 在 新
--	--	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------	--------------------------------------

Dịch :

1

*Cờ lau mở nước Việt,
Cột đá dựng trời Nam.
Giúp vua hết sức mạnh,
Giệp giặc nhất vũ-quan.
Lòng mạnh tranh trời sáng,
Khí cao thác mây vàng.
Oanh-liệt lừng doanh cũ,
Nghìn thu miêu-mạo sang.*

Cờ lau, Đê-quốc mở mang,
 Vôn giòng Ngân-phái dẫu hàng bầy tôi.
 Giúp vua trung-liệt như sồi,
 Giặc Ngô đuổi hết về nơi đút ngoài.
 Gan vàng soi có mặt trời,
 Thác làm chính-khi, xa lhoi mây vàng;
 Lũy thành còn để tiếng vang,
 Nghìn thu miêu-mạo huy-hàng như sưa!

IX

Đình - thê thân - thân ngoại	丁	世	親	臣	外	甲	官
Giáp-quan,	孤	忠	報	國	每	槃	桓
Cô trung báo quốc mỗi bàn hoàn.	愛	州	起	義	聲	仍	壯
Ái-châu khởi nghĩa thanh	衽	洞	收	靈	節	已	全
nhưng tráng,	萬	古	丹	青	垂	正	氣
Hoa-dộng thu linh tiết dĩ toàn.	千	秋	僭	偽	怯	忠	肝
Vạn cổ đan thanh thùy chính-khi,	歷	朝	葩	袞	陰	陽	合
Thiên thu tiêm-ngụy khiệp	藤	邑	香	燈	賴	以	安
trung can.							
Lịch-triều ba cồn, âm dương hợp,							
Đằng - âp hương đằng lại dĩ an.							

DỊCH :

Phù-tá vua Đình quan Giáp-quan,
 Cô-trung báo nước, chẳng phân-nàn.
 Tiếng lừng châu Ái, cơ-dồ mạnh,
 Hôn thác : danh hoa, tiết-nghĩa toàn ;
 Muôn kiếp về vôi, lưu chính - khi,
 Nghìn năm giặc giã võ mưu dan.
 Âm dương hợp đức, triều phong tặng,
 Đằng - âp đèn hương giúp được yên...

Đền thờ đức Đoàn-Thượng

Đền này ở xã Yên-nhân, thuộc huyện Mỹ-hào.

Đoàn-Thượng người làng Hồng-thị, huyện Đường-hào, tỉnh Hải-dương.
 Thời vua Huệ-Tôn nhà Lý, phụng-mệnh trấn-thủ ở Hồng-châu.

Đoàn - Thượng có sức khỏe hơn người, mỗi khi lâm-trận, một dao
 một ngựa, xông vào đám trăm người, nghìn ngựa, tung - hoành vô-dịch.

Đến khi Lý-chiều-Hoàng nhường ngôi cho Trần Thái-Tôn, Đoàn-Thượng chiếm - giữ một châu, không chịu theo về với nhà Trần. Trần Thái-Tôn đánh mãi không được, bèn lập kế dụ-hàng, hứa phong cho tước Vương và gả Công-chúa cho.

Đoàn-Thượng nhất - định không chịu khuất, chiêu binh tập mã, tự xưng là Đông-hải-vương, có ý muốn khôi-phục lại giang-sơn cho nhà Lý.

Thái-sư Trần-thủ-Độ đánh nhau luôn mấy năm, không phá nổi, bèn lập kế giảng - hòa, ngầm sai một đại - tướng là Nguyễn - Nộn đem quân đánh mặt sau.

Đoàn-Thượng chắc đã giảng-hòa, nên không phòng bị. Chợt thấy tin Nguyễn - Nộn đến đánh, bèn kéo quân ra cự - địch. Đương đánh nhau thì Thủ - Độ đánh đến mé trước. Quân nhà Trần hai mặt đánh rồn vào một. Quân Đoàn - Thượng kinh - hãi, chạy mất cả. Đoàn - Thượng, quay ngựa lại đánh mặt tiền-quân, không ngờ bị một viên tướng nhà Trần ở mé sau chém với một nhát vào cổ Đoàn-Thượng gần đứt. Nơi ấy là xứ Đồng-đạo thuộc xã Yên-phú.

Đoàn - Thượng cởi giầy lưng buộc vào cổ cho khỏi rơi đầu, rồi hăm hăm tế ngựa chạy, chạy đến đâu, quân nhà Trần sợ phải rãn đường cho chạy.

Chạy gần đến làng An-nhân, có một ông cụ già áo mũ chững chạc, chấp tay đứng bên đường nói rằng :

« Tướng-quân trung - dũng lắm ; Thượng - đế đã kén tướng - quân làm Thần xứ này. Có một cái gò bên cạnh làng kia, đó là đất hương-hỏa của tướng-quân, xin tướng - quân đừng lòng cho.... »

Đoàn - Thượng vâng một tiếng, đến chỗ gò ấy, xuống ngựa, gói đầu vào ngọn mác mà nằm. Một lúc thì mất, mối đùn đất, thành mộ ngay.

Dân làng Yên-phú thấy vậy, lập miếu, tô tượng để thờ. Về sau nước lụt vỡ đê, đền đổ, tượng trôi vào xã Yên-nhân. Xã Yên-nhân lại dựng một tòa miếu khác để thờ, ngay cạnh bờ sông Hồng-giang, mé trước trông ra đường cái-quan.

Hoàng - triều phong cho Đoàn - Thượng chức *Bảo - quốc hà dân Nhất - đẳng - thần*.

Câu đối đề ở đền thờ đức Đoàn - Thượng

I

Dị-tích lưu truyền Đông, Bắc ảnh,
Anh thanh hiển hách Lý, Trần gian.

異跡流傳東北境
英聲顯赫李陳間

DỊCH :

*Truyền lạ di-truyền cõi Đông, Bắc,
Dâu thiêng liêng lẫy khoảng Lý, Trần.*

II

Vạn cổ giang sơn, dư cò lũy,		萬	古	江	山	餘	故	壘
Nhật soang trung, nghĩa đời trường không.		一	腔	忠	義	對	長	空

Dịch :

*Muôn kiếp non sông, còn lũy cũ,
Một lòng trung, nghĩa, đời trời xanh*

III

Tùng thụ sương nghiêm hoài		松	樹	霜	嚴	懷	李	操
Lý thảo,		江	流	波	激	怒	陳	聲
Giang lưu ba kích nộ Trần thanh.								

Dịch :

*Sắc thông in tuyết mầu phù Lý,
Tiếng sóng giòng sông thét nộ Trần*

IV

Nộ Trần đục đảo tam giang thủy,		怒	碌	欲	倒	三	江	水
Tồn Lý không dư bách chiến thành.		存	李	空	餘	百	戰	城

Dịch :

*Đổ nước ba sông, giận Trần khôn hết,
Trơ thành bách chiến ngôi Lý vẫn còn.*

V

Kháng Trần kính tiết Văn-Trường		抗	陳	勁	節	雲	長	北
Bác,		扶	李	孤	忠	武	穆	南
Phù Lý cô trung Vũ-Mục Nam.								

Dịch :

*Kháng Trần xưa sánh Văn-Trường Bác,
Trung Lý nay là Vũ - Mục Nam.*

VI

Tri kim chính khí hoành Tinh,		至	今	正	氣	橫	星	岳
Nhạc,		終	古	靈	祠	峙	北	京
Trung cổ linh từ chi Bắc, Đông.								

Dịch :

*Đền nay khi chính ngang Tinh, Nhạc,
Nghìn thừa đền thiêng vãng Bắc, Đông.*

VII

Nhật niệm trung thành quy dề giản,	一	念	忠	誠	歸	帝	簡
Thiên thu hưởng tự kỳ thân ngôn.	千	秋	享	祀	記	神	言

Dịch :

*Một dạ trung thành, vua biết sức,
Nghìn thu hưởng tự, thánh khai ngôn.*

VIII

Nhật thiên chính-khí sơn hà tại,	一	天	正	氣	山	河	在
Vạn cổ anh-thanh, thảo mộc chi.	萬	古	英	聲	草	木	知

Dịch :

*Một vùng chính-khí, truyền cây cỏ,
Muôn kiếp anh-thanh cả núi sông*

IX

Hùng uy bách chiến dư cò lũy,	雄	威	百	戰	餘	故	壘
Đông thổ thiên thu ngật chính từ.	東	土	千	秋	屹	正	祠

Dịch :

*Oai hùng trăm trận còn thành cũ,
Đền chính ngàn năm dựng cõi đông.*

X

Lý, Trần thê-cực tang sương cỏ,	李	陳	世	局	桑	滄	古
Thiên địa cương-thường tuê nguyệt tân.	天	地	綱	常	歲	月	新

Dịch :

*Dâu bể cuộc đời Trần, Lý trước,
Cương-thường sách sử đất, trời nay.*

XI

Vạn cổ cương-thường tâm hữu Lý,	萬	古	綱	常	心	有	李
Nhật thiên qua kích mục vô Trần.	一	天	戈	戟	目	無	陳

Dịch :

*Muôn kiếp cương-thường, lòng tựa Lý,
Một trời gươm giáo, mắt khinh Trần.*

XII

Thanh miếu tuê thời hương,	清	廟	歲	辰	香	陵
lãng, cộc bát khai canh hoán cục,	谷	不	開	更	換	局
Hồng-châu kim cồ lộ, cương-	洪	州	今	古	路	綱
thường súc khởi vãng lai nhân.	常	觸	起	往	來	人

(Hai câu này của bà Thi-Điền soạn)

Dịch :

*Khói hương thanh miếu ngọt ngào, trời trăng gió
cao vêu vêu tiệt nghĩa,
Đường xá Hồng-châu đi lại, khách gần xa trông
rõ cột cương - thường.*

Đền thờ đức Phạm-ngũ-Lão

Đền này ở xã Phú - ứng, phủ Ân - thi, tỉnh Hưng - yên, là một ngôi đền cổ trong nước Nam ta.

Phạm-ngũ-Lão là người làng Phú - ứng, sinh năm Ất-mão niên - hiện Nguyên-Phong thứ năm, đời vua Thái-Tôn nhà Trần.

Phạm-ngũ-Lão bẩm sinh ra dung-mạo khôi-ngô, tư-giới thông sáng, và lại tài-khi khác thường, kinh thánh truyện hiền, binh-thư võ-lược, đều gồm thông cả.

Trong hai-mươi tuổi đã có tính khảng-khái. Làng có một người tên là Bùi-công-Tiến đỗ Tiến-sĩ ăn mừng, cả làng kéo đến mừng rỡ, riêng Ngũ-Lão không thêm lại.

Bà mẹ Ngũ-Lão bảo rằng :

— Con làm thế nào cho bằng người ta thì làm. Nay người ta ăn mừng, cả làng mừng rỡ, sao con không đến mừng một chút ?

Phạm-ngũ-Lão thưa rằng :

— Thưa mẹ, con chưa làm nên gì để vui lòng mẹ, mà con đi mừng người ta, thì con lấy làm nhục lắm.

Nhà ở bên cạnh đường cái. Một ngày Phạm-ngũ-Lão khoan chân, ngồi vệ đường vót tre đan sọt, chợt có Trần Hưng-Đạo Đại-vương từ đồn Vạn-kiếp chầy vào Kinh (Hà-nội) quân-quyền kéo đi rất đông. Quân tiên-đạo thấy Ngũ-Lão ngồi xếp bằng tròn bên cạnh đường, thét bảo dừng giậy. Ngũ-Lão cứ ngồi nghiêm-nhiên, như không nghe tiếng. Quân lính cầm ngọn giáo đâm vào đùi Ngũ-Lão. Ngũ-Lão vẫn cứ ngồi vững không động mình.

Xe Hưng-đạo-vương liền tới, trông thấy thế lầy làm lạ, dừng lại cho hỏi. Bấy giờ Ngũ-Lão mới biết là có quan quân đi qua và quân lính đâm vào đùi mình.

Hưng-đạo-vương hỏi rằng :

— Nhà ngươi ở đâu? Sao ta qua đây mà cứ ngồi chững chặc làm vậy?

Thưa rằng :

— Tôi đang trong khi nghĩ ngợi, nên không biết đến việc ngoài.

Hưng-đạo-vương lấy làm kỳ, hỏi đến sự học-hành. Ngũ-Lão ứng-đổi như nước chảy. Hưng-đạo-vương biết là bậc văn-võ toàn-tài, sai nhờ mũi giáo, dật thuốc dẫu, cho ngồi xe đưa về Kinh, tiến-cử lên vua cho coi quân cấm-vệ.

Các vệ-sĩ không phục, xin cùng Ngũ-Lão đấu võ-nghệ. Ngũ-Lão nhận nhời, xin vua cho về nhà ba tháng, để thu xếp việc nhà, rồi sẽ xin đấu sức và nhận chức nhân thể. Ngũ-Lão về nhà, ra ngoài đồng tìm chỗ gò cao tập nhảy. Hết hạn lại vào Kinh, họp cả quân cấm-vệ để cùng đấu-võ. Các vệ-sĩ xúm chung quanh kể hàng nghìn người Ngũ-Lão tay dấm chân đá, nhảy nhót như bay, nghìn người không địch nổi nên đều chịu phục cả.

Một ngày Hưng-đạo-vương mở trường diễn-vũ, để thi tài các gia-tướng, treo giải một tấm lụa. Duy có Ngũ-Lão bắn ba phát tên đều trúng hồng-tâm cả, vậy được lĩnh giải. Thời ấy, có Yết-Kiều không phục, lại xin cùng đấu kịch nhưng cũng bị thua Ngũ-Lão.

Hưng-đạo-vương cho Ngũ-lão là đầu các gia-tướng và lại gả con gái cho nữa.

Năm Giáp-thân đời vua Nhân-Tôn, Thái-tử nhà Nguyên là Thoát-Hoan cùng đại-tướng là Ô-mã-Nhi kéo năm mươi vạn quân sang lấn nước ta, một mặt thì tướng Toa-Đô sang đánh nước Xiêm-thành, hai đường hợp một.

Triều-đình sai Trần-quang-Khải cùng Phạm-ngũ-Lão hãn ngữ mặt trong. Khi quân Toa-Đô tới tỉnh Nghệ-an, Quang-Khải và Ngũ-Lão đem quân chống-cự, quân giặc bị thua, Toa-Đô phải theo đường bẻ về Tàu. Lúc ấy vua Nhân-Tôn đóng ở Thanh-hóa, lại sai Ngũ-Lão cùng Quang-Khải đánh giặc ở bến Chương-dương. Toa-Đô thua trận, bị Trần-nhật-Quạt chém chết. Ô-mã-Nhi phải bỏ thành Thăng-long chạy chốn. Ngũ-Lão cùng Quang-Khải tiến quân, thu phục được thành Thăng-long.

Đến năm Đinh-hợi, Thoát-Hoan lại đem quân sang lấn. Hưng-đạo-vương sai Ngũ-Lão cùng chư-tướng hãn-ngữ các quan-ái. Quân Ngũ-Lão đóng ở đất Nội-bàng, đánh đuổi và chém được tướng A-bát-Sich trước trận tiền. Thoát-Hoan chạy thoát.

Vua Nhân-Tôn định công đánh được giặc Tàu, gia-phong Ngũ-Lão làm *Quản-hữu-vệ Thánh-dực-quân*. Năm ấy, Ngũ-Lão mới 36 tuổi.

Ngũ-Lão trị quân có kỷ-luật, dải tướng-hiệu như người nhà, ở với sĩ-tốt cùng chịu cam-khổ, cho nên vẫn gọi là *Phụ-tử chi binh*, đánh đâu được đấy.

Về sau, nước Ai-lao đem hơn một vạn voi sang cướp đất Thanh, Nghệ. Vua sai Ngũ-Lão cầm quân đi đánh. Ngũ-Lão sai dân chặt tre đưng, chông chắt ở các vệ-đường, khi Ngũ-Lão kéo quân vào đánh, giặc thúc voi sẵn lên. Ngũ-Lão chân, tay không, sẵn vào, gặp đồng tre nào thì vớ lấy đồng tre chỗ ấy, đập vào chân voi. Voi bị đau, gầm rống lên chạy về, giầy xéo cả vào quân Ai-lao chết hại rất nhiều. Ngũ-Lão thúc quân đánh tràn sang, quân Ai-lao tan vỡ, phải trốn về đê. Bao nhiêu đất giặc lấn vào, đều lấy lại được cả.

Vì có những công to ấy, Ngũ-Lão được thăng chức *Điện-tiền-thượng-tướng-quân*. Đến khi mất, được phong làm *Thượng-đẳng-phúc-thần*. Người làng Phù ủng lập miếu thờ ngay chỗ nhà cũ của Phạm-ngũ-Lão, có hai vị tượng phỗng quý ở hai bên hương-án, ghi công đánh phục được nước Xiêm-thành. Các đời vua đời nào cũng có sắc phong, được tòng-tự ở Lịch-dại Đế Vương miếu.

Ngũ-Lão nguyên là bộ-tướng của Hưng-đạo-vương, cho nên các đền thờ của Hưng-đạo-vương cũng có thờ Ngũ-Lão.

Ngũ-Lão đã giỏi nghề võ, lại hay nghề văn. Tinh hay xem sách, ngâm thơ, thường ngâm bài thơ thuật-hoại sau này:

Hoành sào giang-sơn, cáp kỳ thu,	橫	槩	江	山	恰	幾	秋
Tam quân ti hồ, khí thôn ngư.	三	軍	貔	虎	氣	吞	牛
Nam-nhi vị liễu, công-danh trái,	男	兒	未	了	功	名	債
Tu thính nhân-gian thuyết Vũ-Hầu.	羞	聽	人	間	說	武	侯

Dịch:

*Vẫy giáo non sông, trái mây trâu,
Ba quân khí-thê nuốt sao ngâu.
Công-danh nợ ấy, ai chưa trả;
Luông then: Tai nghe truyện Vũ-Hầu!*

Có người dịch là:

1

*« Mây rạo non sông, nguyền giáo dài,
« Thú gấm, ngâu nuốt, nhưc binh - oai.
« Công-danh còn nợ nhà trai đó;
« Truyện Vũ-Hầu, nghe then với đời!... »*

2

*« Ngọn giáo non sông, trái mây trâu,
« Ba quân ti - hồ, khí thôn-ngư.
« Công - danh, nêu để còn vương nợ;
« Luông then: Tai nghe truyện Vũ-Hầu!... »*

(Thôn-ngư: ý nói mạnh mẽ háng-hái, có thể nuốt sống được con trâu).

Năm Canh-ti thứ bảy, Hưng-đạo-vương mất, Ngũ-Lão cảm việc thời gian, nhớ tình tri-ngộ, làm bài thơ viếng rằng :

Trường-lạc chung thanh, hường nhật chùy,	長 樂 鐘 聲 響 壹 槌
Thu-phong tiêu tán bất thăng bi.	秋 風 消 散 不 勝 悲
Cửu-trùng minh-giám, kim dĩ hỹ,	九 重 明 鑑 今 已 矣
Vạn-lý trường-thành, thực hoại chi ;	萬 里 長 城 孰 壞 之
Vũ-âm trường-giang không lệ- huyết,	雨 暗 長 江 空 淚 血
Vân-dê phức đạo tòa sáu - mi ;	雲 低 複 道 鎖 愁 眉
Ngưỡng quan khuê tảo từ phi dật,	仰 觀 奎 藻 詞 非 溢
Ngư thủy tinh-thâm kiên vịnh thi.	魚 水 情 深 見 咏 詩

Dịch :

*Trên cung Trường-lạc, tiếng chuông hồi,
Hiu hắt may thu, lòng ngậm ngùi ;
Minh-chúa thừa xua đã vắng hẳn,
Tràng-thành giâu cũ, bỗng đâu rồi ?
Sụt sùi mưa võ, sông dài đặc,
Nhấn nhớ mây tuôn, ngõ hẹp hời ;
Bút ngư rành rành ghi truyện thực,
Ngàn thu cá nước, nghĩa vua tôi. . .*

Trong tập thơ « Việt-sử tổng-vịnh », đức Dục - Tôn Anh-hoàng-đế có bài thơ rằng :

Bạc phạt Xiêm, Lão chiến trang du,	薄 伐 占 牢 屢 壯 猷
Đương thời danh - tướng, hân vi trụ.	當 辰 名 將 罕 爲 儔
Thành công chỉ tại năng đồng giục,	成 功 只 在 能 同 勦
Bất phụ cao ngâm si Vũ - Hâu.	不 負 高 吟 企 武 侯

Dịch :

1

*« Giệp đánh Lào, Xiêm tỏ tướng tài,
« Võ-thân mây kẻ được chen vai.
« Dưới cờ một dạ, nên công nhón,
« Gia-Cát, trời Nam, lại có hai. »*

« Giân đánh Xiêm, Lào, giải lược sâu,
 « Cùng thời các tướng, dễ bằng đâu?
 « Nên công chỉ vị cùng lòng muôn;
 « Sánh Vũ-Hầu, xưa cũng đáng cầu. »

(Trích trong quyển « Phạm Điện-súy » của quan Tuân-phủ Nguyễn-dinh-Chuẩn).

Cụ Phạm-lạp-Trai Hoa-Đường có đề bài thơ ở đình Phù-ũng rằng :

Tướng - quân miếu mạo, tướng-	將 軍 廟 貌	將 軍 營
quân đình,	將 軍 靈 沼	綠 荷 生
Tướng-quân linh chiêu lược hà sinh	三 朝 事 業	遺 編 在
Tam triều sự-nghiệp di-biên tại,	萬 古 江 山	一 架 橫
Vạn cổ giang-sơn nhất sào hoành.	元 祀 只 應	輸 萬 劫
Nguyên tự chỉ ứng thân Vạn-kiệp,	餘 威 猶 可	敗 占 城
Dư uy do khả báí Xiêm - thành.	書 生 亦 有	吞 牛 志
Thư-sinh riệc hữu thôn ngưu chí,	憫 悵 遺 吟	和 不 成
Chú chương di ngâm họa bát thành.		

DỊCH :

« Đình cũ nguy nga, nổi miếu dài,
 « Trước đài sen nở, nước thơm rơi.
 « Sự ghi sự - nghiệp ba triều trải,
 « Tay vững non sông một dải dài.
 « Hương lửa tiếng trên, nhường điện Kiệp,
 « Trận-dồ oai-sốt khiếp quân Hời.
 « Thôn ngưu mây vạn lòng hăng-hái,
 « Học họa không nên, lòng ngâm ngợi » ...

(Trích trong quyển « Phạm Điện - súy » của quan Tuân-phủ Nguyễn-dinh-Chuẩn).

Sự tích đức Thánh Bà

Tôn-hiệu ngài là Nguyên-quận-chúa, khi ở nhà, một đêm, trời thanh, trăng sáng, ngài cùng bà chị là Trinh-quận-chúa ra chơi vườn hoa, bỗng thấy trên trời có một đám mây ngũ sắc dần dần bay xuống vườn hoa, giữa có một bà Tiên-mẫu hai bên có hai vị Tiên-nương. — Tiên-mẫu đưa ra một thanh *Phi-thiên-thần-kiếm* và bảo rằng: « Ta giao thanh thần-kiếm này cho hai con đưa về cho Vương-phụ, để dành về sau dùng mà trừ loài

yêu-quái ». — Hai bà khấu đầu lạy tạ, lại hỏi đến số-phận mình ra sao ? — Tiên-mẫu bảo rằng: « Chị thì chính-vị Hậu-phi, em thì sánh vai với một vị tướng-quân anh-hùng cái-thế », rồi liền biến mất.

Hai bà đem kiếm về dâng đức Hưng-đạo Đại-vương. Sau bà Trinh-quận-chúa lấy vua Nhân-Tôn mà bà Nguyễn-quận-chúa hái duyên với đức Điện-Sứ Phạm-ngũ-Lão.

Thanh *Phi-thiên-thần-kiếm* ấy sau dùng chém tướng Phạm-Nhan.

Nay xã Phù-ứng thờ bà Nguyễn-quận-chúa ở cung bên tả đình. Các triều đều có sắc phong.

..

Sự-tích đức Cung-phi

Đức Cung-phi là con gái đức Điện-sứ, cháu gái đức Hưng-đạo. Từ khi vào kinh, vua Anh-Tôn thấy người tinh-cách đoan-trang, dung-tur yêu-điệu, bèn phong làm Thứ-phi.

Vua Anh-Tôn mất, một ngày đức Cung-phi về chốn quê-hương, lên chùa Bảo-sơn, truyền sửa sang chùa lại, rồi làm nhà dựng phủ ở bên đông chùa, để làm chỗ thờ tổ-tiên.

Công việc vừa xong, đức Thượng-Hoàng là vua Minh-Tôn ngự tới chùa ngoạn-cảnh và cho chữ đề biển vàng.

Chùa Bảo-sơn nguyên ở bên kia sông, sau dời là chùa Cẩm-ân, có bia đá, nền chùa, còn truyền cổ-tích. Sau chùa ấy thiên sang bên này sông, để tiện việc thờ phụng.

Mỗi năm, ngày 13 tháng giêng cho đến 23 tháng giêng, thập-phương đến lễ rất đông: gọi là Hội Ứng.

Hai câu đối quốc-văn khắc ở cột đá chùa:

« Thoảng bóng sen vàng, mây phủ tán,

« Sực mùi hương ngự, gió đưa hoa. »

..

« “Cẩm-ân” chùa cũ, tên ghi đá,

« “Hiếu Kính”, nền xưa, chữ chói vàng. »

Câu tập Kiều:

« Cổ thụ, san hồ, cảnh cũ nay nhìn đã khác,

« Loan-nghi, phượng-tiểu, hương thừa nhường
hãy đầu đây. »

Sự tích Đào - Nương

Khi xưa, về đời nhà Trần, nước ta bị quân Mông - cổ sang quấy rối. Giữa lúc nguy-cấp tồn-vong, Đào - Nương, một ả-đào trứ-danh, người xã Đào - xá, phủ Ân - thi (Hung - yèn), đem sắc đẹp, tiếng hay, cảm - dỗ được tướng Mông-cổ, đến nỗi bảo gi được nấy thành ra giúp nước được nhiều việc trong lúc nguy - nan.

Về sau, chị em trong bọn « nhà tơ » đều thờ Đào - Nương làm Thành-sư. (Xưa kia ở Hà - nội, tại chỗ ngõ hàng Rươi ra hàng Cót, vẫn có một cái đình riêng của các ả - đào, hàng năm khói hương nghi - ngút).

Chị em hồng - lâu đều gọi là ả - đào hay cô - đầu, đọc tránh ở tiếng « đào » ra, tức là một cách kỹ - niệm một vị Tiên - sư vậy.

Cổ - tích ở xã Như - quỳnh (huyện Văn - lâm)

Mẹ chúa Trịnh - Cương là người xã Như - quỳnh thuộc huyện Văn - lâm. Trong khi bà ở Kinh - thành, thường đem người làng vào phủ Chúa, để tập múa hát, luyện thành một đội ca - nữ. Nghề hát ả - đào từ đấy thịnh - hành trong xã Như - quỳnh, cho mãi tới ngày nay, những danh - ca vẫn thường sản - xuất ở đấy.

Chúa Trịnh - Cương định lập nhà thờ ngoại - tổ ở xã Như - quỳnh, truyền chỗ đá, làm nền, dựng cột trên mặt khu đất rộng. — Công việc đương tiến - hành, Trịnh - Vương thụ bệnh rồi mất. Công cuộc ấy phải đình lại.

Thế - tử Trịnh - Giang thay cha làm Chúa, lại gặp thời - kỳ biến - động vì bận việc trị - an, nên không để ý đến nhà thờ ấy nữa.

Ngày nay, trong một khu ruộng sâu, thuộc địa - phận xã Như - quỳnh, còn nhiều tảng đá to, và vài cột đá đứng trơ trơ giữa trời. Ấy là di - tích đời Lê trung - hưng hơn hai trăm năm, còn lại, mà khách qua đường Hà - nội — Hải - phòng có thể một khắc trông qua.

Đền thờ bà Dương Thái - hậu

Đền này ở làng Mậu - dương, trên bờ hồ Bán - Nguyệt ngay giữa tỉnh - lý Hưng - yèn.

Khi quân Nguyên dấy loạn bên Tàu, Kinh - đô thất - thủ. Vua Tống cùng Dương Thái - hậu và quần - thần xuống tàu ở Nhai - sơn chạy chốn. Gặp cơn phong - ba, tàu đắm ngoài khơi. Bao nhiêu người trong tàu chết đuối hết cả.

Sóng bể đưa thầy bà Dương Thái - hậu vào cửa sông Phú - lương là một chi - lưu sông Hồng - hà. Nước thủy - triều xuống, bà nằm trên bãi cát như yên giấc điệp, mặt mũi vẫn hồng - hào, quần áo vẫn mới đẹp như lúc sinh - thời.

Nhân - dân lũ lượt kéo nhau lại xem. Lúc biết bà đã chết rồi, họ bảo nhau chôn cất rất là tôn - kính. Mộ bà dần dần đất đùn lên thật cao, sóng bể không tràn tới nữa.

Bà rất linh-thiên, hưởng-ưng giúp các thuyền-trái qua lại được nhiều tôm cá. Dân-sự thấy vậy, cho bà là linh-thần, bèn lập đền thờ ở địa-phận xã Mậu-dương.

Sau bề lui mãi ra ngoài, một phần lòng sông Phù-lương thành hồ Bán-Nguyệt, nước trong xanh, ngay dưới chân đền.

Trong đền, có nhiều câu-đối. Xin trích-dịch ra sau đây :

I

Nhai-sơn chính-khi, đồng thiên-địa,	匡	山	正	氣	同	天	地
Hồ - Nguyệt linh - thanh, tự cổ-kim.	湖	月	靈	聲	自	古	今

Dịch :

*Nhai - sơn chính-khi, cùng trời đất,
Hồ-Nguyệt linh - thanh, giải thánng ngày.*

II

Thiên vô hựu Tông sơn-hà, ninh ba phát phu hoàn đại tạo,	天	無	祐	宋	山	河	寧
Địa thị Cửu - nguyên vũ-trụ, cò tương tinh phách hiên Nam-bang,	地	是	仇	元	宇	宙	故
	將	精	魄	顯	南	邦	

Dịch :

*Giang - sơn nhà Tông, trời sắp đổi thay, sao nỡ
hình - hải quanh nước Bắc?
Cửu - dịch giặc Nguyên, đất còn dấu-tích, quyết đem
hồn - phách hiên phương Nam.*

III

Cao, Tào, Hường, Mạnh chi hiên, mẫu-dức chính kham tỵ nghi,	高	曹	向	孟	之	賢
Biện, Quảng, Mân, Hàng chi sâm, thiên-tâm tảo rĩ an bài.	母	德	正	堪	比	擬
	汴	廣	閩	杭	之	讖
	天	心	早	巳	安	排

Dịch :

*Hiên - đức như họ Hường, họ Mạnh, họ Cao, họ Tào,
mẫu - nghi ấy chính cùng sống - sánh,
Nhời sâm dạy : châu Mân, châu Hàng, châu Biện, châu Quảng
thiên-tâm kia sớm đã đặt bày.*

Đền thờ bà Nhị-Khanh

Từ-Đạt người ở Khoái - châu, làm quan ở huyện Đông-quan, đi lại với quan Thiêm-thư là Phùng-lập-Ngôn rất thân-mật. Phùng có con trai là Trọng-Quý, Từ có con gái là Nhị-Khanh, hai bên gả cho nhau.

Nhị-Khanh còn ít tuổi, nhưng rất hiền-hậu, hòa-thuận; Trọng-Quý tinh hay chơi bời, nàng khuyên can mãi không được.

Năm sau, tỉnh Nghệ-an, giặc cướp như ong, Triều-đình cần người vào giúp cho yên. Đinh-thần vốn ghét Phùng-lập Ngôn là người thẳng tỉnh, đề-cử Phùng vào chức ấy, có ý muốn hại Phùng.

Lập-Ngôn sắp lên đường, bảo Nhị-Khanh rằng:

« Đường đất xa xôi, cha không muốn con đi theo. Con nên tạm ở nhà, chờ lúc thái-bình, sẽ cho con về với chồng con ».

Trọng-Quý thấy vợ không cùng đi, có ý lưu-luyến muốn ở nhà, Nhị-Khanh can rằng:

« Nay nghiêm-đường vì nói thẳng mà nhiều kẻ ghét, tuy cất vào địa-vị quan-trọng, mà kỳ-thực đưa vào nơi hiểm-cố. Muốn dậm xa khơi, hai thân mưa nắng, chàng không đi thì ai là kẻ sớm trưa hầu-hạ. Vậy chàng chớ vì thiếp mà khinh thường đạo hiếu ».

Trọng-Quý bất-đắc-dĩ phải theo cha mẹ về Nghệ, để Nhị-Khanh ở lại Đông-quan. Chẳng bao lâu, cha mẹ để Nhị-Khanh mất cả. Nhị-Khanh đem mả về táng ở phủ Khoái-châu, rồi ở cùng bà cô họ là Lư-thị.

Bấy giờ có người quan-võ họ Bạch, nguyên là cháu ngoại Lư-thị, thấy Nhị-Khanh nhan sắc, bèn nói với Lư-thị hỏi Nhị-Khanh làm vợ.

Nhị-Khanh sợ hãi, bảo riêng người vú già:

« Ta còn nhân nhục đến giờ, là vì chàng họ Phùng. Chàng họ Phùng còn đó, nếu không, ta đã chết rồi, chứ khi nào ta mặc áo xiêm của chồng, làm đóm để sánh vai cùng kẻ khác. Mụ ở nhà ta lâu năm, nếu còn nhớ đến ân tình thì nên vào Nghệ tìm chồng ta về. »

Người vú vàng nhờ ra đi. Đương thời-kỳ loạn-lạc, việc thông-hành gặp nhiều điều chắc chắn. Mụ cố sức tìm vào đến Nghệ, hỏi thăm ai cũng nói rằng: « Quan Tuyên-phủ Lập-Ngôn đã mất, con trai chơi bời, cửa nhà sa sút ».

Người vú đi đường gặp Trọng-Quý trong chợ. Trọng-Quý đưa mụ về nhà, chỉ còn một túp lều danh, bốn bề bỏ trống, đồ đạc gồm có một bàn cờ, bộ ấm chén uống rượu, con gà chọi, con chó săn mà thôi.

Trọng-Quý bảo người vú rằng:

« Quan-sơn cách-trở, ta muốn về mà không về được. Song lúc nào cũng nhớ đến nhà. »

Người vú kể sự-tình đầu đuôi cho Trọng-Quý nghe, Trọng-Quý bèn định ngày về.

Về đến nhà, vợ chồng lâu ngày họp mặt, còn gì ân-ái nồng nàn hơn nữa. Nhưng Trọng-Quý vốn quen thói chơi bời, thường nhật giao-du với người lái buôn là Đỗ-Tam. Trọng-Quý thì tham của nhà Đỗ-Tam. Đỗ-Tam thì tham nhan sắc vợ Trọng-Quý. Hai bên rủ nhau cờ bạc rượu trè, để lừa lẫn nhau.

Trọng-Quý đánh bạc, thường hay được. Nhị-Khanh can rằng:

« Lái buồn tình hay lừa lọc, chớ nên chơi bời với hần, được nay, rồi mai cũng thua hết mà thôi! »

Trọng-Quý không nghe.

Một hôm, Đổ-Tam họp bạn đánh bạc, bỏ ra trăm vạn quan tiền Trọng-Quý muốn vay. Đổ-Tam bắt phải viết giấy lấy nàng Nhị-Khanh làm cuộc. Trọng-Quý quen mui hay được, tưởng chẳng đến nỗi thua nào, mới viết giấy cam-kết với Đổ-Tam.

Uống rượu, rồi đánh bạc. Trọng-Quý thua luôn ba tiếng hết sạch cả tiền, cho gọi vợ đến bảo rằng :

« Tôi vì nghèo hèn, nên phải lụy đến nàng. Nay đã chót nhờ thế này, muốn hồi lại cũng không kịp. Nàng hãy rầu lòng ở lại với ông ấy, vài bữa tôi sẽ đem tiền lại chuộc. »

Nhị-Khanh biết thân không khỏi tay Đổ-Tam, mới nói rằng :

« Bỏ chỗ nghèo, theo chỗ giàu, thiếp còn ngại gì. Ấy cũng bởi duyên trời tiền-định. Chàng đã có lòng yêu đến thiếp, thiếp cũng xin hầu-hạ chẵn đêm như ở với chồng trước. Nhưng thiếp hãy xin một chén rượu để biệt chồng cũ và về nhà từ-giã con thơ » .

Đổ-Tam mừng lắm, sai rót vài chén rượu đưa đến. Uống xong, Nhị-Khanh về nhà, ôm hai con vỗ vào lưng, bảo rằng :

« Cha con bạc tình! Mẹ không biết nương tựa vào đâu? Thôi các con ở lại với cha, mẹ không mặt mũi nào bỏ con mà đi với người khác! »

Nói rồi, tự-vẫn. . . .

Đổ-Tam chờ mãi không thấy đến, cho người lại gọi, thời ôi thôi! Nhị-Khanh đã chết rồi! Trọng-Quý thương tiếc vô cùng, từ bấy giờ trở đi mới ăn năn chừa chơi bời, nhưng sinh-lý mỗi ngày cùng-quần, phải đem con sang ở nhờ người bạn cũ ở Quy-hóa. Đi được nửa đường, mỗi mệt, nghỉ ở dưới gốc cây bàng, bỗng nghe trên không có tiếng gọi rằng :

« Có phải chàng Phùng đấy không? — Nếu chàng còn nhớ ân-tình cũ, đúng ngày. . . . tháng. . . . chớ thiếp trong đền bà Trưng-Vương, chớ coi u-minh là khác! »

Trọng-Quý nghe rõ tiếng nàng Nhị-Khanh, ngẩng lên trông chỉ thấy đám mây đen bay về phương Bắc. . .

Trọng-Quý y hẹn đúng ngày, vào đền. Khi tới nơi, bóng chiều đã sế, phong-cảnh đìu-hiu, chỉ có tiếng chim kêu riu rit trên cây cồ-thụ, cảnh-tượng buồn rầu. Muốn về, trời đã tối, mới nằm nghỉ trong nhà tả-mạc. Cuối canh ba, nghe văng vẳng có tiếng khóc, trước còn xa, sau đến gần, trông mập mờ thấy rõ mặt nàng Nhị-Khanh.

Nhị-Khanh bảo Trọng-Quý rằng :

« Từ ngày thiếp từ-trần, Thượng-Đế thương tình, cho giữ riêng một đền, coi về việc tấu-sớ, không lúc nào nhân rồi mà thăm được chàng. Bữa trước nhân có việc đi làm mưa, gặp chàng, nên gọi lại mà hẹn, nếu không có dịp ấy thì bao giờ được gặp nhau. »

Trọng-Quý hỏi :

« Nàng bện tôi đến đây có việc gì vậy ? »

Nhi-Khanh đáp :

« Thiếp thường được hầu cạnh Ngọc - Hoàng, có nghe các tiên nói truyện rằng : « Vạn nhà Hồ đã hết, đến năm Bình-tuất có việc binh-đao, chết hại hơn hai mươi vạn người. Ai không vun giống cây đức, sẽ mắc vào nạn ấy. Bao giờ có chân-nhân họ Lê khởi lên thì mới yên ». — Vậy chàng cố dạy hai con, phải vững lòng mà theo ông họ Lê, thiếp đâu đã chết cũng còn được tiếng về sau ».

Hai vợ chồng truyện trò đến gần sáng mới biệt.

Trọng-Quý hết sức dạy dỗ hai con cho đến lúc thành người.

Vua Lê Thái-Tổ khởi nghĩa ở Lam-son, hai con đầu quân về sau làm đến Thi - nội.

Bây giờ ở phủ Khoái - châu con cháu nhà ấy vẫn còn thịnh.

Đền thờ đức Lê - như - Hồ

Đền này ở xã Tiên-châu, huyện Tiên-lữ, cách huyện-ly 7 cây số.

Lê-như-Hồ người làng Tiên-châu, to nhưn, đầy đà, cao 5 thước 5 tấc, lưng rộng một thước rưỡi, nhà nghèo, nhưng hiếu học, ăn thực khỏe, mỗi bữa nôi bảy cơm vẫn chưa no.

Học được nửa năm, nhà nghèo không đủ ăn, phải ở gửi rề một nhà giàu ở làng Thiện-phiến (huyện Tiên-lữ). Nhà vợ cho ăn mỗi bữa một nôi năm cơm. Như-Hồ vẫn thường lơ lửng nhác học.

Bố vợ hỏi bố đẻ Như-Hồ :

— Trước tôi nghe nói : con ông rất chăm học, sao từ khi hẳn đến nhà tôi, sinh ra lười biếng, không chịu học là cứ làm sao ?

Bố đẻ hỏi :

— Từ khi cháu lại đây, ông cho cháu ăn uống thế nào ?

Bố vợ trả nhời :

— Mỗi bữa, nôi năm cơm rồi đấy !

— Nhà tôi tuy nghèo, vậy mà mỗi bữa cũng phải cho nó ăn nôi bảy cơm. Ông cho nó ăn ít lắm vậy, trách nào nó chẳng biếng học.

Bố vợ nghe nhời, mới cho ăn nhiều hơn trước. Từ bấy giờ Như-Hồ học thêm một vài tiếng lại thôi.

Mẹ vợ bảo chồng rằng :

— Ông khéo kén được rề quý hóa nhỉ ? Chỉ được bộ ăn khỏe, không ai bằng. Dù có gượng mà học chẳng nữa, cũng chẳng làm trò gì được tuồng hay ăn ấy.

Bố vợ biết điều bảo rằng :

— Nó ăn hơn người, sức nó tất phải hơn người, việc gì mà lo.

Mẹ vợ nói :

— Sức nó hơn người phải không? Được rồi. Nếu vậy, tôi có vài mẫu ruộng bỏ cỏ rậm kia, ông hãy bảo nó dọn cỏ đi cho tôi, xem nó có làm được không?

Như-Hồ nghe thấy nói như vậy, sáng sớm mai, lập tức vác dao ra ruộng. Đến chỗ gốc cây đa to, hiu hiu gió mát, bèn ngã mình rồi thiêm thiếp giấc nồng.

Mẹ vợ thấy rễ vác dao ra đồng, cũng đi chợ mua đồ ăn, về qua ruộng, thấy rễ nằm ngủ thiếp dưới gốc cây, khi tức bực lên, chạy tắt tả về bảo với chồng rằng :

— Ông còn bảo thối cơm nhiều cho nó ăn nữa thôi? Gớm mặt nó! Nó ra đồng dọn cỏ, mà từ sáng sớm đến giờ, vẫn còn nằm chương thây, chương sắc ở ngoài ấy, rễ ông quý thật!

Hai ông bà đưa nhau ra đồng xem. Không ngờ lúc bà mẹ vợ ra về thì Như-Hồ thức giấc, đi phát cỏ. Chỉ một lúc dọn sạch quang cả mẫu ruộng. Cả dưới ruộng chạy không kịp, chết nổi lều bều cả trên mặt nước. Khi hai ông bà đến nơi thì thấy ruộng đã sạch rồi, bấy giờ mới biết tài sức của Như-Hồ.

Khi lúa chín, mẹ vợ thối sẵn nồi hai mươi cơm, sai Như-Hồ ra gọi thợ gặt. Như-Hồ ra ngoài một lát, trở về nói dối rằng :

— Con đã gọi, nhưng không ai chịu làm, vậy để con ăn xong, sẽ gặt giúp mẹ.

Nói rồi, đi dọn cơm ra ăn, một mình đánh hết nồi hai mươi cơm. Mẹ vợ lấy làm quái lạ, nói rằng :

— Cối xay nào mà chửa được thế, có vỡ bung ra mất không?

Như-Hồ nói :

— Mẹ đừng ngại, việc gặt hôm nay, con xin nhận làm một mình.

Như-Hồ lấy một cây tre to làm đòn càn và đem sẵn liềm, hái, thừng, trạc ra đồng. Vừa được nửa buổi thì gặt xong hai mẫu ruộng lúa, bó làm bốn gánh quây về. Mẹ vợ từ đấy, mấy có bụng yêu, cho ăn thực no để học.

Làng bên cạnh có hội đánh vật, năm nào Như-Hồ cũng đến phá giải. Các đô-vật ai cũng chịu, không ai dám ganh sức với Như-Hồ (vì thế đặt tên là Như-Hồ).

Năm 30 tuổi, văn-chương lưng lẩy, đỗ Tiến-sĩ niên-hiệu Quang-Hòa nhà Mạc. Bấy giờ có người đỗ đồng-khoa với Như-Hồ tên là Nguyễn-Thanh, ở huyện Hoảng-hóa, tỉnh Thanh-hóa, có khi nói truyện đến gia-tư nhà mình. Như-Hồ nói bốn rằng :

— Gia-tư nhà bác, chỉ đủ tôi ăn một tháng là cùng.

Nguyễn-Thanh nói :

— Bác khinh tôi quá làm gì thế? Tôi tuy chẳng có gì nhưng cũng đủ cung-phụng bác được ba tháng.

— Thôi đừng nói ba tháng. Bác thử cho tôi ăn một bữa xem sao? Ông kia vắng nhời, hẹn ngày mời Như-Hồ vào chơi.

Đúng ngày, Như-Hồ đến thăm Nguyễn-Thanh. Không ngờ gặp ngày Nguyễn-Thanh đi vắng.

Như-Hồ nói với vợ Nguyễn-Thanh rằng :

— Tôi bạn với quan Nghè đây. Nhân có việc quan đi qua, có hơn ba-mươi đầy tớ, nhờ phu-nhân một bữa cơm.

Phu-nhân nhận nhời rồi lập tức sai người nhà làm thịt lợn, dọn năm sáu mâm cơm, mang ra.

Như-Hồ bảo người đầy-tớ rằng :

— Mày ra gọi chúng nó vào đây.

Lâu mãi không thấy một người nào, chỉ trọi một mình Như-Hồ, ngồi đánh hết cả sáu mâm cơm. Ăn xong, gửi nhời tạ ơn rồi đi.

Chiều tối, Nguyễn-Thanh trở về, vợ nói rằng :

— Hôm nay có một truyện, nực cười quá chừng. Có một người nói là bạn ông, nhân việc quan, đem nhiều đầy-tớ đi qua, nhờ một bữa cơm, Tôi tưởng thực, làm năm, sáu mâm cơm. Té ra chỉ một mình người ấy ngồi ăn, tôi ở trong buồng trông ra, cứ mỗi một bát và một miếng, ăn như hùm báo, chỉ một lát hết ba nồi cơm và sáu mâm cỗ. Không biết người hay quỷ đời.

Nguyễn-Thanh phàn nàn rằng :

— Đây là bạn tôi, trước hẹn đến chơi. Nhỡ ra quên mất, chắc là ông ta lại trách tôi sai hẹn.

Bữa khác, Nguyễn-Thanh nhân việc qua làng Tiên-châu, vào chơi Như-Hồ. Như-Hồ sai người nhà làm thịt hai con lợn béo, và thổi bốn mâm xôi, dọn ra hai bàn, mỗi bàn một con lợn, hai mâm xôi. Một bàn thế Nguyễn-Thanh, còn mình ngồi riêng một bàn. Nguyễn-Thanh ăn hết một góc mâm và một phần chia tư con lợn. Như-Hồ ăn hết sạch cả bàn mình, lại ăn thêm sang một góc xôi thịt ở bàn Nguyễn-Thanh. Sau cùng, còn một nửa để cho người nhà.

Nguyễn-Thanh thất kinh nói rằng :

— Ngày xưa, ông Mộ-Trạch đã có tiếng ăn khỏe, mà chỉ hết 18 bát cơm và 12 bát canh là cùng. Nếu ông ấy sinh ra đồng-thời với ông, cũng còn kém ông ba bực.

Hai ông cùng cười ầm cả lên.

Như-Hồ sang sứ Tàu, vua Tàu trọng vì tài, phong làm *Lưỡng-quốc Thượng-thư*. Khi trở về nước, làm quan đến Tả-thị-lang, chức Thiếu-bảo, tước Lữ-quận-công Xuân-giang-hầu, rồi về tri-sĩ. Thọ 72 tuổi.

Nay làng Tiên-châu có lập đền thờ. Đệ-niên ngày 26 tháng giêng, dân làng làm lễ tế ở đền.

Trong đền, có nhiều đối-liên, xin trích-dịch ra sau đây:

I

Thiên đĩnh kỳ tài văn lưỡng - quốc, 天 挺 奇 才 聞 兩 國
Danh thù dị lục túc thiên thu. 名 垂 異 錄 足 千 秋

Dịch :

*Trời sinh tài lạ, liêng Nam, Bắc,
Tên tạc bia vàng, rạng trước, sau.*

II

Lượng tự kiêm nhân Mộ - Trạch 量 自 兼 人 慕 澤 先
tiên-sinh dương thoái xá, 生 當 退 舍 天
Thuật năng chí vũ Bắc - triều 術 能 致 雨 批 朝
Thiên-tử cứu tri danh. 子 久 和 名

Dịch :

*Lượng bề hơn người, Mộ-Trạch Tiên-sinh nên nhượng bước,
Trước tiên hóa phép, Bắc-triều Thiên-tử phục cao tay.*

III

Nhân-vật riêm truyền Tiên-lữ ký, 人 物 艷 傳 仙 侶 記
Khoa danh phong thụ cô lê-dân. 科 名 豐 樹 故 黎 民

Dịch :

*Tiên-lữ truyền còn ghi sự-tích,
Lê-dân bước cũ nổi khoa-danh.*

IV

Tiên-sĩ bất hư Đường Lý-Giáng, 進 士 不 虛 唐 李 絳
Công-thần vô phụ Hán Tô-Khanh. 功 臣 無 負 漢 蘇 卿

Dịch :

*Tiên-sĩ nhà Đường, so Lý-Giáng,
Công-danh đời Hán, sánh Tô-Khanh.*

V

Tam giáp khoa danh khai địa 三 甲 科 名 開 地 勝
thắng, 兩 朝 官 爵 樹 文 風
Lưỡng-triều quan-tước thụ văn 兩 朝 官 爵 樹 文 風
phong.

Dịch :

*Ba giáp khoa-danh khai cuộc đất,
Hai triều quan-tước nổi làn văn.*



VI

Vạn cổ sùng từ tiêu thán tích. || 萬 古 崇 祠 標 勝 蹟
 Thiên thu cô-lý ngưỡng linh thanh. || 千 秋 故 里 仰 靈 聲

Dịch

*Muôn kiếp đền cao nêu dấu lạ,
 Nghìn năm làng cũ hiển thần thiêng.*

VII

Hoàng hoa sứ mệnh đàng Nam Bắc || 皇 華 復 命 滕 南 北
 Kim-bảng phương danh chân cổ kim || 金 榜 芳 名 振 古 今

Dịch :

*Hoàng hoa cờ Sứ bay đôi ngả,
 Kim bảng danh cao nước mây đời.*

Hồ Bán - Nguyệt

Hưng-yên xưa ở trên bờ bãi, địa-thể gồm một phần tỉnh-ly ngày nay, hạt Kim-động và hạt Khoái-châu.

Về sau, sông, bãi bồi-đắp mãi cho địa-thể Hưng-yên rộng thêm ra.



Bề mỗi ngày một lùi ra ngoài. Sông Phú-lương là một chi-lưu sông Nhị-hà chảy theo chiều khác. Một phần lòng sông Phú-lương thành hồ Bán-Nguyệt (hình nửa mặt giăng), tới nay hã còn di-tích.

Trải qua mấy thế-kỷ, nước hồ vẫn xanh-biểu phản chiếu ánh-sáng mặt trời và tòa Sứ sây trên bờ hồ...

Đền, chùa có danh - tiếng ở tỉnh Hưng - yên

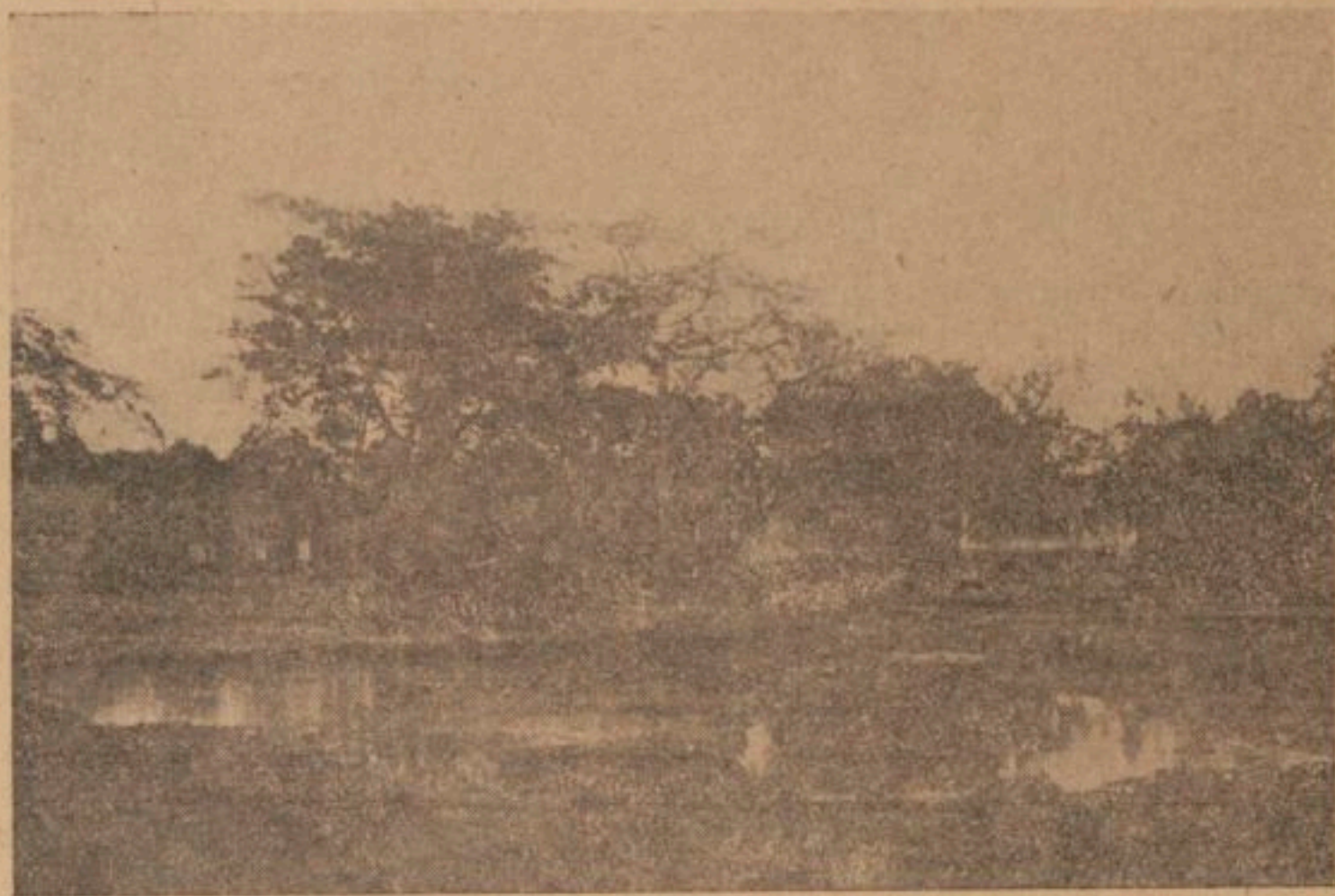
PHỦ, HUYỆN	TÊN ĐỀN, CHÙA	THUỘC XÃ NÀO	THỜ THẦN GÌ	NGÀY KỶ
Ân - thi	Đền Cầm-la	La-chàng	Đế-Thích	6 đến 15 tháng giêng
	Đền Đầu-tré	Trà-phương	Thái-thượng Lão-quân	9 đến 12 tháng giêng
	Đền Phù-ủng	Phù-ủng	Phạm-ngũ-Lão	13 đến 25 tháng giêng
Khoái - châu	Đền Đa-hòa	Đa-hòa	Chữ-dòng-Tử	Bất thường
Kim - động	Đền Mậu-dương	Mậu-dương	Dương Thái-Hậu	10 đến 13 tháng giêng
	Chùa Chuông	Nhân-dục	Phật	18 tháng giêng
	Đền Nguyệt-dương	Sích-dăng	Sáu vị sư-tổ	Bất thường
	Đền Đẳng-giang	—	Một vị anh-hùng đời Lý	20 đến 23 tháng sáu
	Đền Mây	Đẳng-châu	Phạm-bach-Hồ	20 đến 23 tháng tám
Tiên - lữ	Đền Đậu-an	An-xá	Năm vị thần	6 đến 12 tháng tu
	Đền Vương	Dỵ-chế	Ngô-Vương	6 đến 10 tháng tu
	Đền Tiên-châu	Tiên-châu	Lê-như-Hồ	26 tháng giêng
	Đền Quốc-sư	An-chiều	Trạng Lợn	15 tháng sáu 15 tháng mười
	Đền Đào-đặng	Đào-đặng	Đào-Nương	Bất thường
Phù - cử	Đền An-cầu	An-cầu	Tổng-Trân	5 tháng năm
	Đền Phù-anh	Phù-anh	Cúc-Hoa	15 tháng tám
	Đền Hoàng-tranh	Hoàng-tranh	Đoàn-Thượng	7 tháng giêng 15 tháng bảy
Yên - mỹ	Đền Thiên-đế	Liêu-hạ	Tiên-Thiên Đế-Thích	9 tháng giêng
	Đền Liêu-trung	Liêu-trung	Thạch-Quang Thánh Bà	18 tháng giêng
Mỹ - hào	Đền Đông-hải Đại-vương	Yên-nhân	Đoàn-Thượng	Bất thường
Văn - lâm	Đền Tu-pháp	Thái-lạc Hạnh-lạc	Bốn vị thiên-thần	Bất thường
	Đền Dương Thái-Hậu	Cát-lư Nghĩa-lộ	Dương Thái-Hậu	Bất thường
	Chùa Ông	Đình-loan	Từ-đạo-Hạnh	Bất thường

Phố - hiến

Niên - hiệu Quang-Hưng nhà Lê (1578-1599), lập ra Sơn-nam-chấn, đóng ở phía Bắc bến dò thuộc xã Nhân-dục. Nơi ấy gọi là Phố-hiến, gần cửa bể. Thời bấy giờ có mở cảng cho các nước thông-thương, nhưng chỉ cho ở Vạn-lai-triều, cấm không được đến buôn bán ở Kinh - thành Thăng - long.

Ở Phố-hiến, có các lâu - đài gọi là *Hiến - nam cồ - cung*. Dân-cư rất đông-đúc và phồn-thịnh. Có hai nghìn nóc nhà ngói, là một nơi đô-hội thứ nhì nước ta thời bấy giờ, cho nên tục-truyền có câu:

« Thứ nhất Kinh-kỳ, thứ nhì Phố-hiến ».



Người các nước đến buôn, có người Hòa-lan, Bồ-đào-nha, Mã-lai, Xiêm-la, Nhật-bản, Anh-cát-lợi, Trung-hoa, đông nhất là người Trung-hoa và người Nhật-bản.

Người ngoại-quốc muốn lên đất Bắc-kỳ, trước hết phải xin phép quan Tổng-đốc miền hải-đạo đóng ở Hưng-yên (thường gọi chung là Phố-hiến). Tàu buôn ngoại-quốc phải xin phép buôn bán và nộp thuế nhập-cảng, rồi mới được rẽ hàng đem lên bộ.

Người Bồ-đào-nha, người Hòa-lan đến trước nhất, từ năm 1637, lập các thương-đoàn. Người Pháp, người Anh-cát-lợi đến Phố-hiến năm 1672, ở một cái nhà tre âm-thấp, chung quanh có hào và làm trên một miếng đất của một người Tàu.

Thương-đoàn Anh-cát-lợi buôn bán ở Bắc-kỳ trong vòng 25 năm, lập được cả thương-cục ở kinh-đô Hà-nội là chỗ vua Lê đóng.

Người Hòa-lan buôn bán phát-đạt hơn cả.

Người Bồ-đào-nha chỉ chú-ý đến việc truyền-giáo. Họ khéo lợi-dụng tiếng của họ, làm thành một thứ tiếng thông-dụng cho các người ngoại-quốc và người bản-xứ, trong các việc giao-dịch. Người minh theo đạo Gia-

tò thường lấy tên Bồ-đào-nha, và làm thông-ngôn cho người ngoại-quốc. Nhờ có các cố-đạo Bồ-đào-nha mà người Anh biết phong-tục và luật-pháp xứ Bắc-kỳ.

Người Pháp buôn bán ít và việc truyền-giáo của người Pháp lúc ấy chưa được bành-chướng mấy.

Năm 1696, người mình rất ghét đạo Gia-tô. Tháng juillet năm ấy, một ông cố người Pháp và mấy ông cố người Bồ-đào-nha bị trục-xuất ra ngoài thành Thăng-long. Được vài hôm, quan Tổng-đốc Hiến-nam được lệnh đuổi mấy vị thầy tu ra khỏi xứ Bắc-kỳ. Người ngoại-quốc bị nhiều nỗi phiền-phức.

Các quan ta cấm người Anh không được treo cờ, vì cờ có dấu chữ thập; sau lại lấy cờ ấy đốt đi.

Lại có lệnh cấm người ngoại-quốc không được cưỡi ngựa hay ngồi võng sơn sơn, vì chỉ riêng họ tôn-thất hay các quan đại-thần mới được đặc-biệt dùng ngựa, võng.

Vua Lê Hi-Tôn xuống chiếu đuổi các người ngoại-quốc ra khỏi Bắc-kỳ. Phố-hiến dần dần mất vẻ phồn-thịnh.

Người ngoại-quốc thấy buôn bán không được phát-đạt và gặp nhiều nỗi khó khăn, lần lượt rủ nhau về nước.

Người Hòa-lan dời Phố-hiến sau cùng, về năm 1700.

Người Trung-hoa ở lại buôn bán với người mình, phần nhiều cùng đồng-hóa với dân ta.

Người Nhật-bản buôn bán ở Hiến-nam ngót một thế-kỷ. Về sau, nước Nhật có lệnh tỏa-cảng, không cho người Nhật được ra ngoại-quốc, mà người Nhật ở ngoại-quốc cũng không được về nước, nên người Nhật sót lại ở Phố-hiến, sau cũng dần dần đồng-hóa với dân ta.

Bấy giờ, Hiến-nam có phố Bắc-hòa và phố Nam-hòa (Nam là ta, Bắc là Tàu, Hòa là Nhật) của người Tàu, người Nhật và người mình ở lẫn với nhau.

Phố-hiến xưa là nơi phồn-hoa đô-hội, mà nay biến-thiên đã lắm. Di-tích ba, bốn trăm năm về trước, còn lại vài căn nhà cổ, vài nơi đền, chùa, kiến-trúc rất cũ, mấy ngôi mộ người Nhật; Hoa, một vài bia đá đứng trơ trơ trên lưng rùa đá, rêu xanh che phủ, chữ khắc phai mòn. Trong các đền, có nhiều câu đối chữ Tàu rất đẹp, đồ ngũ-sự, bàn thờ thực cổ.

Ngoài các di-tích ấy, còn một ít đậu Hòa-lan là thổ-sản của người Hòa-lan đưa sang từ bốn trăm năm về trước.

Trải qua bao cuộc bể giâu, Phố-hiến xưa chỉ còn lại cái tên không, truyền-tụng trong các thôn xóm, cùng với ngọn cỏ lá cây, trường-tồn!

Câu - đối tả - cảnh Phố - hiến :

Bách niên đô-hội, tôn di - chỉ, 百 年 都 會 存 遺 趾
Thiên-lý quan-chiêm, thuyết cự- 千 里 觀 貼 說 首 圻
kỳ.

Dịch :

*Trăm năm, xum họp tòa di - chỉ,
Nghìn dặm, xem nom chôn cự - kỳ.*

Hưng - thành

Hưng-thành đắp từ năm 1831 về triều Minh-mạnh, xa bờ sông Nhị-hà 900 thước tây và giáp địa-phận bốn xã.

Có bốn cửa : Đông, Tây, Nam, Bắc ; chung quanh đo được 380 trượng 4 thước và bề cao một trượng.

Vòng quanh thành là hào. Trước quan quân ta đóng ở đây.

Về sau, tỉnh Hưng-yên thuộc quyền nước Pháp bảo-hộ, thành cũ cũng dần dần biến - thiên. Lâu - dài dinh - thự không còn gì là di - tích, để lại một cánh đồng rộng rãi, ngày nay thuộc quyền sở-hữu nhà chung.



Bờ thành nhiều chỗ sạt lở, còn vài cái mô đất cao độ bốn, năm thước tây, dùng làm trường bia của nhà binh bản-tỉnh.

Vận trời thay đổi, cuộc thế bề giâu, hào chung quanh thành, vẫn nước xanh phản-chiếu chân thành. Tỉnh thoảng theo luồng gió mát

hiu hiu, thoang thoang hương sen, du hồn điều - cổ : dương bàng-khuáng với cảnh cũ ; ngư-ngần ngậm ngùi : vì cuộc thế biến-thiên, thắng-tích tro tàn...

Thành Đồng - lý

Trước khi nước Nam thuộc quyền bảo-hộ nước Pháp, Nam-triều đã hạ chỉ đời sở - tại tỉnh Hưng - yên về địa-phận xã Đồng - lý thuộc huyện Kim-động. Dinh-thự, kho-tàng, thành - quách đã xây-dựng.

Chợt nước Pháp đem binh sang lấy nước Nam, các công cuộc ấy trở rang đều phải phá - hoại.

Hiện nay, còn dấu vết thành cũ ở địa-phận xã Đồng-ly.

Chùa Chuông

Tên chữ là *Kim - chung tự*, của người Tàu dựng lên ở xã Nhân-duc, cách tỉnh - lý Hưng-yên độ 1 cây số.

Trong chùa, có nhiều tượng khắc bằng gỗ, bày tỏ những hình-phạt ở dưới thập - điện vua Diêm - Vương.

Trên nóc chùa, một bên là gác chuông đồng, một bên là gác khánh đá.

Tục truyền : người Tàu sang nước ta làm ăn phát - đạt, lúc trở về nước, làm ngôi chùa này, dẫn cửa dưới các tượng đất. Sau họ lại sang, lấy cửa đem về.

Kim - chung tự có đối - văn dịch ra sau này :

I

Đông	Tháng - thân - châu,	Nam	東	勝	神	洲	南	瞻	部
Chiêm-bộ-châu,	Tây	Ngưu-hóa-		洲	西	牛	貨	洲	地
châu,	Bắc	Câu-lư-châu,		俱	廬	浙	常	轉	法
thường	chuyên	pháp - luân		輪	于	四	代		
vu tứ - đại,	A-di-dà	phật, Di-lạc-	阿	彌	陀	佛	彌	勒	尊
Mâu-	ni-văn	phật, Quan-thê-		佛	牟	尼	文	佛	觀
âm	phật	hoàng khai		世	音	佛	宏	開	道
đạo	ư tam	thiên		教	於	三	千		

DỊCH :

Châu Thắng-thân-châu, Chiêm-bộ-châu, Ngưu-hóa-châu, Câu-lư, Nam, Bắc, Đông, Tây, thường chuyên phép thiêng trong bốn cõi,

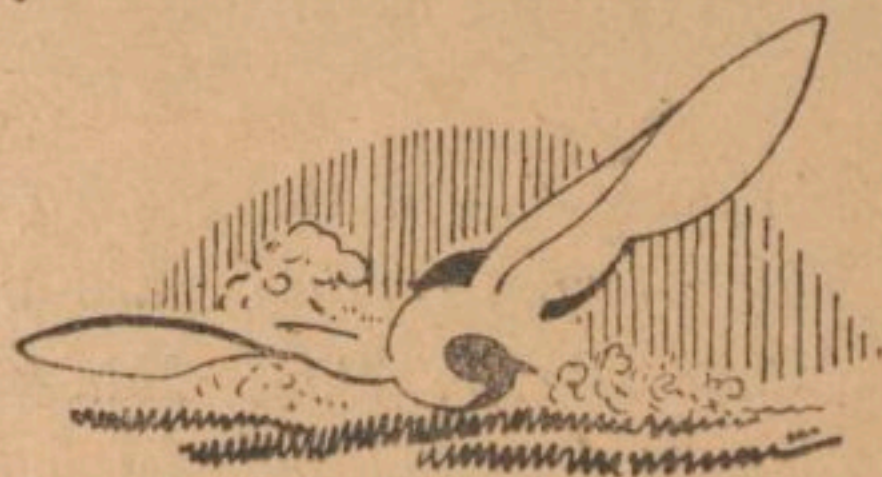
Phật Di-dà, Phật Di-lạc, Phật Mâu-ni, Phật Bồ-tát, từ-bi quảng-dại, rộng ra đạo sáng khắp ba nghìn.

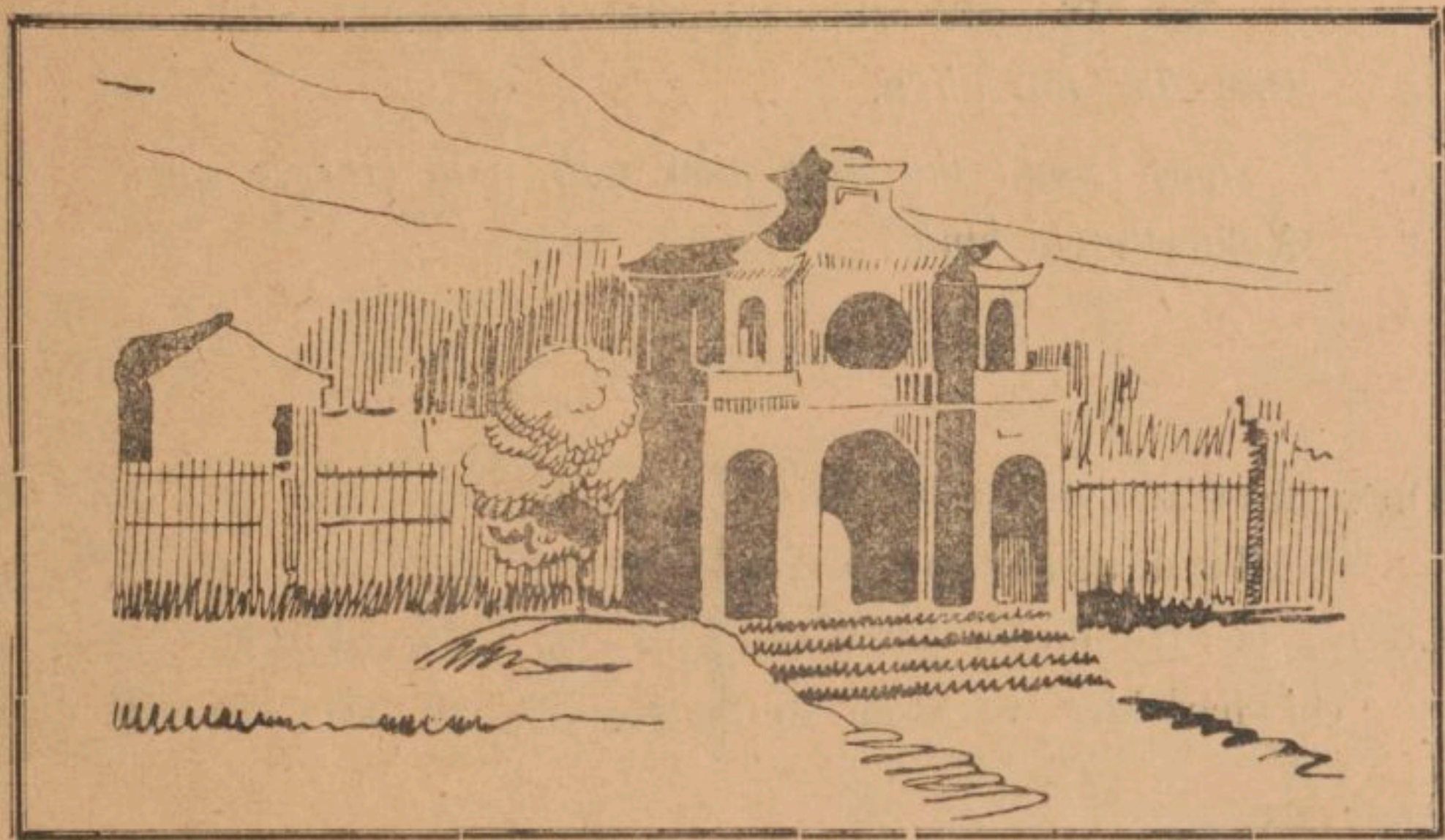
Nho Thích nguyên lai tổng nhất ban,	儒 釋 原 來 總 一 般
Hiện thân thuyết pháp, các dăng dàn	現 身 說 法 各 登 壇
Hiếu, trung, bản rục, đôn tâm học,	孝 忠 本 欲 衰 心 學
Nhân-quả, hoán tương chứng thiện doan.	因 果 還 將 証 善 端
Mộc-đạc hoán tinh thiên-cổ mộng,	木 鐸 喚 醒 千 古 夢
Kim-chung hạt phá chúng - sinh ngoan.	金 鐘 喝 破 衆 生 頑
Ngô nhân tự hữu, ngô nhân sự,	吾 人 自 有 吾 人 事
Đại đạo vô cùng thiên địa đản.	大 道 無 窮 天 地 間

Dịch :

*Nho, Thích nguồn xưa, vốn một làn,
Hiện mình giảng đạo, lúc lên đàn.
Hiếu, trung, ghi lấy đờng, tâm-học.
Nhân-quả, gây nên môi thiện-doan.
Mồ gỗ vang tai người mộng-mỵ,
Chuông vàng rức óc kẻ ngu ngoan.
Cuộc đời, ai ấy, riêng từng việc,
Đạo cả bao cùng cõi thế-dan.*

(Hai bài chữ nho này của quan Tuần - phủ Hưng - yên Tôn - thất - Đản đề năm Canh - ngô niên - hiệu Tự - đức).





Văn - miếu Hưng - yên

VII

HUNG-YÊN VĂN-MIẾU



Văn - miếu tỉnh Hưng - yên thuộc địa - phận xã Sich - đặng cách tỉnh - lý 2 cây số.

Trong thờ đức Khổng - phu - Tử và các chư - hiền. Mỗi năm, mùa xuân, mùa thu, hai lần quốc - tế.

Có rất nhiều câu - đối hay, xin trích - dịch ra sau.

Bên hữu - vũ, có tám bia đá khắc tên các vị đại - khoa (từ Tiến - sĩ trở lên). Xem vậy đủ rõ tỉnh Hưng - yên là một đất văn - vật, lắm bực kỳ - tài. Xin chép các văn - bia ra sau này:

I

Phu-Tử rữ thiên - địa, tham thiên - địa vi tiêu, Phu-Tử vi đại, Xuân - thu phi ngũ - kinh, tỉ ngũ - kinh thị giáo, Xuân-thu thị hình.

夫	子	與	天	地	參	天
地	爲	小	夫	子	爲	大
春	秋	非	五	經	比	五
經	是	教	春	秋	是	刑

DỊCH :

*Đức Phu-Tử sáng trời đất, trời-đất thì nhỏ,
Phu-Tử thì lớn,
Sách Xuân-thu khác năm kinh, năm kinh là giáo,
Xuân-thu là hình.*

II

Thiên tức thánh, thánh tức thiên,	天	即	聖	聖	郎	天	夫
Phu-Tử dĩ tiên kỳ vô Phu-Tử,	子	以	前	既	無	夫	子
Cụ nhi tác, tác nhi cụ, Xuân-thu	懼	而	作	作	而	懼	春
chỉ hậu khả vô Xuân-thu.	秋	之	後	可	無	春	秋

DỊCH :

*Trời tức thánh, thánh tức trời, trước lúc chưa sinh dăng
Phu-Tử, chưa từng có dăng Phu-Tử,
Sợ mà làm, làm mà sợ, sau khi đã có sách Xuân-thu,
không thể không sách Xuân-thu.*

III

San lục-kinh, định thi-thư, thùy	刪	六	經	定	詩	書	垂
vạn thê, vi đại bản dã,		萬	世	爲	大	本	也
Tác chư-sử, chế lễ-nhạc, quán	作	諸	史	制	禮	樂	冠
cổ-kim, kỳ-đức thịnh hồ.		古	今	其	德	盛	乎

DỊCH :

*Sửa sáu-kinh, định thi, thư, rú dạy muôn đời,
gốc nhơn ở đó,
Làm mọi sử, định lễ-nhạc, hơn hết xưa nay,
đức thịnh, dường nào.*

Bia khắc tên các vị Đại-khoa

Bia thứ nhất

Tống-Trân (宋珍), người xã An-cầu, huyện Phù-cừ, đỗ Trạng-nguyên năm Giáp-thìn nhà Trần.

Nguyễn-trung-Ngạn (阮忠彦), người xã Thổ-hoàng, phủ Ân-thị, đỗ Hoàng-giáp.

Nguyễn-Thành (阮誠), người xã An-lạc, huyện Tiên-lữ, đỗ Hoàng-giáp năm Canh-thìn nhà Hồ, làm quan đến chức Tế-tửu.

Đào-công-Soạn (陶公僎), người xã Thiện-phiến, huyện Tiên-lữ, đỗ Giáp-đệ năm Bình-ngọ nhà Lê, làm quan đến Thượng-thư.

Trần-Phong (陳封), người huyện Tiên-lữ, làm quan đến chức Thái-bảo triều Lê.

Vũ-Lâm (武覽), người xã Tiên-cầu, huyện Kim-dộng, đỗ Hoàng-giáp năm Nhâm-tuất nhà Lê, làm quan đến chức Ngự-tiền học-sinh.

Nguyễn-duy-Tác (阮維則), người xã Thiện-đông, huyện Tiên-lữ, đỗ Tiến-sĩ năm Nhâm-tuất nhà Lê, làm quan đến chức Hiến-sát.

Trần-Đương (陳當), người xã Lạc-thủy, phủ Khoái-châu, đỗ Tiến-sĩ năm Nhâm-tuất nhà Lê, làm chức Giám-sát.

Đặng-Tuyên (鄧宣), người xã Vực-đường, phủ Ân-thị, đỗ Hội-nguyên năm Mậu-thìn nhà Lê, làm quan đến Thừa-chỉ.

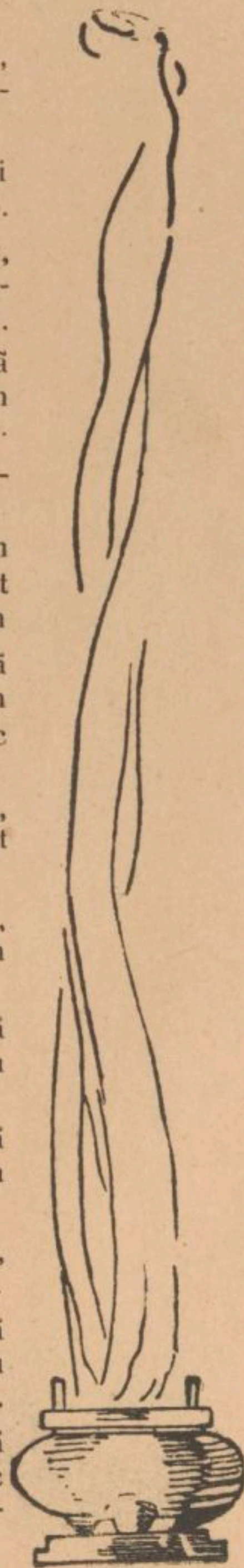
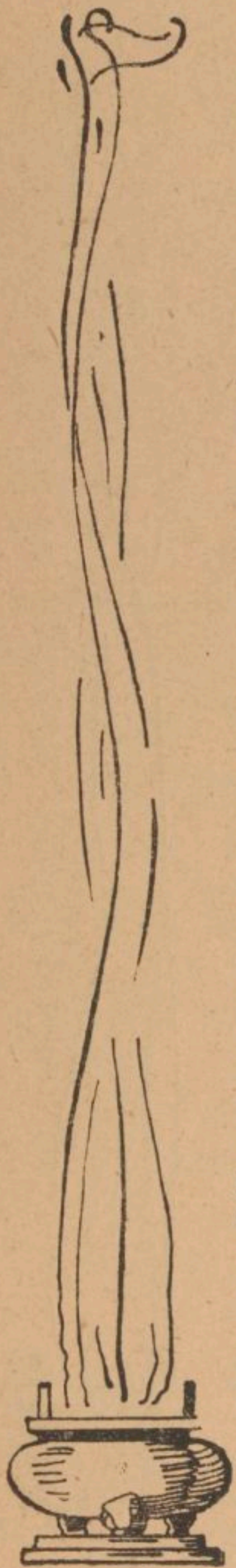
Trần-cảnh-Mô (陳景謨), người xã Lạc-thủy, phủ Khoái-châu, đỗ Tiến-sĩ năm Quý-dậu nhà Lê.

Nguyễn-khắc-Tân (阮克津), người xã Bán-thạch, huyện Phù-cừ, đỗ Tiến-sĩ năm Quý-dậu nhà Lê.

Cáp-Phùng (蓋馮), người xã Thổ-hoàng, phủ Ân-thị, đỗ Tiến-sĩ năm Quý-mùi nhà Lê.

Nguyễn-văn-Chính (阮文正), người xã Dương-trạch, huyện Đông-yên (nay là phủ Khoái-châu) đỗ Tiến-sĩ năm Quý-mùi nhà Lê.

Nguyễn-việt-Lương (阮曰良), người xã Nham-làng, huyện Hưng-nhan (nay thuộc tỉnh Thái-bình) đỗ Hoàng-giáp năm Bình-tuất, làm quan đến Thượng-thư.



Bia thứ hai

Nguyễn - Chương (阮章), người xã Thiên-dông, huyện Tiên-lũ, đỗ Tiến-sĩ năm Bình-tuất nhà Lê.

Phạm-phúc-Chiêu (范福昭), người xã Tư-hồ, huyện Đông-yên (nay là phủ Khoái-châu) đỗ Hoàng-giáp triều Lê, làm quan đến chức Đông-các.

Lê-Bột (黎勃), người xã Mễ-sở, huyện Đông-yên, đỗ Hoàng-giáp triều Lê, làm quan đến chức Hiến-sát.

Nguyễn-Tuấn (阮俊), người xã Đại-quan, huyện Đông-yên đỗ Hoàng-giáp triều Lê, làm quan đến chức Thị-lang.

Nguyễn-minh-Khang (阮明康) người xã Phúc-hải, huyện Hưng-nhân (nay thuộc tỉnh Thái-bình) đỗ Tiến-sĩ năm Ất-mùi nhà Lê, làm quan đến Thị-lang.

Đào-cảnh-Hướng (陶景颺), người xã Bàn-thủy, huyện Kim-dộng, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thị-lang.

Vũ-tín-Biểu (武信表), người xã Bình-lãng, huyện Ân-thị (nay là phủ Ân-thị) đỗ Tiến-sĩ triều Lê.

Phạm-dôn-Lễ (范敦禮), người xã Hải-triều, huyện Hưng-nhân (nay thuộc tỉnh Thái-bình) đỗ Tam-nguyên triều Lê làm quan đến Thị-lang.

Lê-hiến-Phủ (黎猷甫), người xã Lạc-thủy, huyện Đông-yên, đỗ Bảng-nhơn triều Lê.

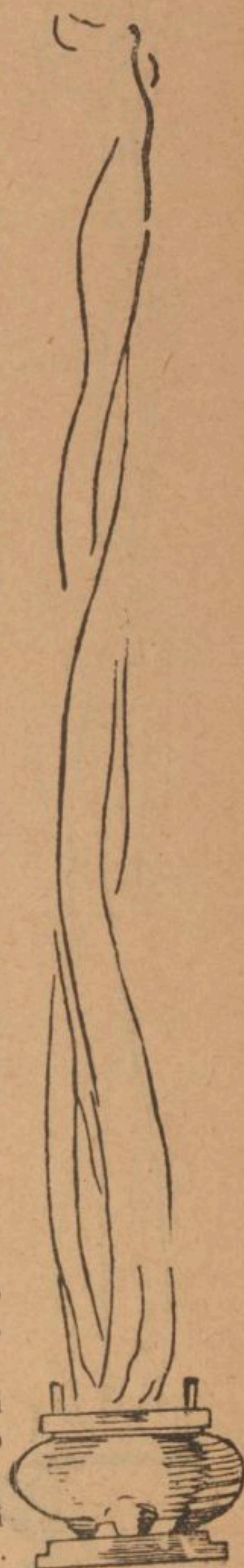
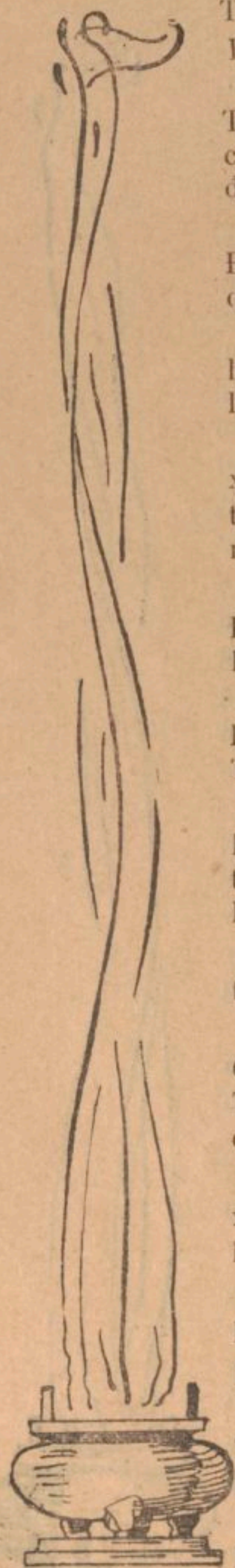
Nguyễn-hán-Đình (阮漢庭), người xã Cỗ-quan, huyện Thần-kê (nay thuộc tỉnh Thái-bình) đỗ Hoàng-giáp triều Lê, làm quan đến Thượng-thư.

Phan-tôn-Liên (潘宗輦), người xã Lôi-xá, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến chức Đô-cấp-sự-trung.

Nguyễn-Lệ (阮礪), người xã Bình-hồ, huyện Kim-dộng, đỗ Hoàng-giáp triều Lê, làm quan đến Thị-lang.

Nguyễn-thuần-Hồ (阮純澗), người xã Trà-mạc, huyện Ân-thị, đỗ Hoàng-giáp triều Lê, làm quan đến chức Giám-sát.

Nguyễn-châu-Chu (阮珠洙), người xã Bình-hồ, huyện Kim-dộng, đỗ Tiến-sĩ triều Lê.



Bia thứ ba

Nguyễn-nho-Tôn (阮儒宗), người xã Vũ-dương, huyện Ân-thị, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thượng-thư.

Nguyễn-tủng-Mục (阮竦穆), người xã Hiến-nạp, huyện Duyên-hà (nay thuộc tỉnh Thái-bình), đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thị-lang.

Đoàn-huệ-Nhu (段惠柔), người xã Phù-vệ, huyện Hưng-nhan (nay thuộc tỉnh Thái-bình) đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến chức Thừa-chánh-sứ.

Đỗ-thuần-Thông (杜純聰), người huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến chức Thừa-chánh-sứ.

Lê-tĩnh-Hiếu (黎靜孝), người xã Phúc-hải, huyện Hưng-nhan, đỗ Tiến-sĩ triều Lê.

Lương-đức-Uy (梁德威), người xã Đào-xá, huyện Kim-động, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến chức Thừa-chánh-sứ.

Bùi-lệnh-Tá (裴令佐), người xã Đặng-xá, huyện Thiên-lữ, đỗ Hoàng-giáp triều Lê, làm quan đến chức Cấp-sự-trung.

Phạm-nguyên-Chân (范元振), người xã Hải-triều, huyện Hưng-nhan, đỗ Hoàng-giáp triều Lê, làm quan đến Đô-ngự-sứ.

Nguyễn-ích-Đoán (阮益斷), người xã Tư-hồ, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, chức Hàn-lâm.

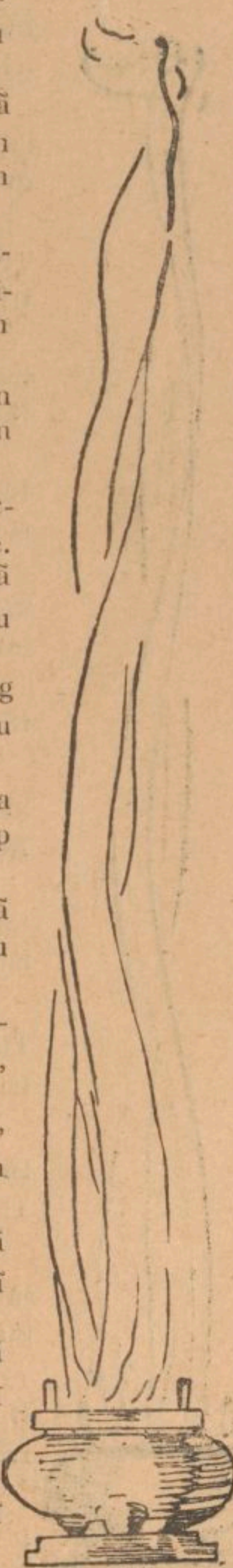
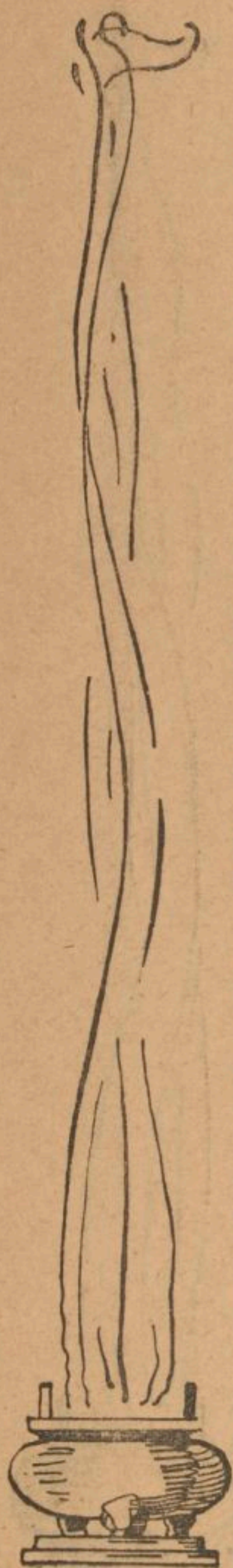
Trình-chí-Sâm (程志森), người xã Tư-hồ, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thượng-thư.

Nguyễn-Tử (阮泗), người xã Bình-hồ, huyện Kim-động, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến chức Giám-sát.

Đặng-tháo-Giám (鄧操鑑), người xã Phượng-tương, huyện Thiên-lữ, đỗ Tiến-sĩ triều Lê.

Lê-thừa-Hưu (黎承休), người xã Đông-ninh, huyện Hưng-nhan, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm đến chức Đô-cấp-sự-trung.

Nguyễn-văn-Kiệt (阮文傑), người xã Phù-xá, huyện Hưng-nhan, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Đô-ngự-sứ.



Bia thứ tư

Nguyễn-thê-Mỹ (阮世美), người xã Lương - trụ, huyện Tiên - lữ, đỗ Tiến - sĩ triều Lê, làm quan đến Thừa - chánh - sử.

Trần-Huyền (陳暉), người xã An-tảo, huyện Kim - động, đỗ Tiến - sĩ triều Lê, làm quan đến Đô - ngự - sử.

Nguyễn-văn-Bính (阮文炳), người xã Thổ - hoàng, huyện Ân - thi, đỗ Tiến - sĩ triều Lê, làm quan đến Đô-cấp-sự.

Nguyễn-Dự (阮豫), người xã Mỹ - xá, huyện Hưng - nhân, đỗ Tiến - sĩ triều Lê tặng phong Đô - ngự - sử.

Quách-thu-Ứng (郭秋鷹), người xã Phượng - tường, huyện Tiên - lữ, đỗ Tiến - sĩ Triều Lê.

Nguyễn-Kiều (阮橋), người xã Lưu-xá, huyện Đông - yên, đỗ Tiến - sĩ triều Lê, làm quan đến Cấp - sự - trung.

Lê-văn-Học (黎文學), người xã Mát-lồi, huyện Đông-yên, đỗ Tiến - sĩ triều Lê.

Lại-gia-Phúc (賴嘉福), người xã Mỹ-xá, huyện Đông-yên, đỗ Hoàng - giáp triều Lê, làm quan đến Thị - lang.

Đặng-Ất (鄧乙), người xã Hải - triều, huyện Hưng - nhân, đỗ Hoàng-giáp triều Lê, làm quan đến chức Giám - sát.

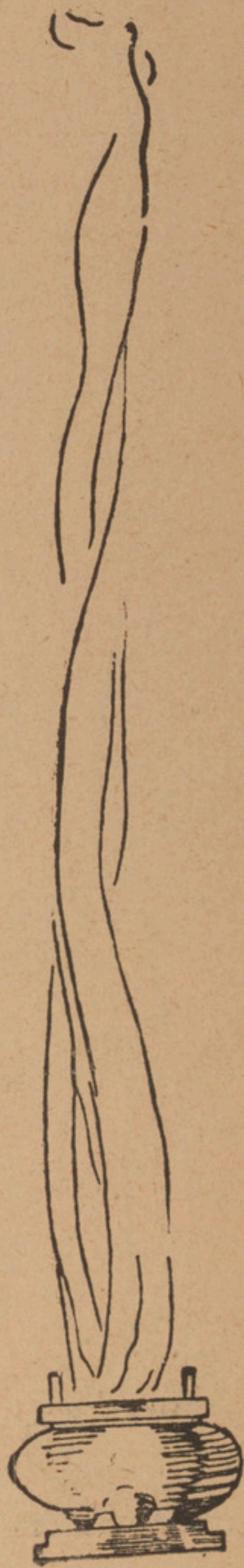
Nguyễn-chấn-Chi (阮振之), người xã Thổ - hoàng, huyện Ân - thi, đỗ Hoàng - giáp triều Lê, tặng Thị - lang.

Nguyễn-quán-Đạo (阮貫道), người xã Bình - dân, huyện Đông-yên, đỗ Hội - nguyên Thám-hoa triều Lê, làm quan đến Đông-các.

Vương-Dương (王洋), người xã Phượng-lâu, huyện Kim - động đỗ Tiến - sĩ triều Lê, làm quan đến chức Giám - sát.

Vương-hy-Tằng (王希曾), người xã Bích-kê, huyện Đông-yên, đỗ Tiến - sĩ triều Lê, làm quan đến chức Hiến - sát.

Đào-Nghiêm (陶巖), người xã Thiện-phiến, huyện Tiên-lữ, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thị - lang.



Bia thứ năm

Vũ-Đàn (武炫), người xã Thổ - hoàng
huyện Ân - thi, đỗ Tiến-sĩ triều Lê.

Đinh-Thụy (丁瑞), người xã Sài-quát,
huyện Đông - yên, đỗ Tiến - sĩ triều Mạc.

Lê-Cao (黎高), người xã Bình - dân,
huyện Đông-yên, đỗ Hoàng-giáp triều Mạc.

Nguyễn-Kỳ (阮琦), người xã Bình-dân,
huyện Đông-yên, đỗ Trạng-nguyên triều Mạc.

Lê-như-Hổ (黎如虎), người xã Tiên-
châu, huyện Tiên - lữ, đỗ Tiến - sĩ triều
Mạc, làm quan đến Quận - công.

Đinh-Tú (丁琇), người xã Nam-trì,
huyện Ân - thi, đỗ Tiến - sĩ triều Mạc.

Vũ-Hạo (武灝), người xã Phượng - lâu,
huyện Kim - động, đỗ Tiến - sĩ triều Mạc,
làm quan Hiến - sát.

Nguyễn-chính-Dụng (阮政用), người
xã Lai - xá, huyện Phù - cử, đỗ Tiến - sĩ
triều Mạc.

Tạ-Nhi (謝備), người xã Phượng-tường,
huyện Tiên - lữ, đỗ Tiến-sĩ triều Mạc, làm
quan Hiến - sát.

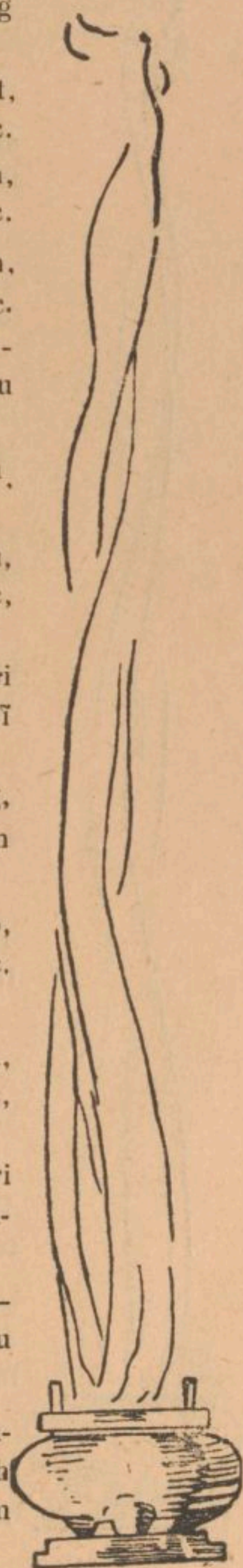
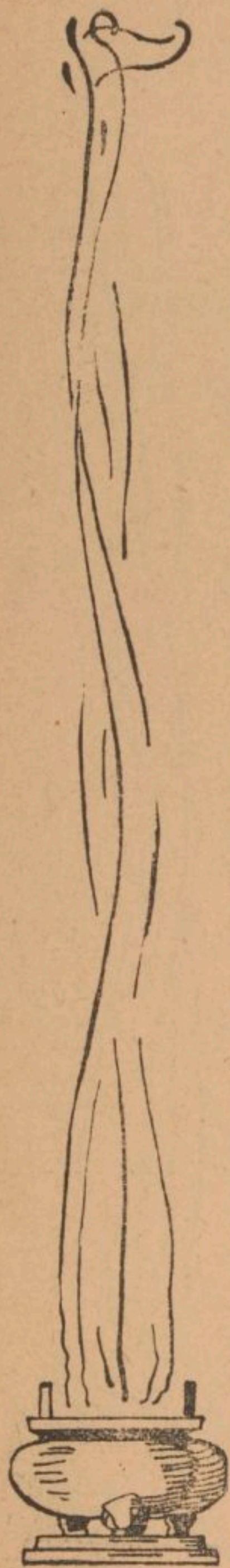
Trần-Văn (陳聞), người xã Ngũ-lão,
huyện Phù-cử, đỗ Bảng-nhơn triều Mạc,
làm quan đến Thượng-thư.

Đào-Trân (陶珍), người xã Đào - xá,
huyện Đông - yên, đỗ Tiến - sĩ triều Mạc,
làm quan đến chức Hiến - sát.

Nguyễn-mậu - Thông (阮茂聰), người
xã Dưỡng - phú, huyện Kim - động, đỗ Tiến-
sĩ triều Mạc, làm quan Giám-sát.

Hoàng-Tuân (黃詢), người xã Thổ-
hoàng, huyện Ân-thi, đỗ Bảng - nhơn triều
Mạc, làm quan đến chức Tham - chính.

Nguyễn-Uyên (阮淵), người xã Nham-
làng, huyện Hưng-nhân (nay thuộc tỉnh
Thái - bình) đỗ Tiến - sĩ triều Mạc, làm
quan đến chức Thượng - thư.



Bia thứ sáu

Nguyễn - Quang (阮珙), người xã Linh-hạ, huyện Tiên-lữ, đỗ Tiến-sĩ triều Mạc, làm quan đến chức Thiêm-sự.

Nguyễn - đức - Chân (阮德珍), người xã Mai-xuyên, huyện Ân-thị, đỗ Tiến-sĩ triều Mạc, làm quan đến chức Tham-chính.

Đặng - Cơ (鄧基), người xã Chiền-kiều, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Mạc, làm quan đến chức Hiến-sát.

Đào - Phạm (陶範), người xã Thiện-phiến, huyện Tiên-lữ, đỗ Tiến-sĩ triều Mạc, làm quan đến chức Tham-chính.

Hoàng - chân - Nam (黃真男), người xã Thổ -hoàng, huyện Ân-thị, đỗ Tiến-sĩ triều Mạc, làm quan đến Đông-các.

Nguyễn-Trạch (阮澤), người xã Nham-làng, huyện Hưng-nhân, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thị-khanh.

Phạm - lập - Lễ (范立禮), người xã Phi-binh, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thị-lang.

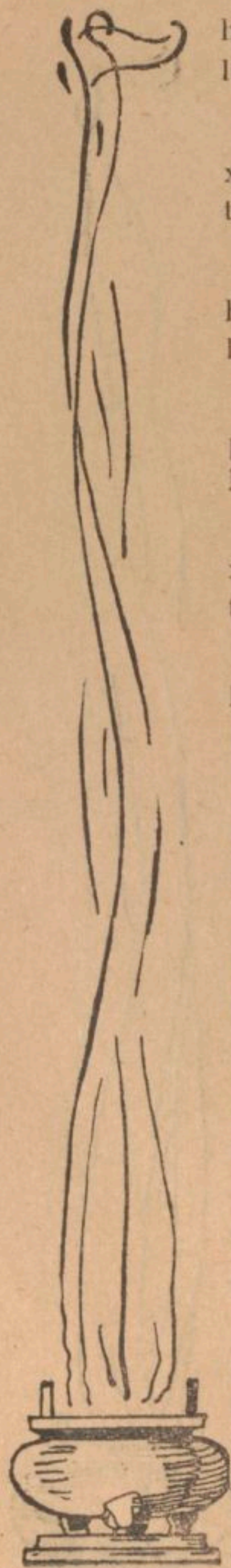
Hoàng - công - Sân (黃公竇), người xã Thổ -hoàng, huyện Ân-thị, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thượng-thư.

Nguyễn - chí - Trung (阮致中), người xã Lực-diên, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thị-lang.

Bùi - quang - Vận (裴光運), người xã Tiểu-quan, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến chức Giám-sát.

Hoa - công - Phương (花功芳), người xã Bình-dân, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến chức Hiến-sát.

Đặng - Kiên (鄧鏗), người xã Phú-thị, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Hiến-sát.



Bia thứ bảy

Hoàng-công-Bảo (黃公寶), người xã Thổ-hoàng, huyện Ân-thị, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thị-lang.

Hoàng-công-Lạc (黃公樂), người xã Đỗ-mỹ, huyện Thần-khê, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến chức Hiến-sát.

Nguyễn-tôn-Bảo (阮宗宝), người xã Phúc-khê, huyện Hưng-nhân, đỗ Hội-nguyên Hoàng-giáp triều Lê, làm quan đến Thị-lang.

Đồng-Hưu (同休), người xã Nhữ-thủy, huyện Hưng-nhân, đỗ Tiến-sĩ triều Lê.

Trần-Viêm (陳炎), người xã Hải-yến, huyện Tiên-lữ, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Đông-các.

Lê-trọng-Thứ (黎仲庶), người xã Duyên-hà, huyện Duyên-hà, (nay thuộc tỉnh Thái-bình), đỗ Tiến-sĩ triều Lê tặng Thái-bảo Quận-công.

Nguyễn-dình-Bá (阮廷伯), người xã Bình-dân, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê.

Đỗ-thành-Roãn (杜成允), người xã Quan-xuyên, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến chức Đốc-dòng.

Nguyễn-bá-Tuân (阮伯珣), người xã Đa-hòa, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê.

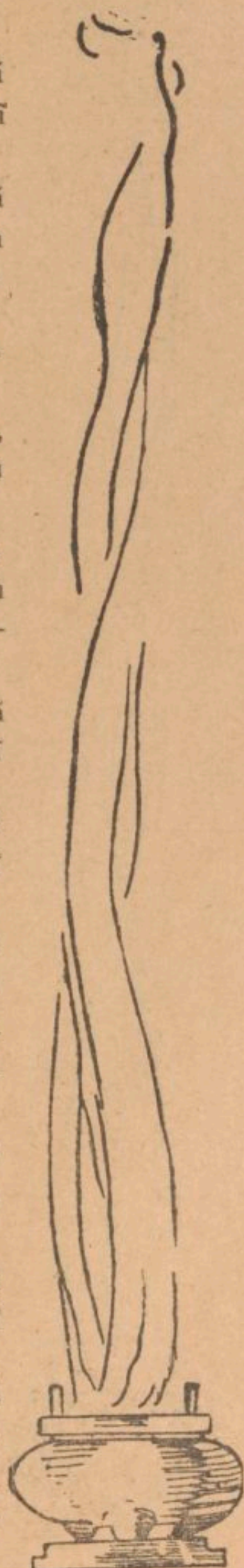
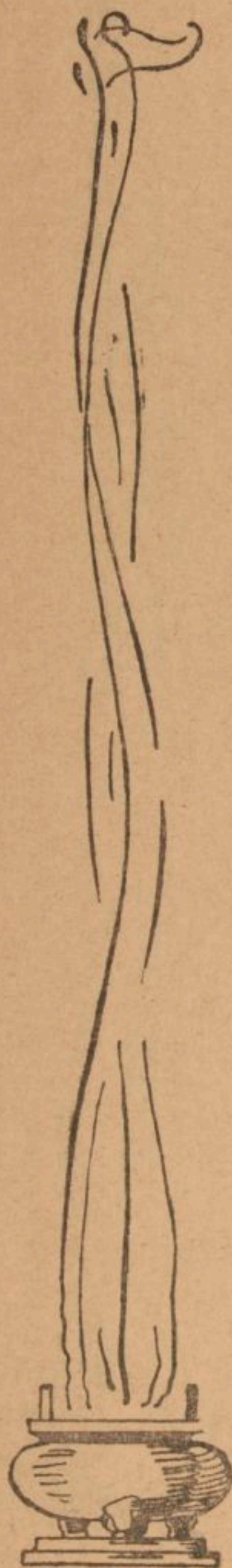
Lê-quý-Đôn (黎貴惇), người xã Duyên-hà, huyện Duyên-hà, đỗ Bảng-nhơn triều Lê, tặng Thái-bảo Quận-công.

Nguyễn-bá-Dịch (阮伯錫), người xã Nguyên-xá, huyện Thần-khê, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Hiến-sát.

Nguyễn-dình-Tố (阮廷儆), người xã Bình-dân, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê.

Trần công-Sáng (陳功絜), người xã An-vỹ, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê.

Nguyễn-Lạng (阮諒), người xã An-vỹ, huyện Đông-yên, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Thự-chấn.



Bia thứ tám

Bùi-Quỹ (裴 欝), người xã Hải-yến, huyện Tiên-lữ, đỗ Tiến-sĩ đời Minh-mệnh, làm quan đến Tổng-đốc.

Đào-danh-Văn (陶 名 文), người xã Tiên-phương, huyện Tiên-lữ, đỗ Tiến-sĩ đời Thiệu-trị, làm Đốc-học.

Cao-nguyên-Phán (高 元 判), người xã Phúc-hải, huyện Hưng-nhân, đỗ Tiến-sĩ triều Lê, làm quan đến Đông-các.

Vũ-công-Thắng (武 公 勝), người xã Thồ-hoàng, huyện Ân-thị, đỗ Tiến-sĩ.

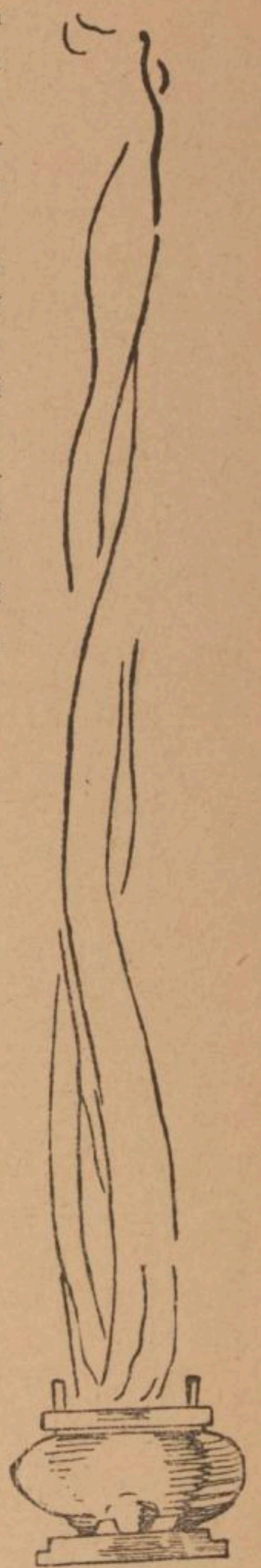
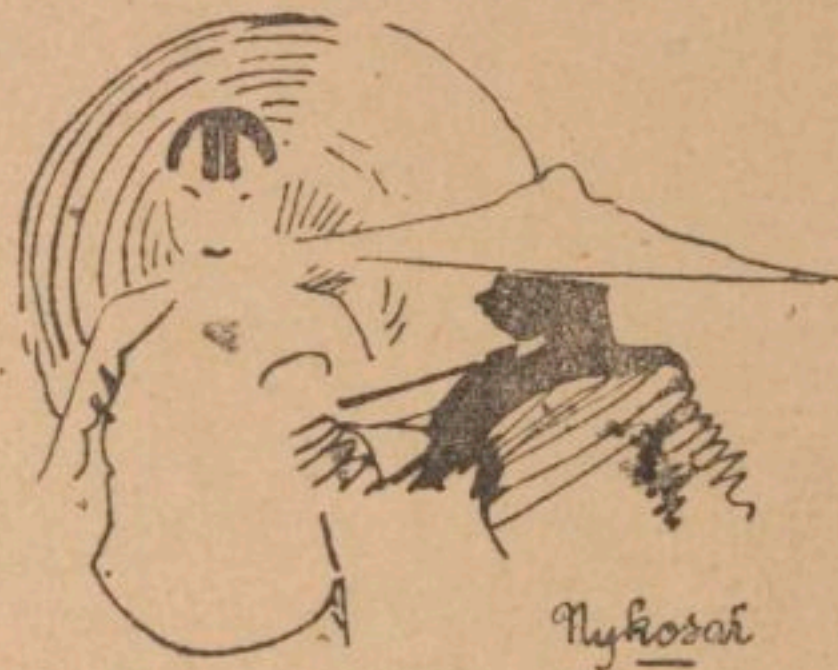
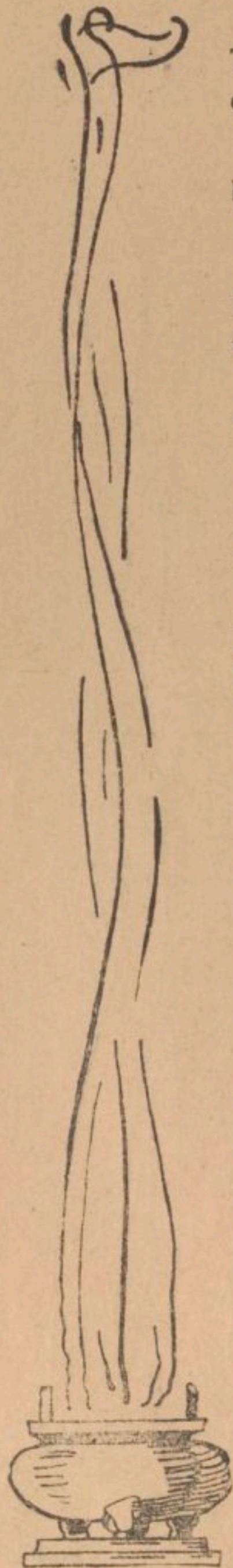
Vũ-trác-Oánh (武 卓 瑩), người xã Thồ-hoàng, huyện Ân-thị, đỗ Tiến-sĩ, làm quan đến chức Tham-chính.

Hoàng-bình-Chính (黃 平 正), người xã Thồ-hoàng, huyện Ân-thị, đỗ Tiến-sĩ, làm quan đến Đông-các.

Bia dựng ngày 21 tháng giêng năm Mậu-tý niên-hiệu Đồng-Khánh thứ ba.

Cử-nhân khoa Mậu-thìn đời Tự-Đức, Đại-phu Binh-bộ Hữu-tham-tri kiêm Đô-sát-viện, hữu Phó-đô-ngự-sử, Tuần-phủ Hưng-yên, Đề-đốc Quân-vụ kiêm-lý Lương-sưong Tái-gia Thư-ly, Tổng-đốc hàm, lĩnh Tuần-phủ, kiêm Đông-Bác-Hưng tam-tỉnh Tiểu-phủ-sử.

Thái-Xuyên hiệu TÙNG-LÂM
Cư-sĩ Hoàng-cao-Khải bái



TỈNH HƯNG - YÊN

Mỗi phủ, huyện, tổng có bao nhiêu xã

Phủ hay huyện và tổng	Mỗi phủ, huyện, tổng có bao nhiều xã	Phủ hay huyện và tổng	Mỗi phủ, huyện, tổng có bao nhiều xã
Phủ Khoái-châu		Phủ Ân-thi	
Tổng Đại-quan	6 xã	Tổng Ân-thi	10 xã
— Mễ-sở	8 —	— Văn-nhuê	9 —
— Yên-cảnh	7 —	— Hạ-cổ	7 —
— Yên-lạc	7 —	— Thổ-hoàng	13 —
— Yên-vĩnh	8 —	— Nhân-vũ	6 —
— Yên-lich	7 —	— Yên-canh	6 —
— Phú-kê	8 —	— Đặng-xá	8 —
— Đông-kết	8 —	— Phú-vê	10 —
— Bình-dân	5 —	— Đỗ-xá	7 —
— Ninh-tập	12 —	— Huê-lai	10 —
	<u>76 xã</u>		<u>86 xã</u>
Huyện Kim-dộng		Huyện Văn-lâm	
Tổng An-tảo	10 xã	Tổng Nghĩa-trai	7 xã
— Tiên-câu	7 —	— Thái-lạc	11 —
— Bàng-ngang	6 —	— Như-quỳnh	5 —
— An-xá	6 —	— Lạc-đạo	5 —
— Thanh-cù	6 —	— Đại-từ	6 —
— Đức-triêm	16 —	— Lương-tài	9 —
— Tả-xá	10 —	— Đông-xá	5 —
— Lưu-xá	9 —		<u>48 xã</u>
	<u>70 xã</u>	Huyện Mỹ-hào	
Huyện Tiên-lữ		Tổng Yên-nhân	6 xã
Tổng Cao-cương	9 xã	— Trương-xá	7 —
— Dỵ-chế	13 —	— Bạch-sam	11 —
— Hải-yến	4 —	— Phong-cốc	12 —
— Canh-hoạch	8 —	— Yên-xá	4 —
— Thụy-lôi	7 —	— Hòa-đam	10 —
— Tiên-châu	6 —		<u>50 xã</u>
— Tiên-phương	7 —	Huyện Yên-mỹ	
— Phương-trà	10 —	Tổng Hòa-bình	8 xã
	<u>64 xã</u>	— Liêu-xá	6 —
Huyện Phù-cừ		— Tử-dương	8 —
Tổng Hoàng-tranh	10 xã	— Yên-phú	4 —
— Kim-phương	8 —	— Thượng-cổ	6 —
— Ba-đông	12 —	— Sài-trang	11 —
— Viên-quang	8 —	— Khóa-nhu	7 —
— Cát-dương	8 —	— Đồng-than	6 —
— Vông-phan	7 —		<u>56 xã</u>
	<u>53 xã</u>		

Danh - sách các xã tỉnh Hưng - yên

(Kê theo thứ-tự A, B, C, ..., để tìm trên địa-đồ)

Tên các phủ, huyện, viết tắt :

Khoái-châu = KC	Kim động = KD
Ân-thị = AT	Yên-mỹ = YM
Tiên-lữ = TL	Mỹ-hào = MH
Phù-cứ = PC	Văn-lâm = VL

Muốn tìm một xã trên địa-đồ, theo cách-thứ sau này :

Thí-dụ : muốn tìm xã Bái-khê.

Bái-khê bắt đầu có chữ B thì thuộc văn B. — Tìm ở văn B, thấy xã Bái-khê, thuộc tổng Thụy-lôi, huyện Tiên-lữ, theo sau có chữ C 8.

Địa-đồ một góc chia làm 10 phần, đánh số từ 1 đến 10, — một góc chia làm 12 phần, đánh dấu mỗi ô bằng chữ A, B, C, D, Đ, E, M.

Tìm ô «C», rồi tìm ô «8» trên bản đồ, hai ô gặp nhau ở chỗ nào, thấy xã Bái-khê ở chỗ ấy.

TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và ô chữ gì... số mấy...	TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và ô chữ gì... số mấy...
A					
1 An-cầu	Võng-phan	PC B 9	12 An-nhuế	Cát-dương	PC C 8
2 An-tràng	Canh-hoạch	TL C 8	13 An-phương	Tiên-phương	TL B 6
3 An-châu	Phương-trà	TL A 56	14 An-tảo	An-tảo	KD C 5
4 An-chiều	Tiên-châu	TL B 56	15 An-tào	Thụy-lôi	TL C 8
5 An-đạm	Đỗ-xá	AT G 6	16 Ân-thị	Ân-thị	AT E 67
6 An-dân	Bình-dân	KC H 3	17 An-trạch	Yên-canh	AT E 6
7 An-đô	Phù-vệ	AT H 6	18 An-trạch	Cao-cương	TL C 6
8 An-khai	Phù-vệ	AT H 6	19 An-vũ	An-tảo	KD B 5
9 An-lạc	Hải-yến	TL C 7	20 An-xá	An-xá	KD E 5
10 An-lạc	Thái-lạc	VL K 34	21 An-xá	Hải-yến	TL C 67
11 An-lệ	Cát-dương	PC D 9	22 An-xuyên	Như-quỳnh	VL LM 3
B					
23 Bác-cả	Văn-nhuệ	AT ĐE 7	29 Bàn-lễ	Ân-thị	AT Đ 6
24 Bạch-sam	Bạch-sam	MH I 67	30 Bảo-châu	Phương-trà	TL B 5
25 Ba-đông	Ba-đông	PC Đ 78	31 Bảo-khê	Tiên-cầu	KD C 5
26 Bái-khê	Thụy-lôi	TL C 8	32 Bảo-tàng	Thổ-hoàng	AT E 5
27 Bằng-ngang	Bằng-ngang	KD ĐĐ 5	33 Bích-tràng	Văn-nhuệ	AT Đ 7
28 Bằng-nha	Mễ-sở	KC H 2	34 Bình-cầu	Lưu-xá	KD G 5

TÊN XÃ	TÊN TỈNH	PHŨ, HUYỆN (viết tắt) và ô chữ gì... số mấy...	TÊN XÃ	TÊN TỈNH	PHŨ, HUYỆN (viết tắt) và ô chữ gì... số mấy...
35 Bình-dân	Bình-dân	KC H 3	41 Bình-phủ	Khóa-nhu	YM H 34
36 Bình-đôi	Ân-thị	AT Đ 6	42 Bình-quỹ	Bình-dân	KC H 3
37 Bình-hồ	Lưu-xá	KD E 5	43 Bình-tri	Thổ-hoàng	AT E 6
38 Bình-kiều	Yên-cảnh	KC G 3	44 Bối-khê	Huệ-lai	AT H 7
39 Bình-lãng	Văn-nhuệ	AT Đ 7	45 Bối-khê	Đông-kết	KC GE 2
40 Bình- nguyên	Văn-nhuệ	AT E 7	46 Bồng-châu	Đức-chiêm	KD D 4
			47 Bùi-xá	Phú-khê	KC Đ 4
C					
48 Cẩm-khê	Đông-kết	KC CE23	63 Chấn-đông	Hòa-bình	YM I 3
49 Cẩm-quan	Hòa-đam	MH K 6	64 Chế-chi	Dỵ-chế	TL C 7
50 Cẩm-sơn	Hòa-đam	MH K 6	65 Chiêu- đương	Hải-yến	TL C 67
51 Cận-duyệt	Lương-tài	VL L 7	66 Chi-trung	Nghĩa-trai	VL L 3
52 Canh-hoạch	Canh-hoạch	TL C 78	67 Chu-xá	Huệ-lai	AT H 6
53 Cảnh-lâm	Thượng-cổ	YM H 5	68 Cồ-châu	Hòa-đam	MH K 6
54 Cao-cương	Cao-cương	TL CD 6	69 Cốc-khê	Tạ-xá	KD Đ 5
55 Cao-quán	Yên-lạc	KC G 4	70 Cốc-ngang	Tạ-xá	KD Đ 45
56 Cao-trai	Hạ-cổ	AT H 56	71 Cốc-phong	Đại-quan	KC E 3
57 Cao-trai	Phù-vệ	AT H 6	72 Cồ-lễ	Yên-cảnh	AT E 6
58 Cao-xá	Ân-thị	AT ĐĐ 6	73 Cộng-vũ	Ân-thị	AT Đ 6
59 Cao-xá	An-tảo	KD C 5	74 Cự-dũ	Nghĩa-trai	VL K 3
60 Cao-xá	Ba-đông	PC Đ 8	75 Cù-tu	Hạ-cổ	AT G 5
61 Cát-đương	Cát-đương	PC D 89	76 Cự-phủ	Kim-phương	PC C 10
62 Cát-lư	Đại-từ	VL LM45			
D					
77 Dịch-tri	Liêu-xá	YM I 145	84 Duyên-linh	Ninh-tập	KC E 2
78 Doanh-châu	Thanh-cù	KD CD45	85 Duyên-linh	Hoàng-tranh	PC D 8
79 Du-mỹ	Hạ-cổ	AT G 5	86 Duyên-yên	Thanh-cù	KD D 45
80 Dương-hòa	Phong-cốc	MH I 7	87 Duyệt-lễ	Ba-đông	PC Đ 8
81 Dương-phủ	Bằng-ngang	KD Đ 56	88 Duyệt-văn	Ba-đông	PC Đ 8
82 Dương-trạch	Bình-dân	KC H 3	89 Dỵ-chế	Dỵ-chế	TL C 7
83 Dương-xá	Hòa-đam	MH K 67	90 Dỵ-sử	Trương-xá	MH K 6

TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và ô chữ gì.... số mấy ...	TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và ô chữ gì.... số mấy ...
Đ					
91 Đa-hòa	Mễ-sở	KC H 2	125 Đổ-mỹ	Phù-vệ	AT H 7
92 Đại-đồng	Đồng-xá	VL LM56	126 Đồng-an	An-xá	KD E 4
93 Đại-duy	Hoàng-tranh	PC D 78	127 Đông-cáp	Hoàng-tranh	PC D 78
94 Đại-hạnh	Hòa-bình	YM I 3	128 Đông- chiều	Tiên-châu	TL B 56
95 Đái-khê	Thỗ-hoàng	AT E 5	129 Đông-kết	Đông-kết	KC G 2
96 Đại-nại	Dy-chế	TL Đ 6	130 Đông-kim	Yên-vĩnh	KC I 2
97 Đại-quan	Đại-quan	KC E 3	131 Đông-lạc	Canh-hoạch	TL C 8
98 Đại-từ	Đại-từ	VL L 5	132 Đông-lỗ	Tiên-cầu	KD D 5
99 Đa-lộc	Văn-nhuệ	AT E 7	133 Đổng- lượng	Tiên-cầu	KD D 56
100 Đặng-cầu	Cao-cương	TL C 6	134 Đổng-ly	Bằng-ngang	KD Đ 5
101 Đặng-châu	An-tảo	KD C 45	135 Đông-mai	Đại-từ	VL L 5
102 Đặng-đình	Thỗ-hoàng	AT E 56	136 Đông-mỹ	Thượng-cổ	YM H 5
103 Đặng-xá	Đặng-xá	AT G 6	137 Đông-tảo- đông	Yên-vĩnh	KC I 2
104 Đặng-xá	Thụy-lôi	TL BC 8	138 Đông-tảo- nam	Yên-vĩnh	KC I 2
105 Đặng-xá đường	Đặng-xá	AT G 6	139 Đông-than	Đông-than	YM I 34
106 Đặng- xuyên	Thỗ-hoàng	AT E 56	140 Đổng- thanh	Bạch-sam	MH I 6
107 Đan-chàng	Nhân-vũ	AT Đ 7	141 Đổng- thiện	Giên-phương	TL B 6
108 Đào-đặng	Cao-cương	TL C 6	142 Động-xá	Bằng-ngang	KD ĐĐ56
109 Đào-khê	Sài-trang	YM H 45	143 Đông-xá	Đông-xá	VL L 6
110 Đào-viên	Yên-lich	KC G 4	144 Đông-xá	Tử-dương	YM H 14
111 Đào-xá	Đặng-xá	AT H 6	145 Đổng- xuyên	Lương-tài	VL L 78
112 Đào-xá	Lưu-xá	KD E 5	146 Đổ- thượng	Đổ-xá	AT G 67
113 Đào-xá	Tạ-xá	KD E 4	147 Đổ-xá	Đổ-xá	AT G 6
114 Đào-xá	Huệ-lai	AT H 7	148 Đổ-xá	An-xá	KD G 4
115 Đa-quang	Dy-chế	TL CD 7	149 Đổ-xuyên	Đổ-xá	AT G 6
116 Đa-sĩ	Trương-xá	MH K 6	150 Đức- nhuận	Yên-vĩnh	KC H 23
117 Đê-cầu	An-xá	KD E 4	151 Đức-ninh	Đức-triêm	KD D 3
118 Diêm-xá	Thụy-lôi	TL C 8	152 Đức-triêm	Đức-triêm	KD D 34
119 Đình-cao	Cát-dương	PC D 89			
120 Đình-dù	Thái-lạc	VL L 34			
121 Đình-loan	Nghĩa-trai	VL L 3			
122 Đình-xá	Thỗ-hoàng	AT G 67			
123 Đoàn-đào	Hoàng-tranh	PC D 8			
124 Đoàn-khê	Lạc-đạo	VL L 34			

TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và ô chữ gì... số mấy...	TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và ô chữ gì... số mấy...
G					
153 Gia-cầu	Thượng-cổ	YM H 5	156 Giai-phạm	Yên-phú	YM K 45
154 Gia-cốc	Đặng-xá	AT G 6	157 Giang-tân	Võng-phan	PC C 10
155 Giai-lê	Canh-hoạch	TL CD 8			
H					
158 Hạ-cát	Cát-dương	PC D 9	177 Hoàng- trạch	Mễ-sở	KC I 12
159 Hà-châu	Phương-trà	TL A 6	178 Hoàng- tranh	Hoàng-tranh	PC D 78
160 Hải-yến	Hải-yến	TL B 67	179 Hoàng- vân ngoại	Yên-lạc	KC G 45
161 Hạ-lễ	Nhân-vũ	AT Đ 7	180 Hoàng- vân nội	Yên-lạc	KC G 45
162 Hà-linh	Hoàng-tranh	PC D 8	181 Hoàng-xá	Thanh-cù	KD C 45
163 Hàm-tử	Yên-vĩnh	KC H 2	182 Hoàng-xá	Kim-phương	PC C 9
164 Hành-lạc	Như-quỳnh	VL L 34	183 Hoàng-xá	Canh-hoạch	TL C 78
165 Hạnh-lâm	Đức-triêm	KD D 3	184 Hoàng- xuyên	Văn-nhuệ	AT E 7
166 Hào- xuyên	Yên-phú	YM I 45	185 Hòa-nhu	Khóa-nhu	YM H 3
167 Hậu-xá	Dy-chế	TL D 6	186 Hòe-lâm	Bạch-sam	MH I 7
168 Hiền- dương	Hòa-dạm	MH K 67	187 Huệ-lai	Huê-lai	AT I 7
169 Hiệp-hòa	Ninh-tập	KC GF 2	188 Hùng-tri	Lạc-đạo	VL LM4
170 Hòa-bình	Hòa-bình	YM K 3	189 Hương- đạo	Lạc-đạo	VL L 4
171 Hòa-dạm	Hòa-dạm	MH K 7	190 Hương- lãng	Thái-lạc	VL L 5
172 Hoan-ái	Thượng-cổ	YM H 5	191 Hương- quất	Phủ-kê	KC Đ 34
173 Hoàng-các	Kim-phương	PC D 9	192 Hỷ-tước	Tiên-châu	TL B 5
174 Hoàng-độc	Đức-triêm	KD D 45			
175 Hoàng-đôi	Đồng-than	YM I 4			
176 Hoàng- nha	Thái-lạc	VL L 45			
K					
193 Kê-châu	Thanh-cù	KD C 45	199 Kim-đăng	An-tảo	KD C 5
194 Kênh-kê	Đông-kết	KC E 23	200 Kim-lũ	Huê-lai	AT I 7
195 Khê-than	Văn-nhuệ	AT Đ 7	201 Kim- phương	Kim-phương	PC C 9
196 Khóa-nhu	Khóa-nhu	YM H 34	202 Kim-tháp	Yên-lạc	KC G 4
197 Khuyến- thiện	Lương-tài	VL L 6	203 Kinh-bối	Đặng-xá	AT GH6
198 Kiến-châu	Ninh-tập	KC G 21	204 Kinh-cầu	Đồng-than	YM IK 4

TÊN XÃ	TÊN TỈNH	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và ô chữ gì... số mấy ...	TÊN XÃ	TÊN TỈNH	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và ô chữ gì... số mấy ...
L					
205 Lạc-cầu	Đồng-thanh	YM K 4	222 Liêu-trung	Liêu-xá	YM I 5
206 Lạc-đạo	Lạc-đạo	VL L 4	223 Liêu-xá	Liêu-xá	YM K 15
207 Lạc-đục	Bạch-sam	MH I 6	224 Linh-đạo	Phù-vệ	AT GH67
208 La-chàng	Yên-cảnh	AT E 6	225 Linh-hạ	Cao-cường	TL C 6
209 Lạc-thủy	Đông-kết	KC G 2	226 Lôi-cầu	An-xá	KD E 4
210 Lai-châu	Đức-triêm	KD D 4	227 Long-cầu	Hoàng-tranh	PC D 8
211 Lai-hạ- thượng	Đức-triêm	KD D 4	228 Long-châu	Yên-lich	KC G 4
212 Lai-hạ- trung	Đức-triêm	KD D 34	229 Lộng-đình	Đại-từ	VL LM 5
213 Lại-trạch	Hòa-binh	YM I 3	230 Lỗ-xá	Yên-xá	MH K 56
214 La-mát	Huệ-lai	AT H 7	231 Lực-diên	Tử-dương	YM H 45
215 Lãng-cầu	Thượng-cổ	YM H 56	232 Lương- diên	An-tảo	KD B 56
216 La-tiên	Võng-phan	PC C 910	233 Lương-tài	Lương-tài	VL L 7
217 Lê-chi	Thụy-lôi	TL BC 8	234 Lương-trù	Cảnh-hoạch	TL C 7
218 Lê-xá	An-thi	AT ĐĐ 6	235 Lương-xá	Tiên-cầu	KD CD 5
219 Lê-xá	Hòa-dam	MH K 7	236 Lương-xá	Bạch-sam	MH IK67
220 Liêu-hạ	Liêu-xá	YM I 5	237 Lưu-xá	Yên-cảnh	AT Đ 6
221 Liêu- thượng	Liêu-xá	YM KI 45	238 Lưu-xá	Lưu-xá	KD E 5
M					
239 Mai-viên	Bảng-ngang	KD Đ 5	249 Mậu- dương	An-tảo	KD B 5
240 Mai-xá	Bảng-ngang	KD D 5	250 Mậu-duyệt	Lương-tài	VL L 78
241 Mai-xá	Thụy-lôi	TL BC 8	251 Mậu-lương	Lương-tài	VL L 6
242 Mai-xuyên	Thổ-hoàng	AT E 6	252 Mễ-châu	Đức-triêm	KD C 4
243 Mãn-hòa	Ninh-tập	KC E 2	253 Mễ-sở	Mễ-sở	KC I 12
244 Mạn-trù	Ninh-tập	KC G 2	254 Mễ-xá	Nhân-vũ	AT E 67
245 Mạn-trù- châu	Ninh-tập	KC G 12	255 Minh-lý	Thổ-hoàng	AT G 67
246 Mạn- xuyên	Đông-kết	KC G 2	256 Muội-sảng	Dy-chế	TL D 6
247 Mão-cầu	Yên-cảnh	AT E 6	257 Mỹ-xá	Dy-chế	TL Đ 7
248 Mão-chính	Phong-cốc	MH K 7	258 Mỹ-xá	Đông-xá	VL L 6
			259 Mỹ-xá	Khóa-nhu	YM I 34

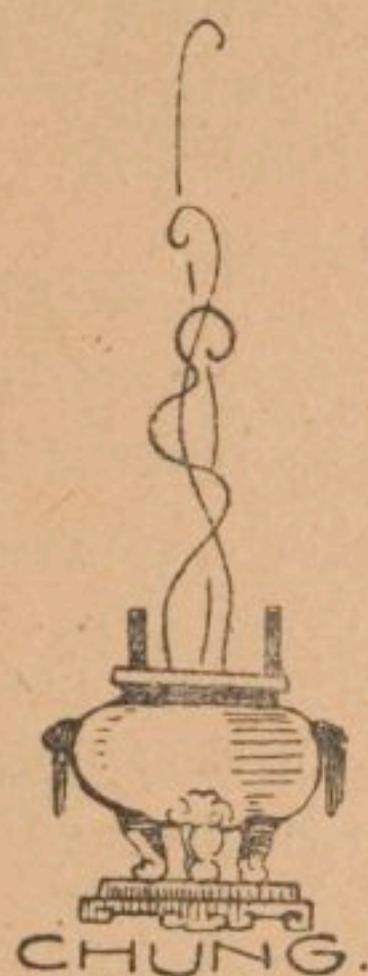
TÊN XÃ	TÊN TỈNH	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và ô chữ gì... số mấy ...	TÊN XÃ	TÊN TỈNH	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và ô chữ gì... số mấy . .
N					
260 Nại-kê	Kim-phương	PC C 9	289 Nhân- đồng	Huệ-lai	AT H 7
261 Nam-hòa	An-tảo	KĐ B 5	290 Nhân-dục	An-tảo	KD B 5
262 Nam-tri	Thổ-hoàng	AT E 5	291 Nhân-hào- thượng	Sài-trang	YM H 5
263 Nễ-châu	Phương-trà	TL B 56	292 Nhân-hào- trung	Sài-trang	YM H 5
264 Nễ-độ	Phương-trà	TL A 5	293 Nhân-la- dương	Ân-thị	AT Đ 6
265 Ngải- dương	Thái-lạc	VL L 4	294 Nhân-la- lương	Ân-thị	AT Đ 6
266 Ngân-hạnh	Hòa-bình	YM I 3	295 Nhân-lý	Nhân-vũ	AT E 6
267 Nghê- phường	Đức-triêm	KD D 3	296 Nhân-lý	Ninh-tập	KC E 2
268 Nghĩa-chế	Dy-chế	TL C 67	297 Nhạn-tháp	Mễ-sở	KC I 12
269 Nghĩa- giang	Lưu-xá	KD E 45	298 Nhân-vinh	Trương-xá	MH K 6
270 Nghĩa-lộ	Đại-từ	VL L 45	299 Nhân-vũ	Nhân-vũ	AT E 67
271 Nghĩa- trai	Nghĩa- trai	VL L 3	300 Nhật-lệ	Cát-dương	PC D 9
272 Nghĩa- trang	Sài-trang	YM H 45	301 Nhật-tảo	Nhân-vũ	AT Đ 67
273 Nghĩa-vũ	Ba-đông	PC Đ 8	302 Nhật-tảo	Hòa-đam	MH L 7
274 Nghi- xuyên	Đại-quan	KC E 3	303 Nhi-mễ	Khóa-nhu	YM H 13
275 Ngọc-cầu	Như-quỳnh	VL ML 3	304 Nho-lâm	Đức-triêm	KD D 3
276 Ngọc-châu	Đặng-xá	AT G 6	305 Nho-lâm	Bạch-sam	MH I 7
277 Ngọc-đồng	Đức-triêm	KD D 4	306 Nhuận- trạch	Lương-tài	VL LK 6
278 Ngọc-lập	Trương-xá	MH K 6	307 Nhuế- dương	Phù-kê	KC Đ 3
279 Ngọc-nha	Yên-lịch	KC E 34	308 Nhuế- giang	Phù-vệ	AT H 6
280 Ngọc-nhuế	Phù-vệ	AT H 67	309 Như- quỳnh	Như-quỳnh	VL L 3
281 Ngọc- tranh	Hoàng-tranh	PC D 7	310 Ninh-tập	Ninh-tập	KC E 2
282 Ngô-xá	Tạ-xá	KD E 4	311 Ninh-vũ	Yên-cảnh	KC G 3
283 Ngô-xá	Lưu-xá	KD G 5	312 Nội-linh	Cao-cương	TL C 6
284 Ngô-xuyên	Như-quỳnh	VL L 3	313 Nội-roanh	Ninh-tập	KC E 2
285 Ngũ-lão	Viên-quang	PC Đ 9	314 Nội-viên	Tiền-phương	TL C 6
286 Ngu-nhuế	Lạc-đạo	VL M 34			
287 Nhạc-lộc	Nghĩa- trai	VL LK 3			
288 Nhạc-miếu	Thái-lạc	VL L 4			

TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHÙ, HUYỆN (viết tắt) và ô chữ gì... số mấy...	TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHÙ, HUYỆN (viết tắt) và ô chữ gì... số mấy...
O					
315 Ốc-nhiêu	Hòa-bình	YM I 3	317 Ôn-xá	Thái-lạc	VL LK34
316 Ông-đình	Yên-cảnh	KC H 3			
P					
318 Phạm-xá	Kim-phương	PC C 9	341 Phù-mãn	Ba-đông	PC Đ 78
319 Phần- dương	Phù-vê	AT H 6	342 Phú-mỹ	Đông-kết	KC E 2
320 Phần-hà	Phù-vê	AT H 6	343 Phú-mỹ	Viên-quang	PC Đ 9
321 Phần-lâm	Phù-vê	AT H 6	344 Phượng- bồ	Ba-đông	PC Đ 8
322 Phán-thủy	Tạ-xá	KD Đ 45	345 Phượng- chiều	Tiên-châu	TL B 6
323 Phan-xá	Viên-quang	PC D 9	346 Phượng- độ	Phượng-trà	TL A 5
324 Phi-xá	Canh-hoạch	TL C 78	347 Phượng- lâu	Thanh cú	KD D 45
325 Phong-cốc	Phong-cốc	MH K 7	348 Phượng- trà	Phượng-trà	TL A 6
326 Phó-nham	Phù-kê	KC Đ 34	349 Phượng- trù	Ninh-tập	KC G 2
327 Phú-an	Ba-đông	PC Đ 8	350 Phượng- tùng	Đức-triêm	KD D 4
328 Phú-anh	Kim-phương	PC C 9	351 Phượng- tường	Cao-cương	TL C 6
329 Phúc-bổ	Phong-cốc	MH I 7	352 Phụ- phượng	Phượng-trà	TL A 56
330 Phúc-lai	Phong-cốc	MH K 7	353 Phù-ủng	Huê-lai	AT H 17
331 Phúc-lễ	Đức-triêm	KD D 34	354 Phù-thị	Mễ-sở	KC I 2
332 Phúc-miêu	Phong-cốc	MH K 7	355 Phù-trạch	Mễ-sở	KC I 12
333 Phú-cốc	Đặng-xá	AT G 6	356 Phù xa	Đại-quan	KC E 2
334 Phú-cốc	Tạ-xá	KD E 5	357 Phù-xa	Phượng-trà	TL A 6
335 Phúc-tá	Đỗ-xá	AT G 6			
336 Phúc-thọ	Phong-cốc	MH K 7			
337 Phú-đa	Yên-nhân	MH K 5			
338 Phú-hòa	Yên-cảnh	KC G 23			
339 Phú-kê	Phù-kê	KC Đ 3			
340 Phù-liêu	Canh-hoạch	TL C 78			
Q					
358 Quan-cù	Yên-xá	MH J 56	362 Quân- ngọc	Sài-trang	YM H 5
359 Quang-lê	Cát-dương	PC D 9	363 Quan- xuyên	Phù-kê	KC Đ 3
360 Quang- uyên	Tử-dương	YM H 4	364 Quế-lâm	Hoàng-tranh	PC D 7
361 Quang-xá	Viên-quang	PC Đ 89			

TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và ô chữ gì... số mấy...	TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và ô chữ gì... số mấy...
S					
365 Sài-phi	Phong-cốc	MH K 7	369 Sa-lung	Huệ-lai	AT I 7
366 Sài-quất	Phú-khê	KC Đ 3	370 Sầm-khúc	Đồng-xá	VL L 6
367 Sài-thị	Đại-quan	KC Đ 3	371 Sĩ-qui	Võng-phan	PC C 10
368 Sài-trang	Sài-trang	YM H 45			
T					
372 Tam-đa	Kim-phương	PC C 910	394 Thị-tân	Đỗ-xá	AT H 6
373 Tam-nông	Dy-chế	TL D 6	395 Thị-trung	Thái-lạc	VL L 34
374 Tam-trạch	Sài-trang	YM H 56	396 Thị-viên	Võng-phan	PC C 10
375 Tản-nhân	Ba-đông	PC E 8	397 Thọ-bình	Bình-dân	KC H 34
376 Tản-tranh	Ba-đông	PC E 8	398 Thồ-cầu	Lưu-xá	KD E 5
377 Tất-viên	Tiên-phương	TL BC 6	399 Thồ-cốc	Yên-phú	YM I 5
378 Tạ-xá	Tạ-xá	KD Đ 5	400 Thồ-		
379 Tây-trù	Ninh-tập	KC G 2	hoàng	Thồ-hoàng	AT E 6
380 Thái-lạc	Thái-lạc	VL LK 4	401 Thồ-		
381 Thái-nội	Tử-dương	YM H 4	hoàng-phú	Thồ-hoàng	AT E 6
382 Thanh-cù	Thanh-cù	KD D 45	402 Thồ-		
383 Thanh-			hoàng-quanh	Thồ-hoàng	AT G 56
dặng	Thái-lạc	VL L 45	403 Thồ-		
384 Thanh-			hoàng-trung	Thồ-hoàng	AT G 56
khê	Thái-lạc	VL L 5	404 Thồ-khối	Yên-lạc	KC G 4
385 Thanh-			405 Thọ-lão	Viên-quang	PC Đ 9
nga	Đồng-than	YM I 4	406 Thọ-nham	Phú-khê	KC Đ 3
386 Thanh-			407 Thuận-lễ	Đại-quan	KC E 3
sâm	Đức-triêm	KD Đ 4	408 Thuận-mỹ	Hòa-đạm	MH K 7
387 Thanh-xá	Yên-nhân	MH K 5	409 Thuận-		
388 Thanh-xá	Khóa-nhu	YM H 14	xuyên	Bạch-sam	MH H 6
389 Thiên-			410 Thúc-cầu	Đồng-xá	VL ML 6
đông	Dy-chế	TL D 6	411 Thung-		
390 Thiên-			linh	Khóa-nhu	YM H 3
phiến	Tiên-phương	TL B 67	412 Thung-		
391 Thiên-			quan	Yên-cảnh	KC G 3
xuân	Dy-chế	TL D 6	413 Thư-thị	Liêu-xá	YM I 5
392 Thiết-trụ	Mễ-sở	KC I 2	414 Thụy-cơ	Yên-vinh	KC H 2
393 Thịnh-vạn	Phong-cốc	MH IJ 7			

TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHÙ, HUYỆN (viết tắt) và ô chữ gì... số mấy ...	TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHÙ, HUYỆN (viết tắt) và ô chữ gì... số mấy . .
415 Thụy-lôi	Thụy-lôi	TL B 8	438 Trần-xá	Ba-dông	PC Đ 8
416 Thụy- trang	Sài-trang	YM H 45	439 Trao-thôn	Vân-nhuê	AT E 7
417 Thúy-trúc	Hạ-cổ	AT G 5	440 Trà- phương	Ân-thi	AT Đ 6
418 Tiên-cầu	Huê-lai	AT H 7	441 Trinh-xa	Dy-chế	TL D 7
419 Tiên-cầu	Tiên-cầu	KD D 5	442 Trinh-xa	Đại-từ	VL ML45
420 Tiên-châu	Tiên-châu	TL B 6	443 Trúc-cầu	An-xá	KD E 5
421 Tiên-kê	Tiên-cầu	KD C 5	444 Trúc-giản	Hoàng-tranh	PC D 7
422 Tiên- phương	Tiên-phương	TL B 6	445 Trung- châu	Đông-kết	KC G 2
423 Tiên-quán	Tạ-xá	KD Đ 45	446 Trung-đạo	Sài-trang	YM H 5
424 Tiên-xá	Yên-xá	MH K 6	447 Trung-lập	Trương-xá	MH K 6
425 Tiên-xá	Dy-chế	TL D 7	448 Trương- xá	Lưu-xá	KD E 5
426 Tiều-quan	Yên-lich	KC G 34	449 Trương- xa	Trương-xá	MH K 5
427 Tinh-linh	Cao-cương	TL C 56	450 Tuân-di	Nghĩa-trai	VL K 34
428 Tồ-hỏa	Tử-dương	YM H 5	451 Tuân- lượng	Lương-lài	VL L 67
429 Tông-củ	Hạ-cổ	AT H 56	452 Tử-dông	Tử-dương	YM H 5
430 Tống-xá	Viên-quang	PC ĐĐ89	453 Tử-dương	Tử-dương	YM H 45
431 Trà-bồ	Ba-dông	PC Đ 8	454 Tử-hồ	Hòa-bình	YM I 3
432 Trà- duyong	Võng-phan	PC C 9	455 Tử-lý	Ninh-tập	KC E 2
433 Trai-trang	Sài-trang	YM I 5	456 Tử-mỹ	Trương-xá	MH IJ 6
434 Trai-túc	Nghĩa-trai	VL L 3	457 Tượng- cước	Lưu-xá	KD G 5
435 Trà-lâm	Tiên-cầu	KD D 5			
436 Trâm-nhị	Hạ-cổ	AT G 5			
437 Tráng-vũ	Đồng-than	YM IK34			
			U		
458 Ứng-lôi	Phương-trà	TL B 67			
			V		
459 Vân-cầu	Yên-lạc	JC G 4	464 Vân-nhuê	Yên-nhân	MH K 5
460 Vân- duyong	Phong-cốc	MH J 7	465 Vân- phương	Đức-triêm	KD D 3
461 Vân-lai	Phong-cốc	MH K 7	466 Vân- phương	Tiên-phương	TL B 6
462 Vân-mạc	Hạ-cổ	AT H 5	467 Vân-tri	Yên-lich	KC G 4
463 Vân-nhuê	Vân-nhuê	AT G 7			

TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và ô chữ gì.... số mấy ...	TÊN XÃ	TÊN TỔNG	PHỦ, HUYỆN (viết tắt) và ô chữ gì.... số mấy ...
468 Văn-xa	Cát-dương	PC C 8	474 Vinh-lộc	Hòa-bình	YM K 3
469 Vệ-dương	Đỗ-xá	AT G 7	475 Vô-ngại	Bạch-sam	MH I 67
470 Viên- quang	Viên-quang	PC Đ 89	476 Võng- phan	Võng-phan	PC B 9
471 Viên-tiêu	Tiên-châu	TL B 6	477 Vũ-dương	Ân-thí	AT Đ 6
472 Vĩnh-đồng	Tạ-xá	KD Đ 4	478 Vũ-xá	Hòa-đam	MH K 7
473 Vinh-hậu	Tạ-xá	KD Đ 4	479 Vũ-xá	Viên-quang	PC Đ 89
X					
480 Xích-đăng	An-tảo	KD BC 5	485 Xuân-dinh	Yên-vinh	KC H 2
481 Xuân-bản	Bạch-sam	MH I 67	486 Xuân-lai	Tử-đương	YM H 4
482 Xuân-đào	Bạch-sam	MH I 6	487 Xuân- nguyên	Đặng-xá	AT G 56
483 Xuân-đào	Lương-tài	VL L 7	488 Xuân-nhân	Bạch-sam	MH I 6
484 Xuân- diêm	Cao-cương	TL D 6	489 Xuân-tao	Sài-trang	YM I 56
Y					
490 Yên-canh	Yên-canh	AT E 6	497 Yên-phú	Yên-phú	YM K 4
491 Yên-cảnh	Yên-cảnh	KC G 3	498 Yên-tập	Yên-nhân	MH K 5
492 Yên-đô	Thượng-cồ	YM H 5	499 Yên-thành	Phong-cốc	MH K 7
493 Yên-lạc	Yên-lạc	KC G 4	500 Yên-vĩ	Yên-cảnh	KC G
494 Yên-lão	Yên-nhân	MH K 45	501 Yên-viên	Yên-lich	KC GE 4
495 Yên-lich	Yên-lich	KC G 4	502 Yên-vĩnh	Yên-vĩnh	KC H 2
496 Yên-nhân	Yên-nhân	MH K 45	503 Yên-xá	Yên-xá	MH LK56

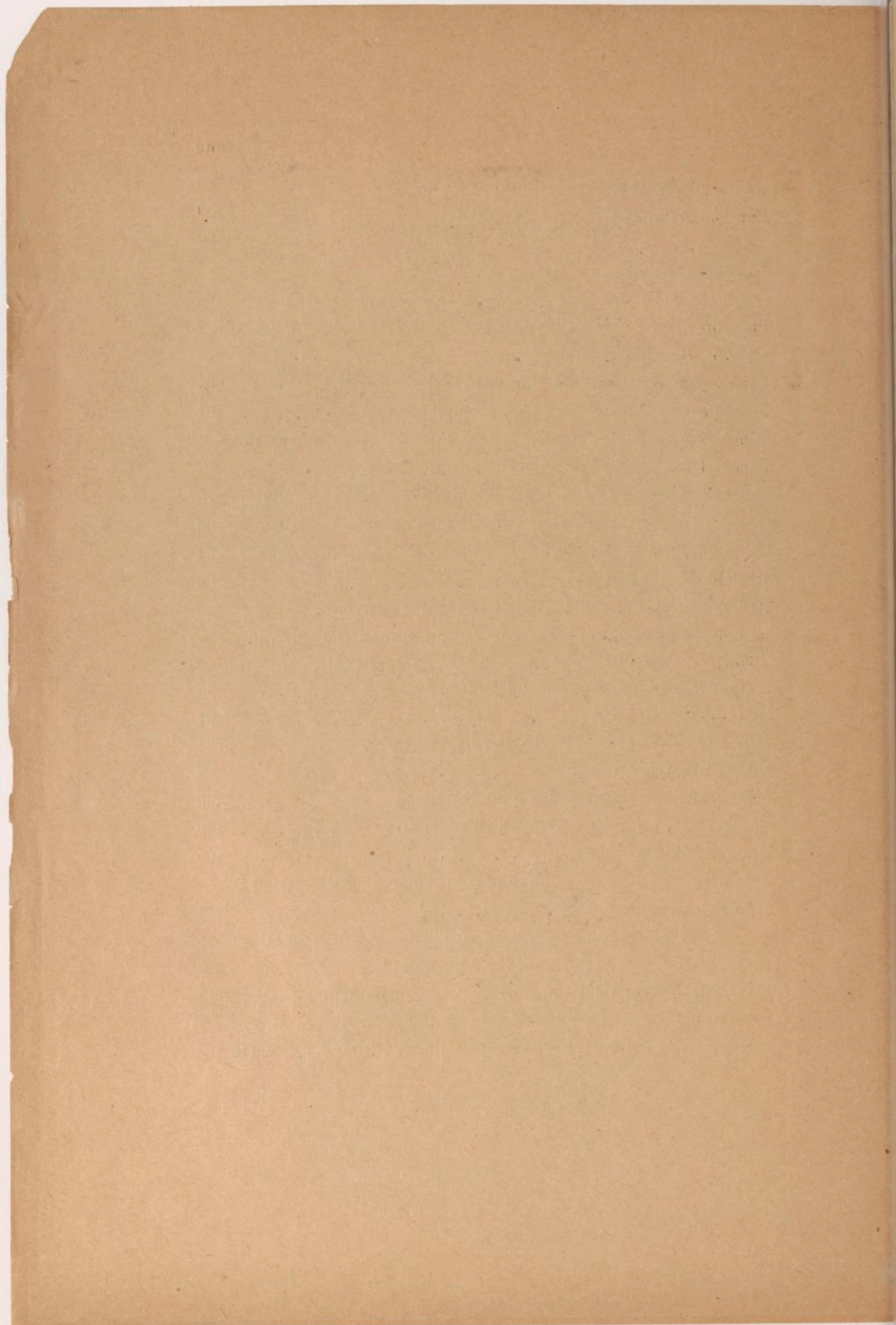


MỤC LỤC

	Trang
Tựa	1
I. — Hưng-yên hình-thể : <i>Địa-danh duyên-cách</i>	3
<i>Vị-tri và diện-tích. — Khi-hậu</i>	4
<i>Địa-thể và sông ngòi</i>	5
II. — Binh Pháp hạ Hưng - thành và binh giặc Bãi - sậy (có trích-dịch các câu - đối, văn - bia khắc tên các quan - chức Pháp Nam và dân bản-tỉnh làm kỷ-niệm binh giặc Bãi- sậy (1892)	7
III. — Hưng-yên kinh-tế : A. — <i>Canh-nông</i>	22
B. — <i>Việc chăn nuôi. — C. — Đồn-điền.</i>	25
D. — <i>Kỹ-nghệ. — Đ. — Mỏ.</i>	26
E. — <i>Thương-mại</i> : a) <i>Thông thương với ngoài.</i>	27
b) <i>Thương-mại ở trong tỉnh</i> : <i>Chợ họp ở các phủ, huyện, xã.</i>	28
<i>Chợ họp theo dọc đường.</i>	31
H. — <i>Đường giao-thông</i> : a) <i>Đường bộ</i>	36
<i>Từ tỉnh-ly Hưng-yên đến các tỉnh xứ Bắc-kỳ xa cách bao nhiều cây số</i>	37
<i>Đường Hưng-yên đi Đình-dù. — Đường hỏa-xa. — b) Đường thủy. — Đường Hà-nội đi Nam-định qua Hưng-yên</i>	38
<i>Các bến đò</i>	39
<i>Các cầu ô-tô có thể qua lại được. — Bru-diện ; Bru-trạm</i>	40
<i>Công-tác</i> : a) <i>Đường xá. — b) Đê-điều. — c) Đào và khơi sông.</i>	41
<i>Ruộng, đất chia từng hạng chịu thuế</i>	43
<i>Mỗi phủ, huyện tỉnh Hưng-yên có bao nhiêu tổng, xã, chợ, bến đò ; cách tỉnh-ly bao nhiêu cây số, đê</i>	44
<i>Bảng kê súc-mục tỉnh Hưng-yên năm 1932-1933</i>	45
IV. — Hưng-yên chính-trị : <i>Dân-cư</i>	46
<i>Chính trị</i> : A. — <i>Quan-trường</i>	47
B. — <i>Nha-lại. — C. — Linh-lệ và linh-cơ. — Trại linh khố- xanh</i>	48
<i>Ngân-khố. — Công-chính và Trị-thủy. — Thương-chính. — Bru- diện. — Y-tế. — Địa-chính. — Nông-phố ngân-hàng. — Hội- đồng hàng tỉnh</i>	49
<i>Danh-sách các vị Thủ-hiến Pháp tỉnh Hưng yên (1886-1931).</i>	50
<i>Danh-sách các vị Thủ-hiến Nam tỉnh Hưng-yên (1883-1931).</i>	51
<i>Tên các phủ, huyện thường thay đổi và sở-tại các hạt đã nhiều lần thiên-di.</i>	53
<i>Bảng kê dân-số tỉnh Hưng-yên</i>	54

V. — Hưng-yên xã-hội : <i>Học-chính</i>	58
Các bậc văn-nhân	59
Y-tế	60
Tôn-giáo (có ảnh nhà thờ)	61
Lập hội — Di dân	62
Phu mộ đi ra ngoài Đông-pháp và xuống phía Nam Đông-pháp (1928-1933)	63
VI. — Hưng-yên cổ-tích : Đền thờ đức Chử-đồng-Tử	64
Đền thờ đức Tống-Trần (có trích-dịch các đối-văn)	67
Đền thờ đức Ngô-Vương. — Đền thờ đức Phạm-bạch-Hồ (có trích-dịch thơ và đối-văn)	72
Đền thờ đức Đinh-Điền (có trích-dịch nhiều đối-văn thơ phú)	75
Đền thờ đức Đoàn-Thượng (có trích-dịch các câu đối)	80
Đền thờ đức Phạm-ngũ-Lão (có trích-dịch văn thơ)	84
Sự-tích đức Thánh Bà	88
Sự-tích đức Cung-phi (có trích câu đối quốc-văn)	89
Sự-tích Đào-Nương. — Cổ-tích ở xã Như-quỳnh (huyện Văn-lâm) — Đền thờ bà Dương Thái-hậu (có trích-dịch nhiều câu-đối và ảnh đền ở trang 64)	90
Đền thờ bà Nhị-Khanh	91
Đền thờ đức Lê-như-Hồ (có trích-dịch các đối-liên)	94
Hồ Bán-Nguyệt (có ảnh)	98
Đền, chùa có danh tiếng ở tỉnh Hưng-yên	99
Phổ-hiến (có ảnh và có trích-dịch câu-đối)	100
Hưng-thành (có ảnh)	102
Thành Đồng-lý. — Chùa chuông (có trích-dịch đối-văn và ảnh chùa ở trang 58)	103
VII. — Hưng-yên văn-miếu (có ảnh và có trích-dịch nhiều câu đối)	105
Bia khắc tên các vị Đại-khoa (có tám phiến)	107
Mỗi phủ, huyện, tổng tỉnh Hưng-yên có bao nhiêu xã	115
Danh sách các xã tỉnh Hưng-yên, kê theo thứ tự A, B, C, để tìm trên địa-đồ (có địa-đồ toàn tỉnh)	116-125





8

9

10

April 1933

A

Thal - Bir...

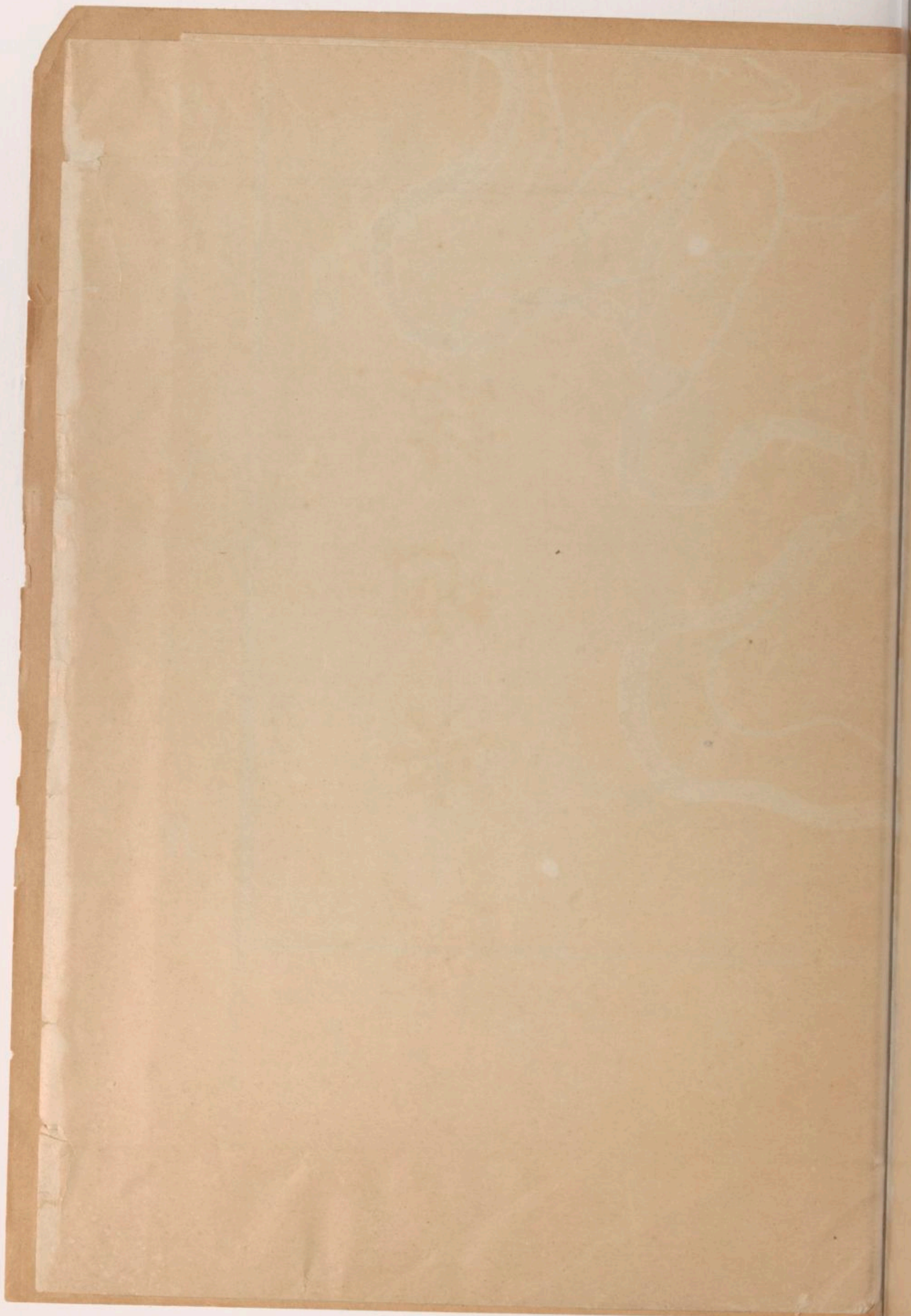
1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

M L K I H G E D D C B A



1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

M L K I H G E D D C B A



Dân - luật mới (Code Civil)

Làm dân nên biết Dân - luật

Nước ta mới có Dân - luật từ năm 1931.

Nhà nước đã đặt ra Dân - luật, thì từ nay về sau hết thảy những việc giao - tế trong xã - hội và việc kiện - tụng thuộc về việc dân, đều lấy quyền luật ấy làm điều - chuẩn.

Dân luật có 1.455 điều, hết thảy mọi việc quan - hệ đến dân đều qui - định ở trong đó cả.

Lại có nhiều điều lệ mới sửa đổi như : người đàn bà trước kia không có quyền sở - hữu về bất - động - sản, dù là ruộng đất của riêng vợ cũng phải có chồng cho phép mới được cầm, bán, hay cho ai, góa chồng thì phải lấy chữ các con ; theo Dân - luật mới thì đàn bà được sử dụng của riêng mình như đàn ông vậy. Ngày xưa con gái không được thừa - tự cha mẹ ; Dân - luật mới đã cho phép võ nam dùng nữ (nhưng cha mẹ là ngành thứ mới được). Lại như tiền kẽm ngày xưa đối với bạc bây giờ, trước kia chưa có luật định, thường kiện nhau lời thối ; Dân - luật mới đã định bản giá bạc. Đó là kể vài điều cho biết dân ta cần phải xem luật ; thực thì cả 1.455 điều, đã gọi là Dân - luật đều là điều quan - thiết đến dân, dân cần phải biết cả.

Dân cần biết luật không phải là biết để kiện ai đâu : biết để giữ mình ; biết để giữ của ; biết để tránh khỏi những sự thiệt - thòi oan - ức ; biết để khỏi bị bọn thầy cò dối lừa ; biết để khỏi bị bọn hào - cường ức hiếp.

Dân thường vì không biết luật mà sinh ra kiện nhau, nếu ai cũng biết luật thì sự kiện - tụng tự - nhiên phải bớt.

Quyền Dân - luật chẳng khác một ông trạng - sư ở luôn bên mình, mách ta những điều tri - thức, để ta hành động đúng phép. Quyền Dân - luật lại là cái kim nam - châm, chỉ lối cho dân, khỏi đi vào đường lầm lạc.

Quyền Dân - luật cần cho ta là thế, vậy nên :

Muốn cho thân mình được yên, cơ - nghiệp mình được vững, cho đủ tư cách làm dân mà bảo thủ quyền - lợi và tự do trong buổi đời này, ai ai cũng cần phải có một bộ Dân - luật.

Giá một bộ { chữ tây và quốc - ngữ . 1\$70
{ quốc - ngữ 0\$60

Hỏi tại : Nhà in Ngô - tử - Hạ
Số 24 - 46, phố Nhà - thờ — Hà - nội

保大柒年

興安地誌

日岩鄭如轅撰